



TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN
VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ

Đổi mới
để PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN | **2014**
www.dpm.vn

TẦM NHÌN

Phát triển trở thành doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam và trong khu vực về lĩnh vực sản xuất, kinh doanh phân bón và hóa chất phục vụ ngành dầu khí.

SỨ MỆNH

Sản xuất, cung ứng nguồn phân bón và hóa chất phong phú, đáng tin cậy với giá cả hợp lý và điều kiện tốt nhất cho khách hàng trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của nền nông nghiệp và kinh tế đất nước.

NỘI DUNG

04 Thông điệp Ban lãnh đạo



06 - 15

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN PVFCCo

- 08 Thông tin chung
- 10 Các cột mốc phát triển quan trọng
- 12 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 14 Các mục tiêu, định hướng phát triển



16 - 33

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- 18 Mô hình quản trị, tổ chức và bộ máy quản lý
- 19 Các công ty có liên quan
- 20 Sơ đồ tổ chức
- 22 Hội đồng quản trị
- 24 Ban điều hành
- 27 Ban kiểm soát
- 28 Tổ chức và nhân sự
- 29 Nguồn nhân lực
- 32 Kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty



Sa chng
SẢN PHẨM

34 - 69

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2014

- 36 Báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh năm 2014
- 44 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
- 48 Báo cáo của Hội đồng quản trị
- 51 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2015
- 52 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015
- 54 Danh hiệu, giải thưởng năm 2014
- 56 Thị trường phân bón thế giới
- 60 Thị trường phân bón trong nước



Phát luy
THỂ MẠNH

70 - 85

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 72 Tình hình quản trị Tổng công ty
- 78 Báo cáo quản trị rủi ro
- 84 Báo cáo quan hệ nhà đầu tư



Trách nhiệm
SẺ CHIA

86 - 105

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 88 Tổng quan về phát triển bền vững
- 94 Báo cáo an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường
- 104 Báo cáo trách nhiệm xã hội



Tăng trưởng
BỀN VỮNG

104 - 149

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- 106 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
- 108 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 110 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 112 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 113 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 115 Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất



THÔNG DIỆP

BAN LÃNH ĐẠO

“

NĂM 2014
CÓ THỂ ĐƯỢC COI LÀ
NĂM KHỞI ĐẦU
CHO MỘT GIAI ĐOẠN
PHÁT TRIỂN VỚI
NHỮNG THÁCH THỨC
VÀ VẬN HỘI MỚI.

”



Thưa Quý cổ đông và nhà đầu tư,

Nếu năm 2013 đánh dấu chặng đường 10 năm xây dựng và phát triển của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo) – một giai đoạn với nhiều thành công vượt bậc từ quyết tâm và nỗ lực của cổ đông, nhà đầu tư, tập thể lãnh đạo và người lao động của Tổng công ty thì năm 2014 có thể được coi là năm khởi đầu cho một giai đoạn phát triển với những thách thức và vận hội mới.

Năm 2014 đi qua với những dấu hiệu khởi sắc của nền kinh tế Việt Nam, công cuộc tái cấu trúc nền kinh tế và của các doanh nghiệp chuyển biến theo chiều hướng tích cực. Mặc dù vậy, những khó khăn, thách thức đối với nền kinh tế và các doanh nghiệp vẫn đang hiện hữu, đó là: Những tác động của tình hình căng thẳng tại biển Đông, vấn đề nợ xấu, lãi suất ngân hàng giảm, khôi phục sản xuất,... Đối với PVFCCo, bên cạnh những tác động chung từ tình hình kinh tế vĩ mô, khó khăn của thị trường phân bón, Tổng công ty còn phải đối mặt với những khó khăn, thách thức nhưng qua đó cũng đã nỗ lực tận dụng, tìm kiếm cơ hội trong các thách thức:

Thứ nhất, Chính phủ đã quyết định thực hiện lộ trình giá khí theo thị trường sớm hơn dự kiến với mức giá khí từ quý 2 đã tăng khoảng 12% so với quý 1. Việc này đã tạo thêm gánh nặng chi phí nguyên liệu đầu vào trong sản xuất phân bón của Tổng công ty. Tuy vậy, đây cũng là một cơ hội cho sản xuất kinh doanh của Tổng công ty khi mà giá cả đầu vào cũng như đầu ra đã tiến tới vận hành thực sự theo cơ chế thị trường, điều mà các doanh nghiệp cũng như nhà đầu tư mong muốn. Nhờ vào diễn biến khách quan của thị trường, mức giá khí thực tế của năm 2014 đặc biệt là nửa cuối năm đã có thuận lợi hơn, giúp Tổng công ty tiết giảm được đáng kể chi phí khí đầu vào.

Thứ hai, việc thực thi nghiêm ngặt kiểm soát tải trọng vận chuyển đường bộ khiến cho mặt bằng chi phí vận chuyển hàng hóa tăng mạnh. Đối với sản phẩm phân bón là mặt hàng có khối lượng lớn và chi phí vận chuyển chiếm tỷ trọng lớn trong khâu tiêu thụ. Chi phí vận chuyển tăng mạnh tạo áp lực cho Tổng công ty phải có các giải pháp điều độ hàng hóa tối ưu nhằm giảm tối đa chi phí mà vẫn đảm bảo mục tiêu phân phối hiệu quả sản lượng phân bón kinh doanh.

Thứ ba, giá ure thị trường trong nước và trên thế giới duy trì ở mức thấp và đang trong xu hướng giảm, nguyên nhân chủ yếu do nhiều nhà máy mới trên thế giới tiếp

tục đưa vào hoạt động dẫn đến khoảng cách cung cầu ngày càng bị nới rộng. Trước thách thức này, Tổng công ty đã có những nỗ lực đa dạng thị trường tiêu thụ: Xuất khẩu ra các thị trường mới như New Zealand, Jordan với các chủng loại đóng gói mới, đăng ký tiêu chuẩn chất lượng tại các thị trường khó tính như Nhật Bản,...

Với những nỗ lực vượt bậc, vượt qua thách thức và tận dụng cơ hội, năm 2014 Tổng công ty đã đạt được các mục tiêu:

- Vận hành nhà máy an toàn, ổn định tối đa, đạt sản lượng 850.279 tấn và vượt kế hoạch 6%.
- Nỗ lực vượt bậc trong việc tiết giảm chi phí giá thành sản xuất, chi phí quản lý bán hàng.
- Điều chỉnh chính sách kinh doanh, tổ chức khai thác có hiệu quả hệ thống phân phối trong bối cảnh mới nhằm tận dụng lợi thế thị trường, tiết giảm chi phí cơ hội.
- Vượt 15% kế hoạch doanh thu và vượt 22% kế hoạch lợi nhuận trước thuế.

Tổng công ty đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2014 nhưng thực tế là doanh thu, lợi nhuận có sự sụt giảm khá mạnh so với năm trước. Như chúng tôi đã chia sẻ tại thông điệp Báo cáo thường niên 2013, Tổng công ty sẽ quyết liệt triển khai đúng và vượt tiến độ các dự án sản xuất hóa chất UFC85/Formaldehyde, dự án nâng cấp xưởng Amoniac Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy sản xuất phân NPK bằng công nghệ hóa học. Trong năm 2014, nhiệm vụ này đã được thực hiện đúng tiến độ với 1 dự án đã khởi công và 1 dự án đã triển khai tới giai đoạn lựa chọn nhà thầu.

Với cam kết, quyết tâm và nỗ lực của tập thể CBCNV Tổng công ty cùng sự đồng hành và ủng hộ của các Quý cổ đông, Ban lãnh đạo Tổng công ty tin tưởng rằng Tổng công ty sẽ vững vàng vượt qua các khó khăn, thách thức phía trước để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch 2015, thực hiện đúng tiến độ các dự án để tạo đà tăng trưởng mạnh cho các năm sau.

Trân trọng.



LÊ CỰ TÂN
Chủ tịch Hội đồng quản trị



CAO HOÀI DƯƠNG
Tổng giám đốc

Từng mạnh **NỀN TẢNG**



GIỚI THIỆU PVFCCo

Trải qua 12 năm phát triển, PVFCCo đã khẳng định được niềm tin thương hiệu với một nền tảng vững chắc về tài chính, nguồn nhân lực. Sự thành công về vang của chặng đường đã qua là động lực để PVFCCo không ngừng nỗ lực hướng tới tương lai, mở rộng sự phát triển không chỉ ở thị trường Việt Nam mà còn tự tin vươn xa ở thị trường thế giới.

- 08 Thông tin chung
- 10 Các cột mốc phát triển quan trọng
- 12 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 14 Các mục tiêu, định hướng phát triển

VỐN ĐIỀU LỆ

3.800
tỷ VNĐ

12
NĂM

HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

TỔNG SẢN LƯỢNG
SẢN XUẤT TRUNG BÌNH
MỖI NĂM

800.000
tấn đạm Phú Mỹ.

THƯƠNG HIỆU
QUỐC GIA NĂM 2014



Vietnam Value



THÔNG TIN CHUNG PVFCCo



3.800

TỶ ĐỒNG
VỐN ĐIỀU LỆ

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	0303165480
Vốn điều lệ	3.800.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.800.000.000.000 đồng
Địa chỉ	43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Số điện thoại	(+84.8) 3825 6258
Số fax	(+84.8) 3825 6269
Website	www.dpm.vn
Mã cổ phiếu	DPM

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

NGÀY THÀNH LẬP

Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí (nay là Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP) là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 02/2003/QĐ-VPKP ngày 28/03/2003 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 19/01/2004.

Ngày 21/9/2004, Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP đã tiếp nhận Nhà máy đạm Phú Mỹ từ Tổ hợp nhà thầu Technip – Samsung và chính thức quản lý, vận hành đưa sản phẩm phân urê thương hiệu Đạm Phú Mỹ ra thị trường.



QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP

Từ Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần

Ngày 15/03/2007, Bộ Công nghiệp đã ra Quyết định số 793/QĐ-BCN về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí với 100% vốn nhà nước thành Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

Ngày 21/04/2007, Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán 40% cổ phần ra công chúng tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.

Ngày 30/06/2007, Công ty đã tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty cổ phần, thông qua Điều lệ công ty, bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thông qua các kế hoạch kinh doanh sau khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động.

Ngày 31/08/2007, Sở Kế hoạch Đầu tư TP. HCM đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký số 4103007696 và Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí chính thức đi vào hoạt động.

Niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE)

Ngày 29/10/2007, Công ty đã hoàn tất các thủ tục đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM (HOSE) và ngày 05/11/2007, Công ty đã chính thức niêm yết 380 triệu cổ phiếu trên sàn HOSE.

Loại chứng khoán	Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán	DPM
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
Số lượng niêm yết	380.000.000 cổ phiếu

Từ Công ty cổ phần thành Tổng công ty

Ngày 05/04/2008, Đại hội đồng cổ đông thông qua đề án chuyển đổi từ công ty cổ phần thành Tổng công ty (mô hình công ty mẹ - công ty con).

Ngày 15/05/2008, Sở Kế hoạch Đầu tư TP. HCM đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi số 4103007696 cho Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty cổ phần.



CÁC CỘT MỐC

PHÁT TRIỂN QUAN TRỌNG



12/03/2001

Phát động triển khai xây dựng Nhà máy đạm Phú Mỹ.



21/09/2004

PVFCCo nhận bàn giao Nhà máy đạm Phú Mỹ, chính thức đưa sản phẩm mang thương hiệu Đạm Phú Mỹ ra thị trường.

15/12/2004

Khánh thành Nhà máy Đạm Phú Mỹ.



15/05/2008

Chuyển đổi thành Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí.

2001

2003

2004

2007

2008



28/03/2003

Thành lập Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo).



31/08/2007

Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần.

05/11/2007

Cổ phiếu DPM được niêm yết và giao dịch trên HOSE.



14/09/2010

Khánh thành cụm thu hồi khí thải CO₂ nâng công suất Nhà máy đạm Phú Mỹ lên 800.000 tấn/năm.



28/03/2013

Kỷ niệm 10 năm thành lập, đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất.



02/2015

Nhà máy đạm Phú Mỹ đạt mốc sản lượng 8 triệu tấn.

2010

2011

2013

2014

2015



16/07/2011

Khánh thành trụ sở PVFCCo Tower.



23/12/2014

Thương hiệu Đạm Phú Mỹ của PVFCCo đã chính thức được công nhận là Thương hiệu Quốc gia 2014.



NGÀNH NGHỀ

VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty là sản xuất, kinh doanh phân bón và hóa chất. Hiện nay sản phẩm chủ lực của Tổng công ty là phân đạm (urê) hạt trong mang thương hiệu Đạm Phú Mỹ, phục vụ cho nền nông nghiệp của đất nước. Tổng công ty cũng đang kinh doanh các loại phân bón, hóa chất khác để đa dạng hóa sản phẩm, đồng thời xúc tiến xây dựng các nhà máy sản xuất phân bón, hóa chất.

ĐỊA BÀN KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất chính của Tổng công ty tiến hành tại Nhà máy đạm Phú Mỹ, đơn vị trực thuộc Tổng công ty, đặt tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trải rộng khắp các vùng canh tác nông nghiệp và cây công nghiệp trên khắp lãnh thổ Việt Nam thông qua hệ thống tiêu thụ sản phẩm hình thành từ các công ty con đóng trụ sở chính tại các khu vực: Miền Bắc, miền Trung & Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ.

Từ năm 2011, Tổng công ty triển khai hoạt động kinh doanh ra phạm vi khu vực Đông Nam Á, thiết lập quan hệ thương mại với các đối tác uy tín trong khu vực và thế giới để xúc tiến xuất khẩu phân bón ra thị trường Đông Nam Á, mở Văn phòng đại diện tại Myanmar, xúc tiến hoạt động quảng bá sản phẩm tại các thị trường này.



VỚI MỤC TIÊU KHÔNG NGỪNG PHÁT TRIỂN VÀ MỞ RỘNG ĐỊA BÀN KINH DOANH, TỔNG CÔNG TY ĐÃ CHỦ TRƯỞNG TẬP TRUNG MỌI NGUỒN LỰC ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN, ĐA DẠNG HÓA SẢN PHẨM, XÚC TIẾN HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU PHÂN BÓN SANG THỊ TRƯỜNG NƯỚC NGOÀI. VIỆC THƯƠNG HIỆU ĐẠM PHÚ MỸ ĐÃ CÓ MẶT TẠI THỊ TRƯỜNG NHIỀU NƯỚC KHÔNG CHỈ KHẲNG ĐỊNH SỰ PHÁT TRIỂN MỞ RỘNG CỦA PVFCCo MÀ CÒN KHẲNG ĐỊNH CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM CỦA MỘT THƯƠNG HIỆU PHÂN BÓN HÀNG ĐẦU VIỆT NAM.



Nhà máy đạ m Phú Mỹ



Kho trung chuyển



CÁC MỤC TIÊU,

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

“

ĐỂ GIẢI QUYẾT BÀI TOÁN TĂNG TRƯỞNG, VỚI QUYẾT TÂM ĐỔI MỚI – SÁNG TẠO, TRONG NHỮNG NĂM QUA BAN LÃNH ĐẠO TỔNG CÔNG TY ĐÃ TẬP TRUNG MỌI NGUỒN LỰC ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN, ĐA DẠNG HÓA SẢN PHẨM, TRIỂN KHAI ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM THUỘC LĨNH VỰC SẢN XUẤT PHÂN BÓN, HÓA CHẤT, HÓA DẦU THEO CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐỀ RA.

Trải qua 12 năm xây dựng và phát triển, Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP (PVFCCo) đã đạt được những thành quả hết sức ấn tượng trong sản xuất và kinh doanh. Tuy nhiên, nhìn vào kết quả sản xuất kinh doanh kể từ năm 2012 đến nay, PVFCCo đang gặp khó khăn trong vấn đề duy trì tốc độ tăng trưởng về doanh thu, lợi nhuận. Để giải quyết bài toán tăng trưởng, với quyết tâm đổi mới – sáng tạo, trong những năm qua Ban lãnh đạo Tổng công ty đã tập trung mọi nguồn lực đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, đa dạng hóa sản phẩm, triển khai đầu tư các dự án trọng điểm thuộc lĩnh vực sản xuất phân bón, hóa chất, hóa dầu theo chiến lược phát triển đề ra. Bên cạnh đó, PVFCCo cùng với các đơn vị tư vấn rà soát, cập nhật bổ sung các dự án mới vào chiến lược phát triển của Tổng công ty đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035 để triển khai thực hiện. Trong giai đoạn từ năm 2015 đến 2020, Tổng công ty triển khai các định hướng và mục tiêu phát triển như sau:



VỀ SẢN XUẤT

- Duy trì Nhà máy đạm Phú Mỹ sản xuất trung bình 800.000 tấn/năm.
- Nhà máy NPK Phú Mỹ đi vào hoạt động từ 2017, đạt 100% công suất từ năm 2018.
- Hình thành các cơ sở sản xuất hóa chất có quy mô lớn, công nghệ hiện đại đầu tiên của PVFCCo bao gồm NH_3 , UFC-85/Formalin, H_2SO_4 , cao su tổng hợp SBR, nhựa SM/PS.



VỀ KINH DOANH PHÂN BÓN

- Thị phần urê trong nước duy trì ở mức tối thiểu 35%.
- Tiêu thụ hết và có hiệu quả sản lượng NPK Phú Mỹ hàng năm (250.000 tấn).
- Mở rộng thị trường ra nước ngoài, tập trung tại một số nước thuộc khu vực Đông Nam Á.
- Tiêu thụ 100% các sản phẩm hóa chất sản xuất được, doanh thu tiến tới bằng và vượt mǎng phân bón.

VỀ ĐẦU TƯ

- Hoàn thành đúng tiến độ đầu tư các dự án: NH_3 & NPK hóa học, UFC85, H_2SO_4 , PS, SM, SBR.
- Triển khai các bước chuẩn bị đầu tư các dự án: H_2O_2 , Na_2CO_3 , PP, NPK Phú Mỹ mở rộng.

Tổng công ty đánh giá nguyên nhân một số mục tiêu chiến lược để ra trong giai đoạn 2008 - 2015 chưa thực hiện được và tiến độ một số dự án chậm so với mục tiêu hoàn thành vào cuối năm 2015 là: Một số dự án lớn tạm dừng chưa triển khai hoặc chưa thành công; các dự án Amoniac, Nitrat Amon, Oxy già triển khai trong giai đoạn kinh tế gặp khủng hoảng nên việc nghiên cứu chuẩn bị đầu tư cần thêm nhiều thời gian.

Nâng cao
NĂNG LỰC





MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong ngành sản xuất và kinh doanh phân bón tại Việt Nam, hiện nay PVFCCo đã sở hữu 4 công ty vùng miền, 1 chi nhánh, 1 văn phòng đại diện với đội ngũ nhân viên hùng mạnh, chuyên nghiệp và năng động. Hằng năm, PVFCCo đều có những chính sách đào tạo kỹ năng, trau dồi kinh nghiệm cho nhân viên nhằm nâng cao chất lượng năng lực về cả hoạt động sản xuất cũng như kinh doanh bán hàng.

- 18 Mô hình quản trị, tổ chức và bộ máy quản lý
- 19 Các công ty có liên quan
- 20 Sơ đồ tổ chức
- 22 Hội đồng quản trị
- 24 Ban điều hành
- 27 Ban kiểm soát
- 28 Tổ chức và nhân sự
- 29 Nguồn nhân lực
- 32 Kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty

TỔNG SỐ CBNV

1.950
NGƯỜI

11

CÔNG TY
CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

61%
HƠN
CỔ PHẦN DO NHÀ NƯỚC
NẤM GIỮ

TỔNG SẢN LƯỢNG
SẢN XUẤT NĂM 2014

850.000
tấn phân đạm





MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Tổng công ty là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam – cổ đông nhà nước nắm giữ hơn 61% vốn cổ phần của Tổng công ty. Phần vốn còn lại được sở hữu bởi hàng ngàn cổ đông gồm các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Công ty mẹ và các công ty con của Tổng công ty được tổ chức theo hình thức công ty cổ phần, trong đó công ty mẹ đã trở thành công ty đại chúng, niêm yết trên thị trường chứng khoán. Công ty mẹ tuân thủ các quy định và chuẩn mực quản trị của doanh nghiệp niêm yết. Tháng 3/2015, Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (PVFCCo SE) đã chính thức niêm yết trên sàn HNX với mã cổ phiếu PSE. Các công ty con khác sẽ tiến tới trở thành công ty đại chúng và niêm yết trên thị trường chứng khoán trong tương lai.

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY MẸ

- **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
- **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị đương nhiệm của Tổng công ty có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và 01 thành viên chuyên trách, 2 thành viên kiêm nhiệm trong đó có Tổng giám đốc.

- **BAN KIỂM SOÁT**

Ban kiểm soát đương nhiệm gồm Trưởng ban và 1 thành viên chuyên trách, 1 thành viên kiêm nhiệm.

- **BAN ĐIỀU HÀNH**

Đứng đầu Ban điều hành là thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc. Giúp việc cho Tổng giám đốc có các Phó Tổng giám đốc phụ trách về các lĩnh vực như sản xuất, công nghệ - kỹ thuật - đầu tư xây dựng, tài chính - kế toán, bán hàng và xây dựng hệ thống phân phối, công tác nghiên cứu phát triển, hợp tác quốc tế và nội chính.

Tại trụ sở Công ty mẹ, bộ máy tham mưu cho Ban điều hành gồm các ban chức năng theo từng mảng lĩnh vực chuyên môn. Các đơn vị hạch toán phụ thuộc gồm các chi nhánh, văn phòng đại diện đặt tại các địa bàn sản xuất – kinh doanh khác của Tổng công ty.



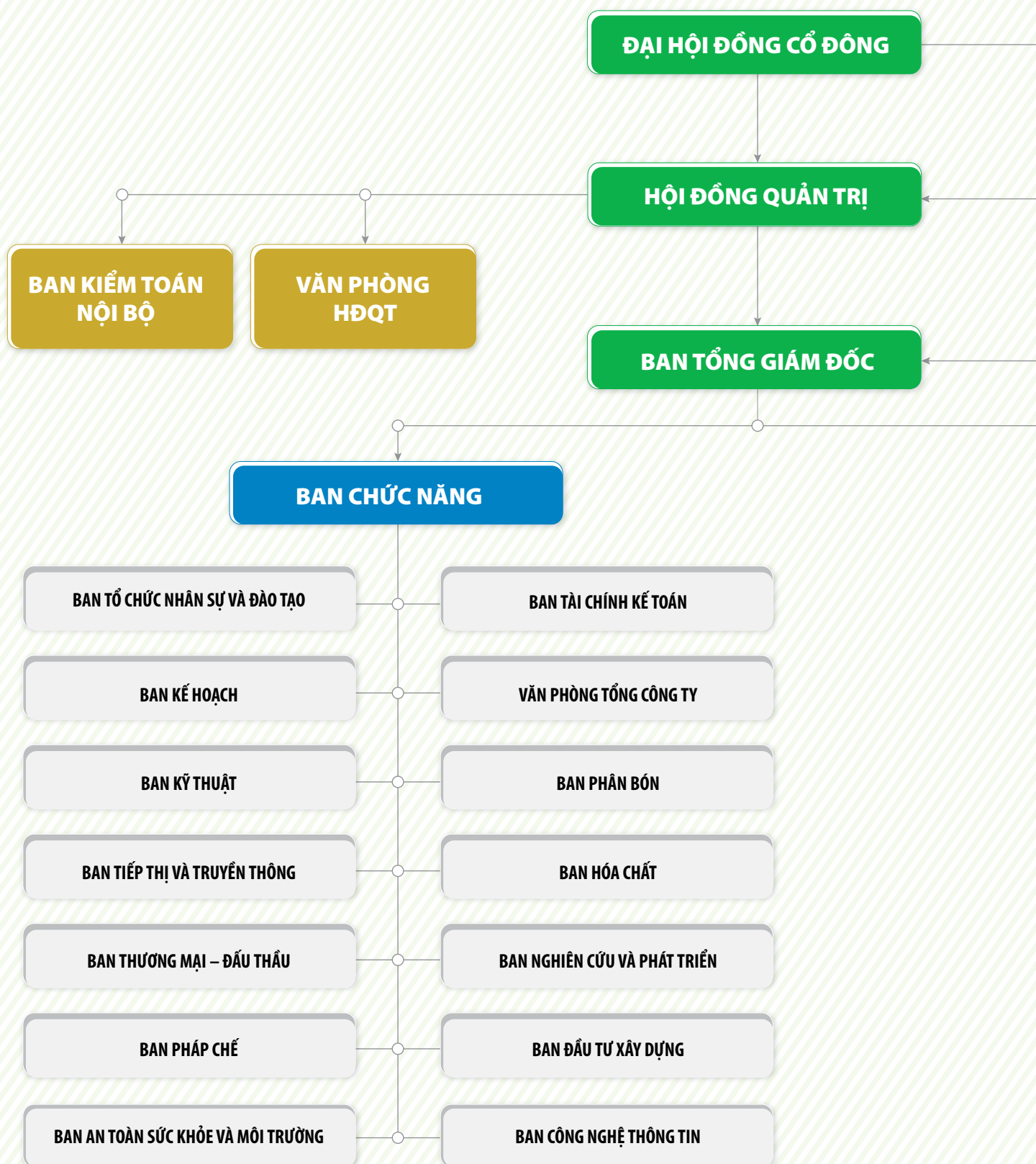
CÁC CÔNG TY NẪM GIỮ TỪ 50% CỔ PHẦN TRỞ LÊN

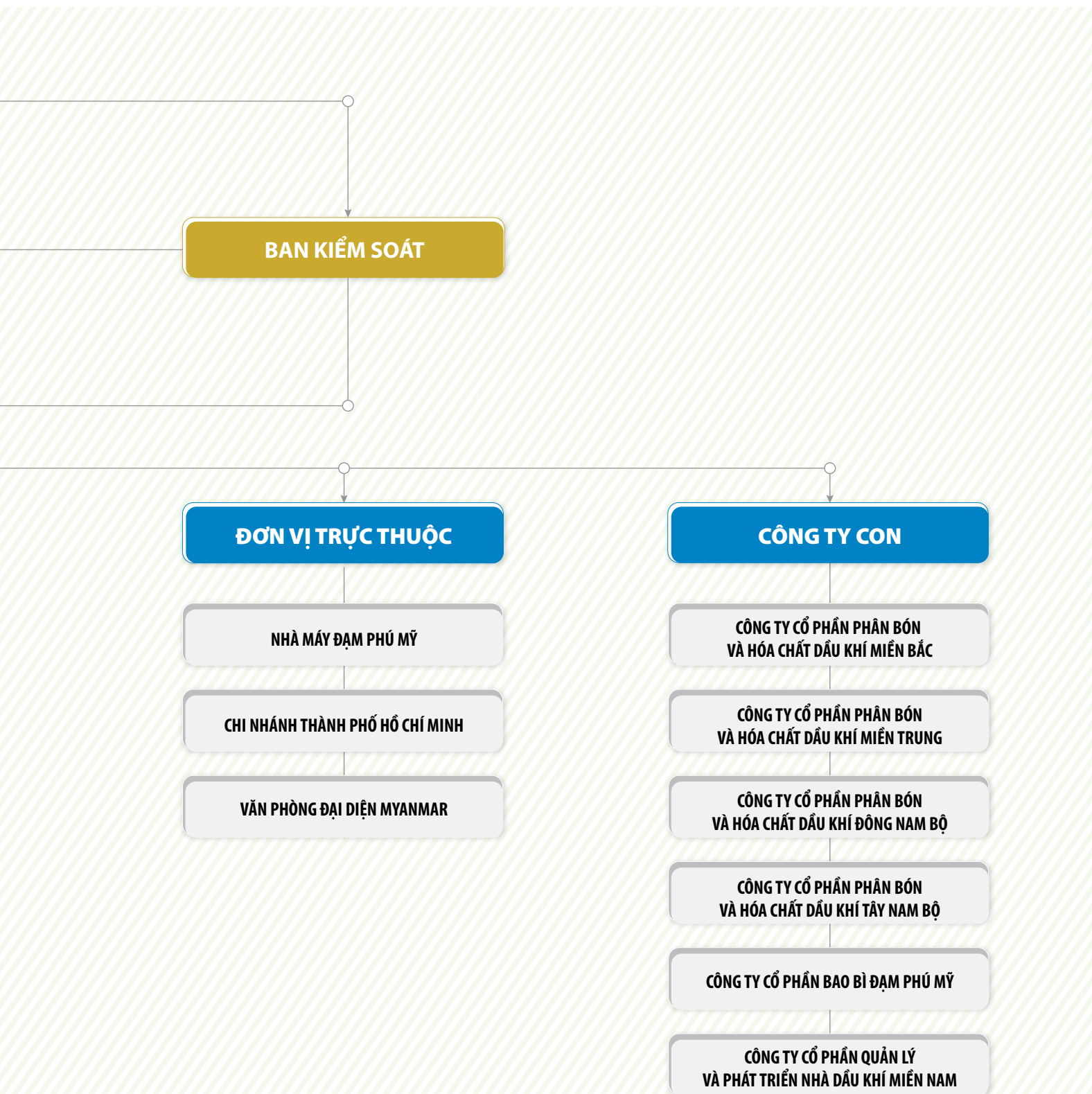
STT	TÊN CÔNG TY	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	VỐN ĐIỀU LỆ (TRIỆU ĐỒNG)	TỶ LỆ NẪM GIỮ
1	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (PVFCCo - North) Địa chỉ: Tầng 4, 167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Kinh doanh phân bón, hóa chất	120.000	75%
2	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (PVFCCo - Central) Địa chỉ: Lô A2, Cụm Công nghiệp Nhơn Bình, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Kinh doanh phân bón, hóa chất	100.000	75%
3	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (PVFCCo-SE) Địa chỉ: 27 Đinh Bộ Lĩnh, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh phân bón, hóa chất	125.000	75%
4	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (PVFCCo-SW) Địa chỉ: 151/18 Trần Hoàng Na, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	Kinh doanh phân bón, hóa chất	170.000	75%
5	Công ty Cổ phần Bao bì đạm Phú Mỹ (PVFCCo - Packaging) Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Sản xuất, kinh doanh bao bì	42.000	50,98%
6	Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí Miền Nam (PVFCCo - SBD) Địa chỉ: 27 Đinh Bộ Lĩnh, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ quản lý, phát triển nhà, xây lắp và dịch vụ vận chuyển	72.248	81,38%

CÁC CÔNG TY NẪM GIỮ DƯỚI 50% VỐN

STT	TÊN CÔNG TY	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	VỐN ĐIỀU LỆ (TRIỆU ĐỒNG)	TỶ LỆ NẪM GIỮ
1	Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PV TEX) Địa chỉ: Lô CN5.5 A Khu Công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm xơ sợi tổng hợp	2.165.110	25,99%
2	Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí – CTCP (DMC) (*) Địa chỉ: Tầng 6, 167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh hóa chất, hóa phẩm phục vụ ngành dầu khí và khác	500.000	10,27%
3	Công ty CP Công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu khí (PAIC) Địa chỉ: Tầng 10, 173 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Công nghệ thông tin, viễn thông và Tự động hóa, năng lượng sạch	42.352	8,5%
4	Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC Mekong) Địa chỉ: Số 131, Trần Hưng Đạo, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Tư vấn thiết kế, thi công xây lắp, sản xuất vật liệu xây dựng, kinh doanh bất động sản	280.689	35,63%
5	Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi Địa chỉ: Tỉnh lộ 8, Xã Tài Văn, Huyện Trấn Đức, Tỉnh Sóc Trăng	Nuôi trồng chế biến và mua bán thủy, hải sản	295.000	6,78%

(*) Trong năm 2014, Tổng công ty đã thoái toàn bộ vốn góp tại Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí – CTCP (DMC).







HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông LÊ CỰ TÂN

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác máy tàu biển; Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp, Thạc sĩ Kỹ thuật chuyên ngành Tự động hóa.

Ông bắt đầu công tác tại ngành Dầu khí Việt Nam từ năm 1992, trải qua nhiều vị trí quản lý tại các đơn vị thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC). Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc PTSC trước khi đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí từ tháng 12/2013.



Bà NGUYỄN THỊ HIỀN

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngoại thương.

Bà đã có quá trình công tác tại Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Điện 2, Ban QLDA Khí - Điện - Đạm Cà Mau, Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí với các vị trí cán bộ phân tích, cán bộ quản lý công tác kế hoạch...

Từ 07/2007-3/2009 bà được bầu giữ chức Trưởng Ban kiểm soát PVFCCo và từ tháng 3/2009 đến nay, là thành viên Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị PVFCCo.



Ông CAO HOÀI DƯƠNG
*Tổng giám đốc
 kiêm Ủy viên Hội đồng quản trị*

Năm sinh: 1972
 Trình độ chuyên môn:
 Kỹ sư ngành Lọc hóa dầu,
 Thạc sĩ Công nghệ hóa dầu.

Ông được bổ nhiệm giữ chức Tổng giám đốc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí từ ngày 15/11/2010 và kiêm nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty từ tháng 2/2011. Trước đó, ông đã có nhiều năm công tác trong lĩnh vực lọc hóa dầu, đặc biệt là trải qua các vị trí quản lý tại Ban Quản lý dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn – dự án Nhà máy Lọc hóa dầu số 2 của Petrovietnam. Ông đã đảm nhiệm các chức vụ: Trưởng ban Ban Quản lý dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn và Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn (liên doanh giữa Việt Nam, Kuwait và Nhật Bản).



Ông NGUYỄN HỒNG VINH
Ủy viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1960
 Trình độ chuyên môn:
 Kỹ sư Nông nghiệp

Ông có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý điều hành trong lĩnh vực phân bón và vật tư nông nghiệp Việt Nam, đặc biệt là trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Từ tháng 12/2009 - 7/2013, ông đảm nhận chức vụ Phó Tổng giám đốc PVFCCo. Từ tháng 4/2013, ông được bầu vào Hội đồng quản trị và giữ chức Ủy viên HĐQT chuyên trách của PVFCCo.



Ông ĐINH QUANG HOÀN
Ủy viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1976
 Trình độ chuyên môn:
 Thạc sĩ Kinh tế, ACCA.

Từ năm 1998, ông làm việc cho các công ty kiểm toán hàng đầu là Arthur Andersen và KPMG. Đến năm 2007, ông gia nhập Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC) với lĩnh vực chính là tư vấn tài chính, chứng khoán. Hiện tại, ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc VCSC và với sự đề cử của nhóm cổ đông DPM, ông được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 bầu giữ chức thành viên HĐQT kiêm nhiệm nhiệm kỳ 2013 - 2018 của Tổng công ty.



BAN ĐIỀU HÀNH



Ông CAO HOÀI DƯƠNG

*Tổng giám đốc
kiêm Ủy viên Hội đồng quản trị*

Năm sinh: 1972
Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư ngành Lọc hóa dầu,
Thạc sĩ Công nghệ hóa dầu.

Ông được bổ nhiệm giữ chức Tổng giám đốc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí từ ngày 15/11/2010 và kiêm nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty từ tháng 2/2011. Trước đó, ông đã có nhiều năm công tác trong lĩnh vực lọc hóa dầu, đặc biệt là trải qua các vị trí quản lý tại Ban Quản lý dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn – dự án Nhà máy Lọc hóa dầu số 2 của Petrovietnam. Ông đã đảm nhiệm các chức vụ: Trưởng ban Ban Quản lý dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn và Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn (liên doanh giữa Việt Nam, Kuwait và Nhật Bản).



Ông LÊ VĂN QUỐC VIỆT

*Phó Tổng giám đốc
phụ trách Nội chính*

Năm sinh: 1962
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế Kế hoạch.

Sau khi rời quân ngũ năm 1984, ông đã tham gia công tác Đoàn, Đảng, công tác tổ chức, nhân sự tại đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo và Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt – Xô. Từ tháng 5/2007, ông giữ chức Trưởng ban Tổ chức nhân sự PVFCCo và sau đó được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc từ tháng 2/2009.



Ông TŨ CƯỜNG

*Phó Tổng giám đốc
phụ trách Sản xuất, Giám đốc Nhà máy
đạm Phú Mỹ*

Năm sinh: 1960
Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Công nghệ Hóa hữu cơ.

Các công việc, chức vụ đã đảm nhận:
Cán bộ phiên dịch, Ban Quản lý Lao
động Tiệp Khắc, Bộ LĐ-TB-XH, Kỹ thuật
viên, Phòng Độc chất, Bệnh viện Bạch
Mai - Hà Nội, Kỹ sư phòng Công nghệ,
Trưởng phòng Phân phối khí, Trưởng
phòng Kinh doanh... của Tổng công
ty Khí Việt Nam (PV Gas), Giám đốc Xí
nghiệp chế biến khí PV Gas. Từ năm
2008, ông giữ chức Phó Tổng giám
đốc PVFCCo kiêm Giám đốc Nhà máy
đạm Phú Mỹ.



Ông HOÀNG VIỆT DŨNG

*Phó Tổng giám đốc
phụ trách Công nghệ - Kỹ thuật –
Đầu tư Xây dựng*

Năm sinh: 1972
Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Công nghệ Hóa dầu.

Từ tháng 1/1996 - 10/2002: Chuyên
viên Tổng công ty Dầu khí Việt Nam
(Petrovietnam) và được cử đi học tại
UOP - Mỹ. Ông đã đảm nhiệm các vị
trí Chuyên viên Ban QLDA Nhà máy
Lọc dầu Dung Quất, Phó Trưởng Ban
QLDA Nhà máy Lọc dầu Dung Quất,
trước khi được bổ nhiệm giữ chức
Phó Tổng giám đốc PVFCCo từ tháng
3/2011.



Ông NGUYỄN VĂN TÔNG

*Phó Tổng giám đốc
phụ trách Tài chính Kế toán
và Kiểm toán*

Năm sinh: 1958
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Tài chính Kế toán ngành
Ngân hàng Kiến thiết.

Ông đã có thời gian công tác tại Tổng
cục Thuế (Văn phòng 2 tại TP. HCM),
công tác tài chính kế toán tại Công ty
Dầu khí II, Công ty Thăm dò và Khai
thác Dầu khí, Trung tâm An toàn và
Môi trường Dầu khí. Ông đảm trách
chức vụ Trưởng Ban kiểm soát Tổng
công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ
Khoan Dầu khí (PVD) và chức vụ Phó
Tổng giám đốc kiêm Giám đốc chi
nhánh TP. HCM – Công ty Cổ phần
Chứng khoán Dầu khí (PSI) trước khi
được bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng
giám đốc PVFCCo từ tháng 4/2009.



BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



Ông DƯƠNG TRÍ HỘI

*Phó Tổng giám đốc
phụ trách Bán hàng và Xây dựng
hệ thống phân phối*

Năm sinh: 1978
Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Điện công nghiệp, Cử nhân
Kinh tế Kế hoạch Đầu tư.

Ông thuộc lớp cán bộ trẻ trưởng thành từ môi trường hoạt động của PVFCCo. Từ năm 2007, ông gia nhập PVFCCo và đã trải qua các vị trí Trợ lý Tổng giám đốc, Trưởng phòng Tiếp thị, Giám đốc Công ty PVFCCo Miền Trung, Giám đốc Công ty PVFCCo Đông Nam Bộ trước khi được bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc PVFCCo vào tháng 7/2013.



Bà LÊ THỊ THU HƯƠNG

*Phó Tổng giám đốc phụ trách Hợp tác
quốc tế, Pháp chế, Nghiên cứu phát
triển và Đầu tư tài chính*

Năm sinh: 1975
Trình độ chuyên môn:
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Từ năm 1996, bà bắt đầu công tác tại Sở Thương mại TP. Hà Nội, sau đó là Vụ Thương mại và Dịch vụ - Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tháng 5/2008, bà đảm nhận chức vụ Trưởng ban Ban Luật và Hợp tác quốc tế Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam. Trước khi được bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP vào ngày 01/3/2013, bà đảm nhận chức vụ Phó trưởng Ban Đầu tư phát triển - Tập đoàn dầu khí Việt Nam từ 2009 -2013.



Ông HUỖNH KIM NHÂN

Kế toán trưởng

Năm sinh: 1976
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế ngành Tài chính
Kế toán.

Từ năm 1998 đến 6/2007, ông đảm nhiệm các vị trí Chuyên viên Kế toán Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Dầu khí; Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán, Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán – PVFCCo. Ông được bổ nhiệm giữ chức Kế toán trưởng PVFCCo từ tháng 6/2007.



Bà TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO
Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1970
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế chuyên ngành
Ngoại thương.

Bà đã có quá trình công tác tại Công ty PETEC - Bộ Thương mại, Công ty Giám sát các hợp đồng PSC – Petrovietnam trong công tác kinh doanh, quản lý hợp đồng, tài chính kế toán và kiểm toán. Từ năm 2001, bà đảm nhận chức vụ Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán Ban QLDA Nhà máy đạm Phú Mỹ, Phó trưởng ban Ban Thương mại thị trường, PVFCCo. Bà được bầu vào Ban kiểm soát và giữ chức Trưởng Ban kiểm soát PVFCCo từ tháng 3/2009.



Ông NGUYỄN VĂN HÒA
Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1969
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế chuyên ngành
Ngân hàng.

Ông có quá trình công tác gắn bó với Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) qua các chức vụ Nhân viên kế toán, Kế toán trưởng ACB Đà Nẵng, Phó phòng Kế toán và Kế toán trưởng Hội sở ACB từ năm 2002. Ông được bầu vào Ban kiểm soát PVFCCo từ năm 2007.



Ông LÊ VINH VẤN
Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1969
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân chuyên ngành Tài chính
Kế toán.

Ông đã trải qua vị trí Chuyên viên Kế toán Công ty Liên doanh Dịch vụ Dầu Khí OSC – SOS International; Kế toán trưởng Công ty TNHH TM DV Classic, Chuyên viên phòng Thương mại Vật tư – PVFCCo, Chuyên viên Ban kiểm soát PVFCCo. Ông đảm nhận vị trí thành viên Ban kiểm soát PVFCCo từ tháng 11/2008.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU DPM	
			ĐẠI DIỆN	SỞ HỮU CÁ NHÂN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
1	Lê Cự Tân	Chủ tịch HĐQT chuyên trách, không điều hành	77.404.253	50.000
2	Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch HĐQT chuyên trách, không điều hành	55.100.000	5.500
3	Cao Hoài Dương	Thành viên HĐQT kiêm TGD	55.100.000	2.000
4	Nguyễn Hồng Vinh	Thành viên HĐQT chuyên trách, không điều hành	45.600.000	-
5	Đình Quang Hoàn	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm, không điều hành	-	-
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC				
1	Cao Hoài Dương	Tổng giám đốc	55.100.000	2.000
2	Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng giám đốc	-	-
3	Từ Cường	Phó Tổng giám đốc	-	-
4	Nguyễn Văn Tông	Phó Tổng giám đốc	-	-
5	Dương Trí Hội	Phó Tổng giám đốc	-	-
6	Hoàng Việt Dũng	Phó Tổng giám đốc	-	-
7	Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng giám đốc	-	-
BAN KIỂM SOÁT				
1	Trần Thị Phương Thảo	Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách	-	-
2	Nguyễn Văn Hòa	Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm	-	-
3	Lê Vinh Văn	Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách	-	-
KẾ TOÁN TRƯỞNG				
1	Huỳnh Kim Nhân	Kế toán trưởng	-	-

(*) Ghi chú: Số lượng cổ phiếu DPM thuộc phần vốn nhà nước do các thành viên Hội đồng quản trị đại diện được cập nhật theo quyết định giao đại diện quản lý phần vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

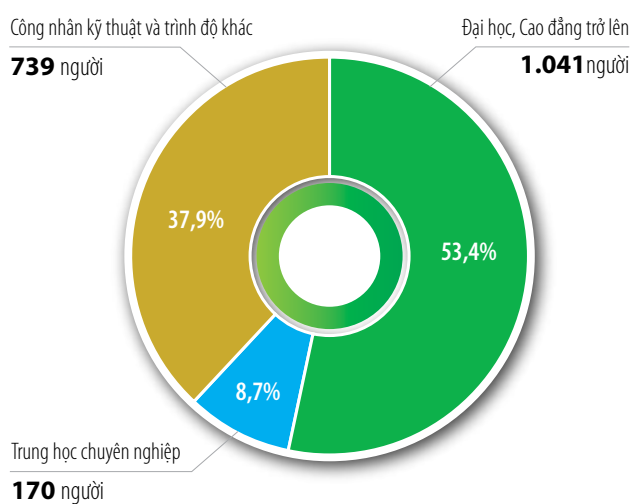
THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2014 không có thay đổi nhân sự trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành.

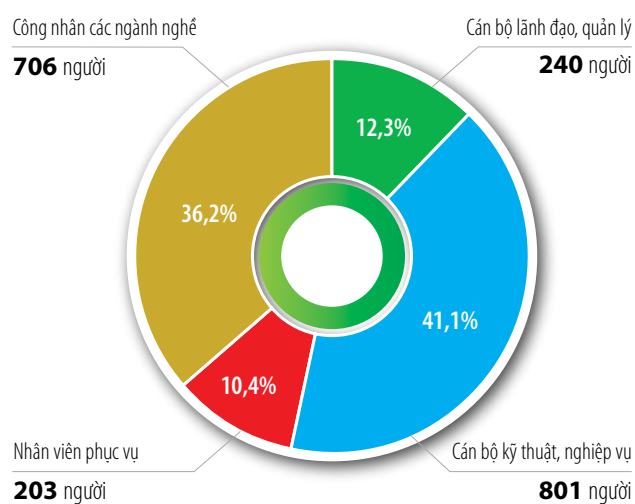


“ TỔNG SỐ CBCNV TOÀN TỔNG CÔNG TY
TÍNH ĐẾN THỜI ĐIỂM 31/12/2014 (GỒM CÔNG TY
MẸ VÀ CÔNG TY CON): **1.950** NGƯỜI

PHÂN LOẠI THEO TRÌNH ĐỘ



PHÂN LOẠI THEO PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG





CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

“ TRONG BỐI CẢNH NỀN KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2014 GẶP NHIỀU KHÓ KHĂN, TỔNG CÔNG TY ĐÃ NỖ LỰC VÀ CỐ GẮNG ĐẢM BẢO ỔN ĐỊNH CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG.

CHÍNH SÁCH NHÂN VIÊN

Từ năm 2008, Tổng công ty đã xây dựng, ban hành và đưa vào áp dụng thang, bảng lương mới phù hợp với mô hình công ty cổ phần, theo quy định của Bộ luật Lao động – Thương binh xã hội, hướng tới việc trả lương theo thị trường nhằm hạn chế hiện tượng chảy máu chất xám và thu hút lao động giỏi. Từ đó đến nay hệ thống thang, bảng lương thường xuyên được nghiên cứu sửa đổi và điều chỉnh cho phù hợp với các quy định của pháp luật cũng như tình hình thực tế SXKD. Tổng công ty đã thực hiện tốt chế độ Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm Thất nghiệp cho người lao động theo đúng các quy định của Luật Bảo hiểm Xã hội và các Quy định của Chính phủ.

Bên cạnh đó, Tổng công ty cũng đã ban hành chính sách nhân viên áp dụng từ 01/01/2009, hàng năm được chỉnh sửa bổ sung phù hợp với tình hình thực tế của Tổng công ty. Quy định bao gồm các chính sách phúc lợi áp dụng cho toàn thể CBCNV và một số chính sách có tính đãi ngộ đối với những người lao động giỏi, có trình độ quản lý và chuyên môn cao, bao gồm: Chế độ lương, thưởng, đào tạo, học tập, nghỉ ngơi, lưu trú và các chế độ phúc lợi khác.



Nhằm đảm bảo giữ người lao động đối với các vị trí chuyên môn về công nghệ, kỹ thuật quan trọng, Tổng công ty xây dựng quy định về việc công nhận và áp dụng các bậc lương chuyên gia với mức lương cao nhằm thu hút, giữ chân nhân tài. Theo đó, có những chuyên gia bậc cao được áp dụng mức lương có thể tương đương với mức lương cán bộ quản lý cấp Ban của Tổng công ty hoặc Giám đốc các công ty con. Hiện nay, Tổng công ty đã có 20 nhân sự được công nhận chức danh chuyên gia.

Năm 2014, Tổng công ty đã hoàn thành 2 dự án quan trọng về chính sách quản trị nhân sự và tiền lương, đó là dự án xây dựng tiêu chí đánh giá



hiệu quả công việc (KPI) và dự án cải tiến chính sách tiền lương, xây dựng bộ từ điển năng lực, khung năng lực đã hoàn thành và sẽ áp dụng trong năm 2015. Theo đó, việc tổ chức, quản lý, sắp xếp nhân sự sẽ đảm bảo tính hợp lý, khoa học, đúng người đúng việc, đo lường chính xác năng lực và kết quả công việc của nhân viên và việc trả lương, thưởng sẽ công bằng và chính xác.

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Xác định việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, rèn luyện ý thức, tác phong công nghiệp cho CBCNV đóng vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý và điều hành

sản xuất kinh doanh, Tổng công ty đã rất quan tâm và xây dựng các cơ chế chính sách, quy chế, quy định đào tạo để khuyến khích CBCNV nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Chất lượng đào tạo được nâng cao, đào tạo đúng nhiệm vụ chức danh công việc đảm nhận, đẩy mạnh tổ chức tập trung đào tạo kỹ năng quản lý, kỹ năng mềm và chuyên môn nghiệp vụ, chuyên môn kỹ thuật. Kết hợp tốt giữa các hình thức đào tạo nội bộ, đào tạo trong nước và đào tạo ở nước ngoài. Quan tâm đào tạo nhân lực trẻ, có tiềm năng phát triển trong chuyên môn và quản lý. Thường xuyên cập nhật, điều chỉnh chính sách để động viên, khuyến khích

CBCNV tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ.

Trong thời gian qua, lãnh đạo Tổng công ty luôn xem công tác đào tạo nội bộ là phương thức thực hiện đào tạo hiệu quả nhất, nên đã rất quan tâm và đầu tư đúng mức. Nhờ vậy, đội ngũ CBCNV đã trưởng thành vượt bậc, vận hành Nhà máy đạm Phú Mỹ an toàn, hiệu quả, làm chủ hệ thống kinh doanh, phân phối.

Các khóa đào tạo nước ngoài hoặc có yếu tố nước ngoài đều được rà soát, kiểm tra đảm bảo phù hợp, hiệu quả (trình độ ngoại ngữ, đối tượng đào tạo). Ban lãnh đạo Tổng công ty luôn quan tâm và sẵn sàng đầu tư cho các cán bộ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật có chuyên môn giỏi tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu mang tính đặc thù ở nước ngoài để tiếp nhận các kinh nghiệm, kiến thức mới phục vụ cho hoạt động SXKD của Tổng công ty cũng như hỗ trợ cho các dự án mới của Tập đoàn.

Tăng cường đào tạo tại chỗ, mời giảng viên về đào tạo riêng cho CBCNV theo chương trình, nội dung đặt hàng để đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với tính chất đặc thù công việc của Tổng công ty.

Thường xuyên linh động trong công tác triển khai kế hoạch đào tạo, đáp ứng kịp thời nhu cầu cập nhật, bổ sung và nâng cao kiến thức CBCNV phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Nguồn nhân lực sau đào tạo ở tất cả các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh đều đã đáp ứng tốt yêu cầu công việc, đặc biệt là đội ngũ cán bộ vận hành, kỹ thuật của Tổng công ty đã phát huy tốt trình độ để vận hành, bảo dưỡng Nhà máy đạm Phú Mỹ an toàn, hiệu quả và luôn cán đích về trước kế hoạch đề ra.



KẾT QUẢ

SẢN XUẤT KINH DOANH



9.972

TỶ VNĐ

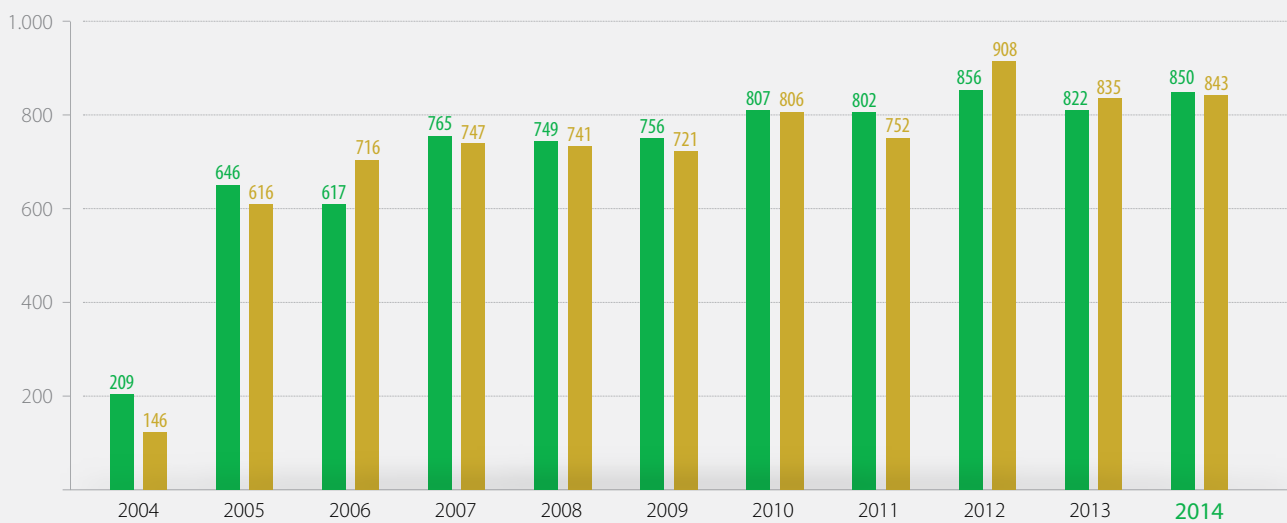
TỔNG DOANH THU NĂM 2014

CHỈ TIÊU VỀ SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH ĐẠM PHÚ MỸ

ĐVT: Nghìn tấn

NĂM	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Sản lượng sản xuất	209	646	617	765	749	756	807	802	856	822	850
Sản lượng kinh doanh	146	616	716	747	741	721	806	752	908	835	843

ĐVT: Nghìn tấn



■ Sản lượng sản xuất ■ Sản lượng kinh doanh

1.285

TỶ VNĐ

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ NĂM 2014

1.096

TỶ VNĐ

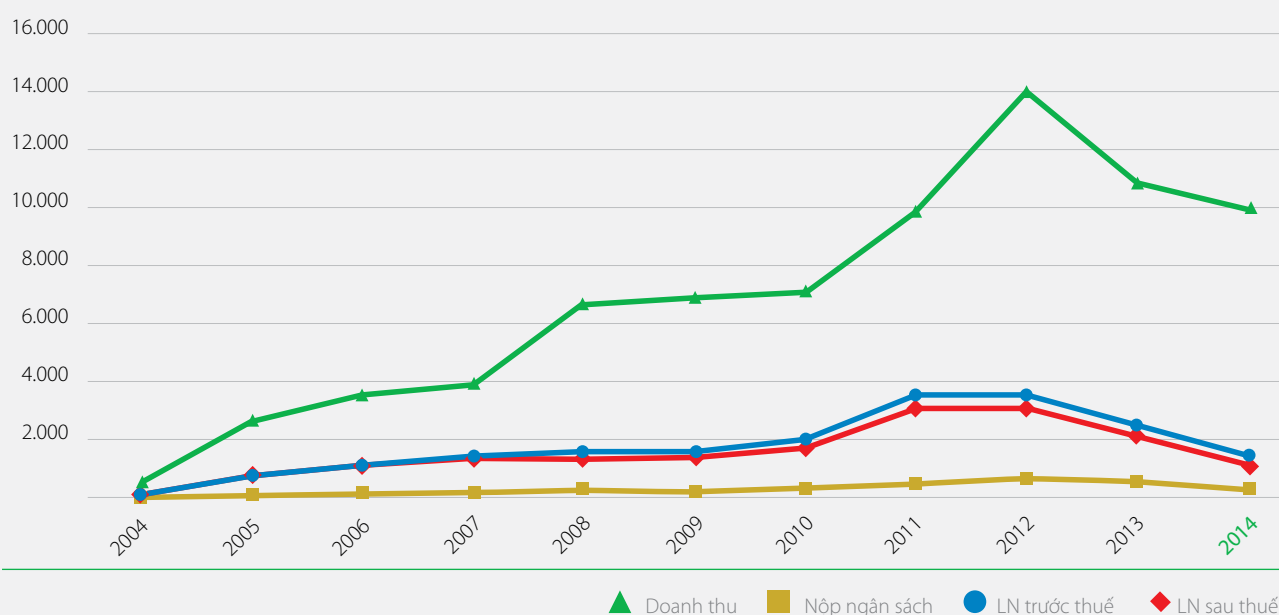
LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2014

CHỈ TIÊU VỀ TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

ĐVT: Tỷ đồng

NĂM	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Doanh thu	498	2.713	3.542	3.928	6.625	6.834	6.999	9.763	13.906	10.807	9.972
Nộp NS	24	85	107	151	283	253	405	537	694	602	308
Lợi nhuận trước thuế	157	791	1.161	1.330	1.501	1.520	1.922	3.510	3.542	2.468	1.285
Lợi nhuận sau thuế	157	791	1.161	1.329	1.383	1.348	1.706	3.140	3.016	2.142	1.096

ĐVT: Tỷ đồng



Đa dạng **SẢN PHẨM**



BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



Mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm là một trong những chiến lược phát triển lâu dài của PVFCCo. Năm 2014, PVFCCo đã thực sự ghi nhận nhiều thành tựu đáng kể đối với mục tiêu chiến lược này. Bên cạnh việc kinh doanh nhiều sản phẩm phân bón mang thương hiệu Phú Mỹ như: NPK, Kali, DAP... PVFCCo còn đẩy mạnh hoạt động gia công, sản xuất kinh doanh hóa chất, phục vụ hiệu quả cho ngành công nghiệp thăm dò và khai thác dầu khí.

- 36 Báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh năm 2014
- 44 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
- 48 Báo cáo của Hội đồng quản trị
- 51 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2015
- 52 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015
- 54 Danh hiệu, giải thưởng năm 2014
- 56 Thị trường phân bón thế giới
- 60 Thị trường phân bón trong nước

TỔNG DOANH THU

9.972
tỷ VNĐ

SẢN LƯỢNG KD
PHÂN BÓN ĐẠT

1,22
TRIỆU TẤN

TỔNG TÀI SẢN

10.111
TỶ ĐỒNG

SẢN LƯỢNG KD
HÓA CHẤT ĐẠT

3.800
tấn hóa chất



**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH****BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ SXKD NĂM 2014**

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	
A	B	C	
1	SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT		
	Đạm Phú Mỹ	Ngàn tấn	
	Bao bì	Triệu bao	
2	SẢN LƯỢNG PHÂN BÓN NHẬP KHẨU	Ngàn tấn	
3	SẢN LƯỢNG KINH DOANH		
	Đạm Phú Mỹ	Ngàn tấn	
	Phân bón tự doanh	Ngàn tấn	
	Hóa chất	Ngàn tấn	
	Bao bì	Triệu bao	
4	CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH TOÀN TỔNG CÔNG TY (HỢP NHẤT)		
	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	
	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	
	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	
	Nộp NSNN	Tỷ đồng	
5	CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ		
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	
	Trong đó: Vốn điều lệ	Tỷ đồng	
	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	
	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	
	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	
	Nộp NSNN	Tỷ đồng	
6	ĐẦU TƯ		
a.	Tổng mức đầu tư	Tỷ đồng	
	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	
	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	
	Đầu tư góp vốn	Tỷ đồng	
b.	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	
	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	

	THỰC HIỆN NĂM 2013	KẾ HOẠCH NĂM 2014	THỰC HIỆN NĂM 2014	TỶ LỆ SO VỚI NĂM 2013 (%)	TỶ LỆ HOÀN THÀNH KH (%)
	1	2	3	4=3/1	5=3/2
	822	800	850	103%	106%
	44	46	49,7	113%	108%
	137	192	143,7	105%	75%
	835	800	843	101%	105%
	362	330	380	105%	115%
	5,3	4,2	3,8	72%	90%
	44	46	49,5	113%	108%
	10.807	8.700	9.972	92%	115%
	2.468	1.050	1.285	52%	122%
	2.142	910	1.096	51%	120%
	602	330	308	51%	92%
	9.265	6.765	8.694	94%	129%
	3.800	3.800	3.800	100%	100%
	8.402	7.407	8.001	95%	108%
	2.352	968	1.181	50%	122%
	2.110	866	1.066	51%	123%
	56	23	28,06	51%	123%
	518	187	214	41%	114%
	178,38	410	262	147%	64%
	85	301	160	189%	53%
	58,24	80	74	126%	92%
	35,14	28,56	29	81%	100%
	178,35	410	262	147%	64%
	178,35	352	262	147%	74%
		58			



NÉT NỔI BẬT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD TRONG NĂM

“NĂM 2014, NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC TIẾP TỤC ĐỐI MẶT VỚI NHIỀU KHÓ KHĂN, TÁC ĐỘNG KHÔNG NHỎ ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH, NHƯNG TỔNG CÔNG TY ĐÃ HOÀN THÀNH VƯỢT MỨC CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH QUAN TRỌNG ĐÃ ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA.

NHỮNG YẾU TỐ KHÓ KHĂN CHO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014:

- Về thị trường: Giá urê trong nước và thế giới giảm; Giá nông sản giảm; Giá khí theo giá thị trường từ 01/04/2014.
- Nhà máy đạm Phú Mỹ vận hành đã gần 12 năm, máy móc già cỗi làm tăng chi phí bảo dưỡng dẫn đến tăng giá thành cùng với rủi ro sự cố cao.
- Đầu tư vào các công ty liên kết hiệu quả thấp.
- Về chi phí bán hàng: Do áp lực cạnh tranh các hoạt động hỗ trợ bán hàng đòi hỏi phải tăng thêm chi phí, ngoài ra đơn giá cước vận chuyển bốc xếp hàng hóa cũng tăng. Các yếu tố khách quan này khiến cho chi phí bán hàng tăng thêm.

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

VỀ SẢN XUẤT

Nhà máy đạm Phú Mỹ đã hoàn thành kế hoạch sản xuất trước 21 ngày, sản lượng cả năm đạt hơn 850 nghìn tấn, vượt 6% so với kế hoạch, đánh dấu thành tích 8 năm liên tục vận hành an toàn, ổn định, vượt công suất thiết kế.

VỀ KINH DOANH

- Thương hiệu “Đạm Phú Mỹ” vững vàng ở vị trí số 1; Thương hiệu NPK Phú Mỹ, DAP Phú Mỹ, kali Phú Mỹ đã khẳng định được chỗ đứng trên thị trường. Sản lượng bán hàng của PVFCCo đạt 1,22 triệu tấn các sản phẩm Đạm Phú Mỹ và phân bón khác.
- Phát triển mạnh mẽ mảng chế biến và kinh doanh hóa chất bằng việc đưa Xưởng phối trộn hóa chất dầu khí đi vào hoạt động thương mại, cung cấp đa dạng hóa phẩm hóa

chất phục vụ thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí mà trước đây Việt Nam phải nhập khẩu 100% và các sản phẩm này được các đối tác như Biển Đông JOC, Hoàng Long JOC, Hoàng Vũ JOC, Lam Sơn JOC,... đánh giá cao không kém sản phẩm của các nước phương Tây, song song đó là việc PVFCCo khởi công xây dựng Nhà máy Hóa chất UFC85 15 nghìn tấn/năm đã khẳng định sự phát triển vượt bậc trong lĩnh vực hóa chất của TCT trong năm 2014.

- Doanh thu năm 2014 đạt 9.972 tỷ đồng, đạt 115% kế hoạch, giảm 8% so với cùng kỳ 2013. Tổng doanh thu vượt kế hoạch nhưng giảm so với năm 2013 chủ yếu do thị trường cạnh tranh cao, giá sản phẩm phân bón - mặt hàng kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty - năm 2014 suy giảm so với 2013, cụ thể: Giá Đạm Phú Mỹ giảm 22%; giá phân bón tự doanh giảm 10%.
- Lợi nhuận trước thuế: 1.285 tỷ đồng - đạt 122% kế hoạch năm do Tổng công ty đã tối ưu hóa hoạt động sản xuất, chính sách bán hàng, tiết giảm chi phí nhằm giảm thiểu tác động của xu hướng giá bán sản phẩm giảm hơn so với dự báo. Tuy nhiên, chỉ tiêu này giảm 44% so với cùng kỳ 2013, chủ yếu do giá bán giảm trong khi giá thành tăng 14% so với năm 2013.

SẢN LƯỢNG KINH DOANH
PHÂN BÓN ĐẠT

1,22 TRIỆU TẤN

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Năm 2014 trước sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt giữa sản phẩm nội địa và hàng hóa nhập khẩu, Tổng công ty cân nhắc và lựa chọn các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực thế mạnh của mình. Các dự án được nghiên cứu đầu tư một cách cẩn trọng để đảm bảo không chỉ hiệu quả kinh tế mà còn nâng cao sự cạnh tranh, giữ vững và phát triển uy tín, thương hiệu các sản phẩm phân bón của Tổng công ty.

CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU ĐÃ VÀ ĐANG TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2014

Dự án nâng công suất xưởng Amoniac (NH_3) và xây dựng nhà máy sản xuất phân NPK công nghệ hóa học: Đây là dự án gồm 2 gói thầu chính là dự án nâng công suất xưởng NH_3 tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ, tăng thêm 90.000 tấn/năm (tăng 20% công suất hiện có) và xây dựng Nhà máy sản xuất 250.000 tấn NPK/năm từ nguồn NH_3 bằng công nghệ hóa học. Tổng mức

đầu tư dự kiến gần 5.000 tỷ đồng. Đây là một dự án mang tính khả thi cao trong điều kiện nhu cầu thị trường NPK trong nước mỗi năm cần hơn 2 triệu tấn nhưng sản xuất sản phẩm chất lượng cao, công nghệ hiện đại mới chỉ đáp ứng khoảng 5 – 10%. Tổng công ty đang tiến hành đánh giá Hồ sơ dự thầu của các nhà thầu về 2 gói thầu chính. Dự án sẽ được triển khai trong năm 2015 và hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2017.

Dự án xưởng sản xuất hóa chất UFC85/Formaldehyde công suất thiết kế 15.000 tấn/năm, tổng mức đầu tư là 497 tỷ đồng. UFC85 là một phụ gia quan trọng trong quá trình sản xuất urê. Hiện tại trong nước chưa có nhà cung ứng nào cho sản phẩm này. Hợp chất làm tăng độ cứng, bền và giảm mật của sản phẩm. Qua đó, giúp cho sản phẩm Đạm Phú Mỹ dẻo dai hơn trong quá trình vận chuyển, đảm bảo chất lượng đến tận tay người tiêu dùng. Ngoài việc phục vụ cho nhu cầu tăng chất lượng sản phẩm, Tổng công ty sẽ là nhà sản xuất trong nước đầu tiên cung ứng sản phẩm này. Hiện dự án đang được thi công và dự kiến hoàn thành trong năm 2016.

Bên cạnh các dự án nói trên, Tổng công ty đang tích cực triển khai nghiên cứu khả năng đầu tư vào các dự án sản xuất NH_3 (công suất lớn), Polystyrene (PS) và các loại chất dẻo cao cấp khác phục vụ ngành công nghiệp phụ trợ từ các nguồn khí Đông Nam Bộ và Cá Voi Xanh. Đây là các dự án mang tầm chiến lược của Tổng công ty với kỳ vọng sẽ đi vào vận hành trong giai đoạn 2018-2022, làm nên bước phát triển đột phá của Tổng công ty, đưa mảng hóa chất sánh ngang mảng phân bón.

TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

Xác định tầm quan trọng của công tác nghiên cứu phát triển đối với sự phát triển của Tổng công ty, trong năm 2014, PVFCCo đã quyết liệt triển khai các giải pháp (quản lý, phân bổ nguồn lực, lập kế hoạch trung và dài hạn...) để đổi mới và nâng cao hiệu quả của hoạt động nghiên cứu phát triển theo hướng chú trọng khả năng ứng dụng, bám sát nhu cầu thị trường, đồng thời tận dụng các lợi thế sẵn có của Tổng công ty và của ngành dầu khí.

Các nội dung nghiên cứu trọng tâm trong năm 2014 gồm các sản phẩm phân bón trên nền urê (nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, nghiên cứu kết hợp urê với hữu cơ), các sản phẩm phân bón và hóa chất đặc thù (kết hợp khoáng với hữu cơ, tối ưu công thức NPK, sản phẩm phân bón hỗn hợp khoáng cao, các sản phẩm có giá trị cao từ phế phẩm nông nghiệp, kết hợp với hệ thống tưới,...). Một số sản phẩm đã được phát triển thành công và đang được chuẩn bị đưa vào sản xuất kinh doanh thực tế.

Trong năm 2015, PVFCCo sẽ tiếp tục đẩy mạnh các nghiên cứu có khả năng ứng dụng cao, nghiên cứu các mô hình quản lý hoặc giải pháp kinh doanh mới phù hợp với quy mô phát triển, đồng thời trang bị cơ sở vật chất cho công tác nghiên cứu phát triển (xưởng sản xuất thực nghiệm, phòng thí nghiệm, vườn thực nghiệm...) nhằm tăng tính chủ động, kịp thời triển khai các ý tưởng sáng tạo có triển vọng. Bên cạnh đó, Tổng công ty tăng cường việc hợp tác với các cơ quan, đơn vị trong và ngoài nước để nghiên cứu, phát triển các sản phẩm phân bón, hóa chất mới và có tiềm năng sản xuất kinh doanh.





BÁO CÁO TÌNH HÌNH

SẢN XUẤT, KINH DOANH NĂM 2014 (tiếp theo)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY

TÌNH HÌNH TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2013	31/12/2014	TỶ LỆ TĂNG (GIẢM)
TỔNG TÀI SẢN	10.805	10.111	-6%
Tài sản ngắn hạn	7.515	7.200	-4%
Tài sản dài hạn	3.290	2.911	-12%
TỔNG NGUỒN VỐN	10.805	10.111	-6%
NỢ PHẢI TRẢ	1.249	1.106	-11%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	9.346	8.788	-6%
• Vốn điều lệ	3.800	3.800	0%
TỔNG DOANH THU	10.807	9.972	-8%
TỔNG CHI PHÍ	8.208	8.408	2%
LÃI VAY	3,3	2,9	-11%
EBIT	2.602	1.567	-40%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	2.468	1.285	-48%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	2.179	1.134	-48%
• LNST cổ đông thiểu số	37	38	3%
• LNST Công ty mẹ	2.142	1.096	-49%

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2013	NĂM 2014
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	6,14	6,90
Hệ số thanh toán nhanh	5,05	5,47
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	11,56%	10,94%
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	13,37%	12,59%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho	7,73	6,40
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	96%	94%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số LNST/Doanh thu thuần	20,67%	11,48%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng doanh thu	23%	13%
ROE	22,92%	12,47%
ROA	19,83%	10,84%



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2014 CỦA CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

ĐVT: Tỷ đồng

NỘI DUNG	TỶ LỆ VỐN GÓP/TỔNG VỐN ĐIỀU LỆ (%)	TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ THỰC TẾ	VĐL	LNST	TỶ SUẤT LNST/VĐL	CỔ TỨC ĐƯỢC CHIA
Đầu tư vào công ty con		466,46	629,25	144,65		
PVFCCo - North	75,00%	90,00	120,00	26,16	22%	16,20
PVFCCo - Central	75,00%	75,00	100,00	40,20	40%	15,00
PVFCCo - SE	75,00%	93,75	125,00	29,57	24%	15,94
PVFCCo - SW	75,00%	127,50	170,00	31,89	19%	19,13
PVFCCo - Packaging	50,98%	21,41	42,00	10,18	24%	3,21
PVFCCo - SBD	81,38%	58,80	72,25	6,66	9%	5,29
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		662,70	2.445,80	-1.114,16		-
PVTEX - Đình Vũ	25,99%	562,70	2.165,11	-1.086,00	-50%	-
PVC - Mekong	35,63%	100,00	280,69	-28,16	-10%	-
Đầu tư dài hạn khác		20,50	337,35	13,19		-
PAIC	8,50%	3,60	42,35	1,30	3%	-
Công ty CP Thủy hải sản Útxi	6,78%	16,90	295,00	11,90	4%	-
Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm dầu khí (DMC)		ĐÃ THOÁI VỐN TRONG NĂM 2014				3,04
TỔNG CỘNG		1.149,66	3.412,40	-956,31	-28%	-



BÁO CÁO TÌNH HÌNH

SẢN XUẤT, KINH DOANH NĂM 2014 (tiếp theo)

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần của Tổng công ty khi phát hành lần đầu (IPO) ra công chúng: 380.000.000 cổ phần, tất cả đều là cổ phần phổ thông.

Số cổ phần đang lưu hành: Tại thời điểm cuối năm 2014, tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng công ty là 379.934.260 cổ phiếu (trừ 65.740 cổ phiếu quỹ).

Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: Không có.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

THEO DANH SÁCH CỔ ĐÔNG DO TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM LẬP NGÀY 18/03/2015, TỔNG SỐ CỔ PHẦN ĐANG LƯU HÀNH LÀ **379.934.260** CỔ PHẦN, SỞ HỮU BỞI 9.403 CỔ ĐÔNG.

Cổ đông trong nước

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước

CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ % TRÊN TỔNG SỐ CỔ PHẦN LƯU HÀNH
Pháp nhân	107	248.291.971	65,35%
Cá nhân	8.697	37.572.225	9,89%
Cộng	8.804	285.864.196	75,24%

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn trong nước

TÊN CỔ ĐÔNG VÀ ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NẤM GIỮ	TỶ LỆ % TRÊN TỔNG SỐ CỔ PHẦN LƯU HÀNH
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam Địa chỉ: 18 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội. Tập đoàn kinh tế nhà nước thuộc sở hữu của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam Website: www.pvn.vn	• Tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến, tàng trữ và vận chuyển dầu khí, làm dịch vụ dầu khí trong và ngoài nước; Kinh doanh vật tư, thiết bị trong ngành dầu khí; Kinh doanh, phân phối sản phẩm dầu khí và hóa dầu; • Đầu tư sản xuất, kinh doanh điện, nhiên liệu sinh học, năng lượng tái tạo; • Các ngành nghề kinh doanh phụ trợ liên quan đến lĩnh vực dầu khí, năng lượng.	233.204.253	61,38%



Cổ đông nước ngoài

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông nước ngoài

CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ % TRÊN TỔNG SỐ CỔ PHẦN LƯU HÀNH
Pháp nhân	112	92.389.946	24,32%
Cá nhân	487	1.680.118	0,44%
Cộng	599	94.070.064	24,76%

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn nước ngoài: Không có

Cổ đông nhà nước: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (như trên)

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2014, Tổng công ty không tăng vốn cổ phần.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Tổng số cổ phiếu quỹ tại thời điểm đầu năm 2014: 65.740 cổ phần.

Trong năm 2014, Tổng công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ. Tổng số cổ phiếu quỹ tại thời 31/12/2014: 65.740 cổ phần.



BÁO CÁO CỦA

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



BƯỚC SANG NĂM THỨ 12 KỂ TỪ NGÀY THÀNH LẬP VÀ TRẢI QUA GẦN 8 NĂM HOẠT ĐỘNG VỚI MÔ HÌNH CÔNG TY CỔ PHẦN, PVFCCo NGÀY CÀNG LỚN MẠNH, PHÁT TRIỂN VÀ KẾT TINH NHỮNG GIÁ TRỊ BỀN VỮNG.



SẢN LƯỢNG
SẢN XUẤT ĐẠT

850.000

TẤN ĐẠM PHÚ MỸ
VỀ ĐÍCH TRƯỚC 21 NGÀY

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Bước sang năm thứ 12 kể từ ngày thành lập và trải qua gần 8 năm hoạt động với mô hình Công ty cổ phần, PVFCCo ngày càng lớn mạnh, phát triển và kết tinh những giá trị bền vững. Kế thừa và phát huy kinh nghiệm, nguồn nhân lực cùng với những thay đổi phù hợp về mô hình tổ chức, quản lý và phương thức điều hành, năm 2014, PVFCCo tiếp tục đạt được kết quả ấn tượng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành mục tiêu phát triển thương hiệu, từng bước nâng cao vị thế cạnh tranh trên thị trường sản xuất, kinh doanh phân bón, hóa chất trong và ngoài nước; tạo được sự yên tâm và gắn bó lâu dài đối với CBCNV trong Tổng Công ty; khẳng định tính đúng đắn, phù hợp trong chiến lược kinh doanh tạo tiền đề cho sự phát triển của Tổng Công ty trong giai đoạn tới.

Để đạt được bước tiến trong năm 2014 Tổng công ty đã tận dụng những thuận lợi và khắc phục những khó khăn, chủ yếu như sau:

Thuận lợi

- Tổng công ty luôn nhận được sự hỗ trợ từ Tập đoàn, các đơn vị trong Ngành và các Bộ/ Ngành có liên quan, đặc biệt là được đảm bảo nguồn nguyên liệu khí cho sản xuất.
- Chất lượng và thương hiệu Đạm Phú Mỹ đã được khẳng định về uy tín, vị thế trong lĩnh vực phân bón.
- Hệ thống phân phối, kinh doanh được triển khai bền vững đến các vùng tiêu thụ.

Khó khăn

- Nhà máy vận hành đã hơn 11 năm nên tiềm ẩn nhiều nguy cơ sự cố về máy móc, thiết bị.

- Giá xăng dầu cao và chỉ bắt đầu giảm nhẹ từ cuối tháng 7/2014 cùng với việc kiểm soát vận tải làm tăng chi phí vận chuyển, bốc xếp từ 50 - 100% so với cuối năm 2013.
- Thị trường kinh doanh tuy được mở rộng nhưng mức độ cạnh tranh ngày một gay gắt do nguồn cung trong nước dồi dào khiến giá phân bón giảm.

KẾT QUẢ SXKD TRONG NĂM

- Doanh thu: 9,972 nghìn tỷ đồng - vượt 15% KH;
- Lợi nhuận trước thuế: 1,29 nghìn tỷ đồng - vượt 22% KH;
- Sản lượng sản xuất: 850 nghìn tấn Đạm Phú Mỹ, về đích trước 21 ngày;
- Sản lượng kinh doanh: 843 nghìn tấn Đạm Phú Mỹ (chưa kể các loại phân bón khác) - vượt 5% KH khi thị trường cạnh tranh rất gay gắt.

CÁC TIẾN BỘ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM

- **Trong hoạt động sản xuất:** Tích lũy kinh nghiệm trong quá trình bảo dưỡng định kỳ, công tác này trong năm 2014 đã có nhiều tiến bộ, đã chủ động và nhanh chóng xử lý sự cố phát sinh. Công tác rà soát, hiệu chỉnh và áp dụng các bộ định mức đã có hiệu quả, giúp giảm giá thành sản xuất.
- **Trong hoạt động kinh doanh:** Thương hiệu Đạm Phú Mỹ được giữ vững trên thị trường và từng bước phát triển ra thị trường quốc tế, đa dạng phương thức xuất khẩu, đặc biệt chinh phục được thị trường khó tính như Jordan, Nhật Bản. Mặc dù thị trường phân đạm đã có sự cạnh tranh rất mạnh mẽ nhưng Tổng công ty đã duy trì được thị phần, sản lượng tiêu thụ cao. Bên cạnh đó là tạo được chỗ đứng trên

thị trường bằng chất lượng các sản phẩm NPK Phú Mỹ, DAP Phú Mỹ, Kali Phú Mỹ và đặc biệt là phát triển mạnh mẽ mảng chế biến và kinh doanh hóa chất.

• Trong công tác tổ chức, nhân sự:

Đã hoàn thành và sẽ đưa vào áp dụng trong năm 2015 dự án KPI và dự án cải tiến chính sách tiền lương, xây dựng bộ từ điển năng lực, khung năng lực. Đã cập nhật, điều chỉnh hoàn thiện sơ đồ tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ của các Ban/Văn phòng thuộc bộ máy điều hành của Tổng công ty phù hợp với thực tế; sắp xếp lại bộ máy trên cơ sở tinh gọn, giảm bớt cấp quản lý trung gian.

Tuy nhiên, cũng phải nhận thấy rằng trong năm 2014, hoạt động SX - KD của Tổng công ty cũng còn một số hạn chế cần được khắc phục trong thời gian tới, đó là:

- Biên chế còn lớn, bộ máy chưa thực sự tinh gọn.
- Cần có những bước đột phá thực sự trong công tác nghiên cứu phát triển.
- Đội ngũ kinh doanh tuy đã rất cố gắng nhưng một số còn yếu và thiếu về chuyên môn, kinh nghiệm để phù hợp với thị trường ngày một khó khăn, đối thủ ngày một chuyên nghiệp hơn.
- Đầu tư tài chính (liên doanh liên kết) kém hiệu quả.
- Nhân sự đã dần chuyên nghiệp, tuy nhiên đã xuất hiện hiện tượng trì trệ trong công việc.
- Lực lượng làm công tác ĐTXD đông nhưng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của Tổng công ty.

Các hạn chế này là thách thức không nhỏ mà PVFCCo cần phải khắc phục ngay khi thị trường cạnh tranh cao và ngày một gay gắt.

ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN CỦA PVFCCO

Tổng tài sản của PVFCCo tại ngày 31/12/2014 là 10.111 tỷ đồng, giảm 6% so với cùng kỳ năm 2013 (10.111/10.805 tỷ đồng). Lượng tiền và các khoản tương đương tiền của PVFCCo tăng 26% so với cùng kỳ năm 2013 (5.078/4.032 tỷ đồng) do PVFCCo điều chỉnh kỳ hạn tiền gửi từ 6 tháng đến 12 tháng xuống thành tiền gửi kỳ hạn 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng nhóm 1 và 2 theo xếp loại của Ngân hàng Nhà nước.

Trong năm 2014, PVFCCo thực hiện việc trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính theo quy định của Bộ Tài chính đối với công ty PVC – Mekong, PVTEX và PAIC với số tiền trích lập là 448 tỷ đồng.

Trong năm 2014, tổng doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh giảm 8% so với cùng kỳ năm 2013 [9.972/10.807 (tỷ đồng)]. Lợi nhuận giảm 49% so với năm 2013, nguyên nhân chủ yếu là do:

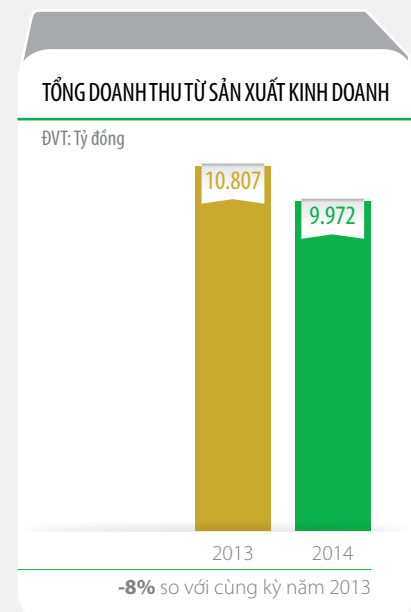
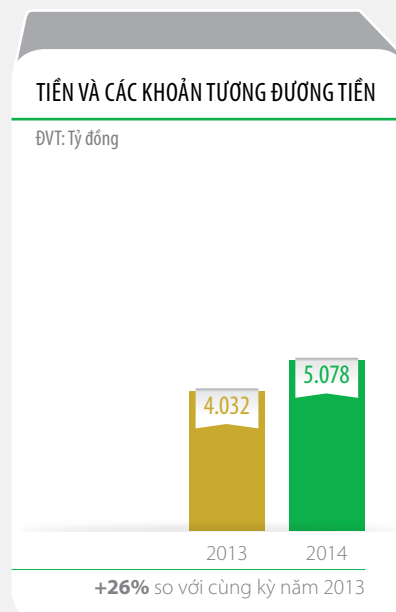
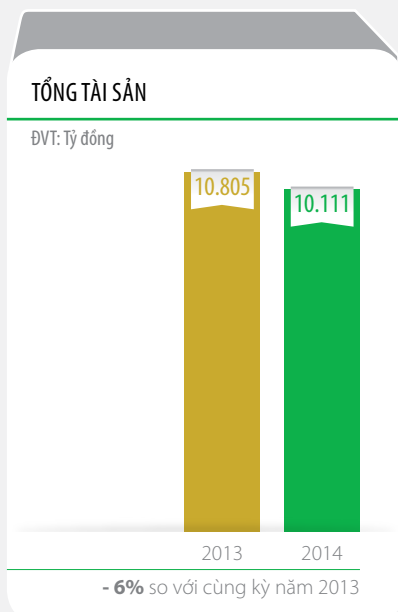
- Giá bán bình quân urê Phú Mỹ năm 2014 là 7.479 triệu đồng/ tấn, thấp hơn 22% so với năm 2013 [(7.479/8.459 (triệu đồng/tấn)). Thấp hơn giá bán kế hoạch 2014 là 1,4% [7.479/7.584 (triệu đồng/tấn)].
- Giá khí bình quân 12 tháng 2014 là 6,78 USD/MMBTU cao hơn giá khí năm 2013 là 3,35% (6,78/6,56 USD/MMBTU).
- Ngoài ra, doanh thu từ hoạt động tài chính do lãi suất tiền gửi giảm.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Khoản nợ phải trả năm 2014 của PVFCCo là 1.106 tỷ đồng giảm 11% so với cùng kỳ năm 2013 (1.106/1.249 tỷ đồng).

Khả năng thanh toán hiện hành và thanh toán nhanh năm 2014 vẫn duy trì ở mức cao và lớn hơn 1. Điều này cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ tốt; Các chỉ số này tăng so với năm 2013 nguyên nhân do khoản nợ ngắn hạn năm 2014 giảm 11% so với cùng kỳ năm 2013 chủ yếu là do chi phí phải trả giảm.

Với lượng tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ là 5.078 tỷ đồng, PVFCCo chủ động được nguồn vốn cho sản xuất, kinh doanh và thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch.





NỢ PHẢI TRẢ

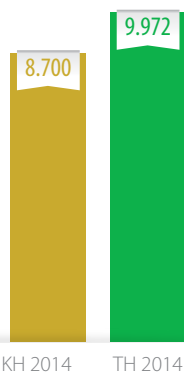
ĐVT: Tỷ đồng



- 11% so với cùng kỳ năm 2013

TỔNG DOANH THU

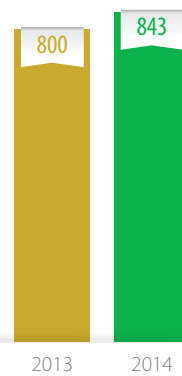
ĐVT: Tỷ đồng



+15% so với kế hoạch

SẢN LƯỢNG KINH DOANH ĐẠM PHÚ MỸ

ĐVT: Nghìn tấn



+5% so với kế hoạch



BÁO CÁO CỦA

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“

VỚI VAI TRÒ LÀ CƠ QUAN QUẢN LÝ TỔNG CÔNG TY GIỮA 2 KỲ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÁNH GIÁ TỔNG KẾT NĂM 2014 NHƯ SAU: MẶC DÙ TRONG BỐI CẢNH CHUNG HẾT SỨC KHÓ KHĂN CỦA NỀN KINH TẾ VÀ CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT KINH DOANH PHÂN BÓN, CŨNG NHƯ TÁC ĐỘNG LỚN CỦA VIỆC THAY ĐỔI CÁN CÂN CUNG CẦU TRONG NƯỚC, GIÁ PHÂN BÓN THỂ GIỚI GIẢM MẠNH, NHƯNG VỚI NHỮNG GIẢI PHÁP ĐÚNG ĐẮN PVFCCo ĐÃ HOÀN THÀNH XUẤT SẮC CÁC NHIỆM VỤ VÀ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014 ĐỂ RA.”



TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG PHIÊN HỌP THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2014



TỔNG QUAN

Năm 2014, mở đầu cho chặng đường 10 năm tiếp theo của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP (PVFCCo) đã trôi qua với nhiều thách thức; bối cảnh kinh tế thế giới, trong nước còn khó khăn và diễn biến phức tạp; bất ổn chính trị liên tục leo thang tại Ukraine, Trung Đông, Biển Đông,...; giá phân bón thế giới biến động và xác lập xu hướng giảm trong ngắn và trung hạn; cạnh tranh giữa các đơn vị trong cùng lĩnh vực ngày càng gay gắt; thị trường phân đạm trong nước cung vượt cầu và giá giảm theo xu hướng giá thế giới; giá vật tư, nguyên, nhiên liệu đầu vào cho sản xuất tăng, giá khí áp dụng theo cơ chế giá thị trường kể từ 01/4/2014 và như vậy Tổng công ty đã thực sự hoạt động trong điều kiện thị trường cạnh tranh cả đầu vào và đầu ra. Song, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và giúp đỡ kịp thời của các cơ quan ban ngành, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, sự đồng hành, chia sẻ của Quý cổ đông, cùng với những giải pháp đúng đắn, sự chỉ đạo quyết liệt của Ban lãnh đạo và sự đoàn kết quyết tâm vượt qua mọi khó khăn thử thách của tập thể CBCNV, PVFCCo đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch SXKD mà ĐHĐCĐ thông qua.

NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Những thành tựu và kết quả đạt được của năm 2014 chính là sự nỗ lực của trí tuệ và sức mạnh của tập thể, đặt nền móng vững chắc cho chặng đường 10 năm tiếp theo với những hoài bão về những thành tích mới, kỷ lục mới.

Với vai trò là cơ quan quản lý Tổng Công ty giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đánh giá tổng kết năm 2014 như sau: Mặc dù trong bối cảnh chung hết sức khó khăn của nền kinh tế và các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón, cũng như tác động lớn của việc thay đổi cán cân cung cầu trong nước, giá phân bón thế giới giảm

mạnh, nhưng với những giải pháp đúng đắn PVFCCo đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 để ra, trong đó đặc biệt ấn tượng là chỉ tiêu lợi nhuận về đích trước gần 3 tháng; chỉ tiêu sản lượng sản xuất lập kỷ lục trong 11 năm vận hành, đạt 871 nghìn tấn phân Đạm quy đổi, về đích trước 21 ngày; linh hoạt trong chuyển đổi chế độ vận hành nhà máy, qua đó góp phần quan trọng trong việc sản xuất và kinh doanh hiệu quả 15.000 tấn NH₃.

Bên cạnh việc luôn đảm bảo tối ưu hiệu quả sản xuất và kinh doanh sản phẩm thế mạnh của TCT là Đạm Phú Mỹ, trong năm 2014, Tổng công ty đã chủ động đẩy mạnh kinh doanh các sản phẩm phân bón tự doanh, đặc biệt là các sản phẩm mang thương hiệu Phú Mỹ (NPK Phú Mỹ, kali Phú Mỹ, SA Phú Mỹ, DAP Phú Mỹ,...), qua đó góp phần vào hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của TCT, đồng thời khai thác tối đa lợi thế của hệ thống phân phối PVFCCo đã xây dựng. Các công ty con trong lĩnh vực phân phối cũng đã chủ động từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc kinh doanh các sản phẩm phân bón tự doanh và hóa chất phục vụ dầu khí. Công tác đầu tư phát triển năm 2014 đã có kết quả đáng khích lệ với việc hoàn thành công trình thư viện và hội trường tại Nhà máy, khởi công và triển khai dự án xưởng sản xuất hóa chất UFC85/Formaldehyde, phê duyệt dự án đầu tư và tiến hành công tác đấu thầu chọn nhà thầu thực hiện dự án nâng công suất phân xưởng NH₃ Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng nhà máy sản xuất phân NPK công nghệ hóa học... theo tiến độ để ra.

Về mặt quản trị doanh nghiệp, Tổng công ty luôn giữ vững nguyên tắc công khai, minh bạch các hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở áp dụng các chuẩn mực quản trị kinh doanh hiện đại nhất. Năm 2014, bên cạnh việc tiếp tục duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp: ISO

9001-2008, OSHAS 18001:2007 và ISO 14001:2004; hệ thống: ERP, STOP, 5S, Sig Sigma, CBM, RCA, FMEA, RBI, RCM,..., TCT triển khai thực hiện đề án xây dựng Bộ chỉ số đánh giá hiệu quả công việc KPI và đề án Cải tiến chính sách tiền lương (3P) nhằm tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng và hiệu quả. Bộ máy kiểm toán nội bộ đã triển khai với cách tiếp cận mới trong công tác kiểm toán, góp phần hoàn thiện và nâng cao công tác Quản trị rủi ro trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ CẦN KHẮC PHỤC

Bên cạnh những thành tựu và kết quả đạt được trong năm 2014, Hội đồng quản trị đánh giá Tổng công ty vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục, cụ thể như sau:

VỀ NGHIÊN CỨU, SẢN XUẤT

Công tác nghiên cứu phát triển nhằm đa dạng hóa sản phẩm chưa tạo ra sản phẩm mới để thương mại có hiệu quả trong năm 2014. Mặc dù phát triển sản phẩm trong lĩnh vực phân bón, hóa chất không thể nhanh chóng nhưng trước yêu cầu phát triển của Tổng công ty thì mảng này cần phải được triển khai quyết liệt hơn nữa.

VỀ KINH DOANH VÀ XÂY DỰNG HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

Hiệu quả và tỷ trọng kinh doanh các mặt hàng tự doanh (ngoài urê) và sản phẩm hóa chất của Tổng công ty năm 2014 có bước tiến khả quan nhưng chưa đóng góp lợi nhuận như kỳ vọng. Với tình hình lợi nhuận từ kinh doanh sản phẩm ĐPM không còn thuận lợi như trước, áp lực và yêu cầu hiệu quả trong mảng kinh doanh các mặt hàng khác càng cao và đòi hỏi nỗ lực hơn nữa của bộ phận kinh doanh. Trong bối cảnh mới, hệ thống phân phối cũng cần được rà soát, đánh giá để có những điều chỉnh phù hợp.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá chung về hoạt động của Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty:

- Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các dự án/doanh nghiệp lớn.
- Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc và định kỳ hàng tuần tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và giao kế hoạch công việc kỳ tới.
- Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.
- Hệ thống quản lý tích hợp ISO 9001:2008, OHSAS 18001:2007 và ISO 14001: 2004; hệ thống quản lý và hoạch định nguồn lực doanh nghiệp ERP đã được áp dụng thành công, qua đó góp phần đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả.
- Ban Tổng giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Tổng công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty; thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các quản lý cấp trung.
- Ban Tổng giám đốc đã chủ động trong việc xây dựng và phát triển hệ thống kênh phân phối; chủ động trong việc kinh doanh các mặt hàng tự doanh: NPK, kali, DAP, SA các mặt hàng hóa chất và bước đầu cho thấy đã có chuyển biến tốt.



ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2015

Sự lao dốc của giá dầu trong những tháng cuối cùng của năm 2014 sẽ tác động đáng kể đến tình hình kinh tế thế giới, đặc biệt tác động mạnh đến nền kinh tế Việt Nam trong năm 2015 nếu như giá dầu vẫn duy trì ở mức thấp như hiện nay. Đối với ngành kinh doanh phân bón, giá dầu giảm kéo theo giá khí, nguyên liệu đầu vào cho sản xuất phân đạm giảm. Tuy nhiên, mặt bằng giá phân đạm cũng sẽ giảm và thiết lập mặt bằng giá mới với độ trễ nhất định sẽ là những rủi ro,

khó khăn, thách thức cho các doanh nghiệp trong việc thực hiện các mục tiêu đề ra. Đối với PVFCCo, bên cạnh những khó khăn chung của ngành; áp lực nguồn cung phân đạm tiếp tục dư thừa khoảng 700 nghìn tấn/năm khi Nhà máy đạm Hà Bắc hoàn thành dự án nâng công suất lên 500 nghìn tấn/năm vào đầu năm 2015; các dự án mới đều trong giai đoạn bắt đầu triển khai; công tác tái cấu trúc gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là việc thoái vốn tại các công ty liên kết có hoạt động SXKD

kém hiệu quả cũng là những thách thức đặt ra trong năm 2015 đối với Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV trong toàn TCT. Trước những khó khăn thách thức đó, Hội đồng quản trị sẽ cùng với Ban điều hành và tập thể CBCNV nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp, để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao năm 2015, với kế hoạch, định hướng sau:



NĂM 2015, HĐQT XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM LÀ “TẬP TRUNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TÁI CẤU TRÚC ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT; ĐỔI MỚI CÔNG TÁC QUẢN TRỊ; HOÀN THIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN; ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN, ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, ĐA DẠNG HÓA SẢN PHẨM; NÂNG CAO HIỆU SUẤT/NĂNG SUẤT SXKD/LAO ĐỘNG; QUẢN LÝ CHI PHÍ HIỆU QUẢ, TIẾT KIỆM”.

- Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015, đảm bảo an toàn, hiệu quả và tiết kiệm.
- Chỉ đạo công tác quản trị, quản lý và vận hành các nhà máy sản xuất an toàn, ổn định, đảm bảo chất lượng sản phẩm và hiệu quả.
- Chỉ đạo triển khai đề án nâng cao năng lực vận hành, bảo dưỡng và hiệu quả của Nhà máy đạm Phú Mỹ. Phấn đấu hoàn thành đợt bảo dưỡng lớn Nhà máy đạm Phú Mỹ đạt 4 tiêu chí: Tuyệt đối an toàn, đảm bảo chất lượng, vượt tiến độ và tiết kiệm chi phí.
- Chỉ đạo công tác kinh doanh phân bón và hóa chất đảm bảo hiệu quả, giữ vững thị phần và duy trì tối đa hiệu quả kinh doanh sản phẩm Đạm Phú Mỹ, nâng cao sản lượng

và hiệu quả kinh doanh các thương hiệu sản phẩm phân bón Phú Mỹ khác, sản phẩm hóa chất và các sản phẩm mới.

- Chỉ đạo triển khai quyết liệt và có hiệu quả các nghị quyết của HĐQT về: Công tác cán bộ, giám sát hiệu quả đầu tư, văn hóa doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ, sản xuất, quản lý điều hành kinh doanh phân bón, quản lý chi phí, quản trị vật tư hàng tồn kho, tổ chức nhân sự và đào tạo, tài chính kế toán và kiểm tra giám sát, thực hành tiết kiệm chống lãng phí...
- Hoàn thiện và áp dụng các mô hình quản lý sản xuất, sửa chữa bảo dưỡng, quản trị tiến tiến trên thế giới (ISO, OSHAS, ERP, KPI, 3P...) nhằm giảm thiểu rủi ro, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực doanh nghiệp; tăng cường công

tác giám sát, kiểm tra, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro.

- Tiếp tục chỉ đạo cập nhật, điều chỉnh các quy chế, quy định, quy trình, hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật hiện có tại PVFCCo cho phù hợp với tình hình thực tế.
- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác đầu tư phát triển, trong đó tập trung vào các dự án trọng điểm thuộc lĩnh vực sản xuất phân bón và hóa chất để thực hiện chiến lược phát triển đa dạng hóa sản phẩm như: NH_3 -NPK, UFC 85, H_2O_2 , chuẩn bị bước đầu cho các dự án đầu tư chiến lược cho giai đoạn sau năm 2020.
- Thực hiện công tác nghiên cứu phát triển, sáng kiến cải tiến hợp lý hóa sản xuất kinh doanh nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, tiết kiệm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh.



KẾ HOẠCH

SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG KINH DOANH NĂM 2015

780.000 TẤN
ĐẠM PHÚ MỸ

55 TRIỆU
BAO BÌ

CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG TOÀN TỔNG CÔNG TY

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2015
1	Sản lượng sản xuất		
1.1	Đạm Phú Mỹ	Tấn	780.000
1.2	Bao bì	Triệu Bao	55
2	Sản lượng kinh doanh		
2.1	Đạm Phú Mỹ	Tấn	800.000
2.2	Bao bì	Triệu Bao	55
2.3	Phân bón tự doanh	Tấn	339.000
2.4	Hóa chất	Tấn	6.510

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH TOÀN TỔNG CÔNG TY (HỢP NHẤT)

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2015
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	9.246
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	928
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	767
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	328

339.000 TẤN
PHÂN BÓN TỰ DOANH

6.510 TẤN
HÓA CHẤT

KẾ HOẠCH CÔNG TY MẸ

Kế hoạch Tài chính

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2015
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	6.374
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	8.068
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	877
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	738
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	19
6	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ	%	25
7	Hệ số nợ/vốn điều lệ	lần	0,29
8	Nộp NSNN	Tỷ đồng	277

Kế hoạch Vốn đầu tư

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2015
1	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	1.389
a	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	1.288
b	Mua sắm tài sản, trang thiết bị	Tỷ đồng	101
2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	1.389
a	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.110
b	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	279



DANH HIỆU,

GIẢI THƯỞNG NĂM 2014



ĐẠM PHÚ MỸ ĐƯỢC CÔNG NHẬN LÀ
“**THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA**”

DANH HIỆU “**DOANH NGHIỆP VÌ NGƯỜI LAO ĐỘNG**”

DANH HIỆU “**DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA TIÊU BIỂU**”

DANH HIỆU “**SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP TIÊU BIỂU**”

DANH HIỆU “**HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO**”

TOP **5**

DOANH NGHIỆP CÓ HOẠT ĐỘNG IR TỐT NHẤT
DO NHÀ ĐẦU TƯ BÌNH CHỌN

TOP **10**

DOANH NGHIỆP
CÓ BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TỐT NHẤT

TOP **50**

CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT
DO FORBES BÌNH CHỌN



THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN THẾ GIỚI

BỐI CẢNH CHUNG

KINH TẾ THẾ GIỚI 2014

Tiếp tục giữ vững đà phục hồi vững chắc bắt đầu từ nửa cuối năm 2013, và được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trưởng trong những năm tiếp theo nhờ những tín hiệu tích cực từ các nền kinh tế mới nổi và sự tăng trưởng nhanh hơn của các nền kinh tế phát triển, đặc biệt là Mỹ - đầu tàu của nền kinh tế thế giới. Sự hồi phục của kinh tế thế giới đã tạo điều kiện cho thúc đẩy tiêu dùng, sản xuất và thương mại phát triển. Dù vậy, sự khác biệt ngày càng lớn trong tăng trưởng giữa các nền kinh tế đang hồi phục và chưa hồi phục cũng như những ảnh hưởng từ các cuộc khủng hoảng chính trị ở Ukraine, suy thoái kinh tế tại Nga, tăng trưởng chậm ở Trung Quốc... vẫn đang là những thách thức lớn đối với sự tăng trưởng của nền kinh tế thế giới.

THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Giá dầu giảm mạnh từ quý 3/2014 xuống mức thấp nhất trong hơn 5 năm qua dù được kỳ vọng sẽ mang lại sức bật cho nền kinh tế thế giới vốn đang trì trệ, song đồng thời cũng tác động không nhỏ đến các quốc gia phụ thuộc vào xuất khẩu nguyên liệu thô và kéo theo sự suy giảm của giá cả hàng hóa thế giới, trong đó có giá nông sản. Từ đó, việc giá dầu giảm cũng đã tác động đến

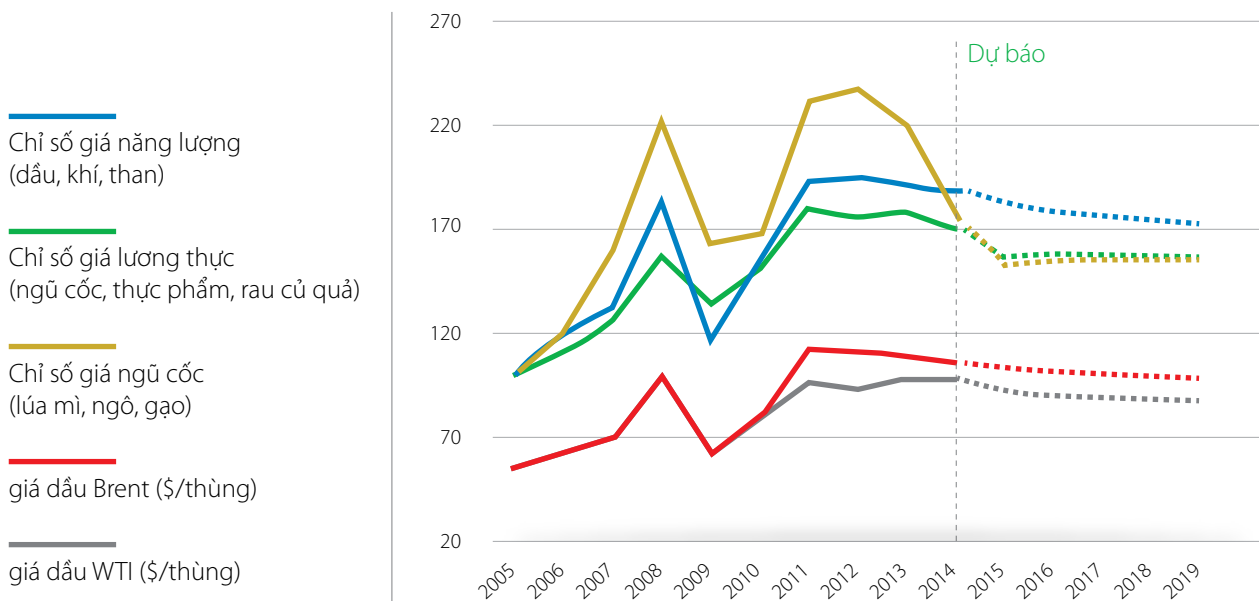
thị trường phân bón thế giới ở cả khía cạnh đầu vào (chi phí SXKD) và đầu ra (thị trường nông sản).

THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN

Sản lượng ngũ cốc thế giới đã liên tục tăng mạnh từ 3 năm nay ở mức trên 500 triệu tấn và đặc biệt trên 600 triệu tấn trong niên vụ 2014/2015, cao nhất trong lịch sử, trong khi đó nhu cầu nhập khẩu lại không cao như trước bởi các yếu tố về kinh tế vĩ mô, đồng USD mạnh lên, giá dầu và giá cả hàng hóa liên tục suy giảm,... đã khiến các giao dịch ngũ cốc trong vụ thu hoạch năm nay giảm cả về lượng và giá trị so với năm trước.

GIÁ DẦU VÀ CHỈ SỐ GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI (THỰC TẾ VÀ DỰ BÁO)

Nguồn: IMF



“ ĐƯỢC HỖ TRỢ BỞI CÁC YẾU TỐ
HỒI PHỤC CỦA NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ
LÀ MỘT NĂM TIẾP TỤC THUẬN LỢI CHO
MÙA VỤ, NHU CẦU PHÂN BÓN
THẾ GIỚI CŨNG ĐÃ CÓ SỰ TĂNG TRƯỞNG
TÍCH CỰC TRỞ LẠI.

NHU CẦU PHÂN BÓN THẾ GIỚI

Nhu cầu phân bón thế giới niên vụ 2014 ước đoán tăng 3,1% so với cùng kỳ năm trước và ước đạt 184 triệu tấn (tính theo lượng dinh dưỡng). Trong đó, nhu cầu phân đạm (N) tăng cao 3,1% sau thời gian suy giảm và ước đạt 112,2 triệu tấn. Nhu cầu các loại phân lân (P) tăng 1,4% đạt 41,7 triệu tấn và phân kali (K) tăng mạnh 5,3% đạt 30,2 triệu tấn. Niên vụ 2015, các dự báo trước đây cho thấy nhu cầu phân bón các loại của thế giới sẽ tiếp tục tăng trưởng 2,1% đạt 187,9 triệu tấn. Tuy nhiên, trong tình hình giá dầu giảm mạnh kéo theo giá cả các loại hàng hóa, nông sản giảm trong thời gian gần đây cũng sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến nhu cầu phân bón các loại trong thời gian tới.

TRIỂN VỌNG SẢN LƯỢNG NGUỒN CUNG PHÂN BÓN THẾ GIỚI

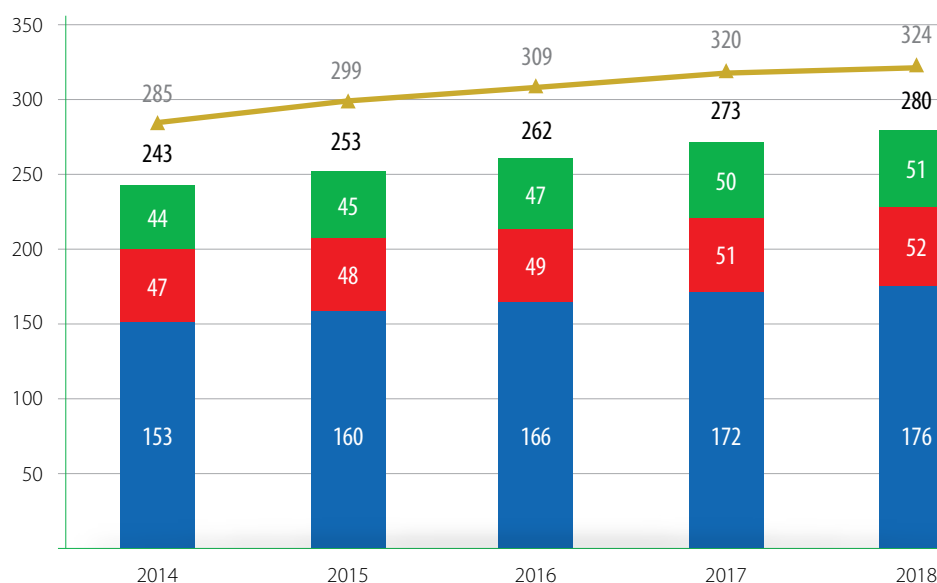
Nguồn: IFA

(Triệu tấn dinh dưỡng)

Tăng trưởng (%/năm)

K2O5	+4,5%
P2O5	+2,8%
N	+3,9%
Phân bón	+3,8%

- K2O5
- P2O5
- N
- ▲ Công suất





THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN THẾ GIỚI (tiếp theo)

NGUỒN CUNG PHÂN BÓN THẾ GIỚI

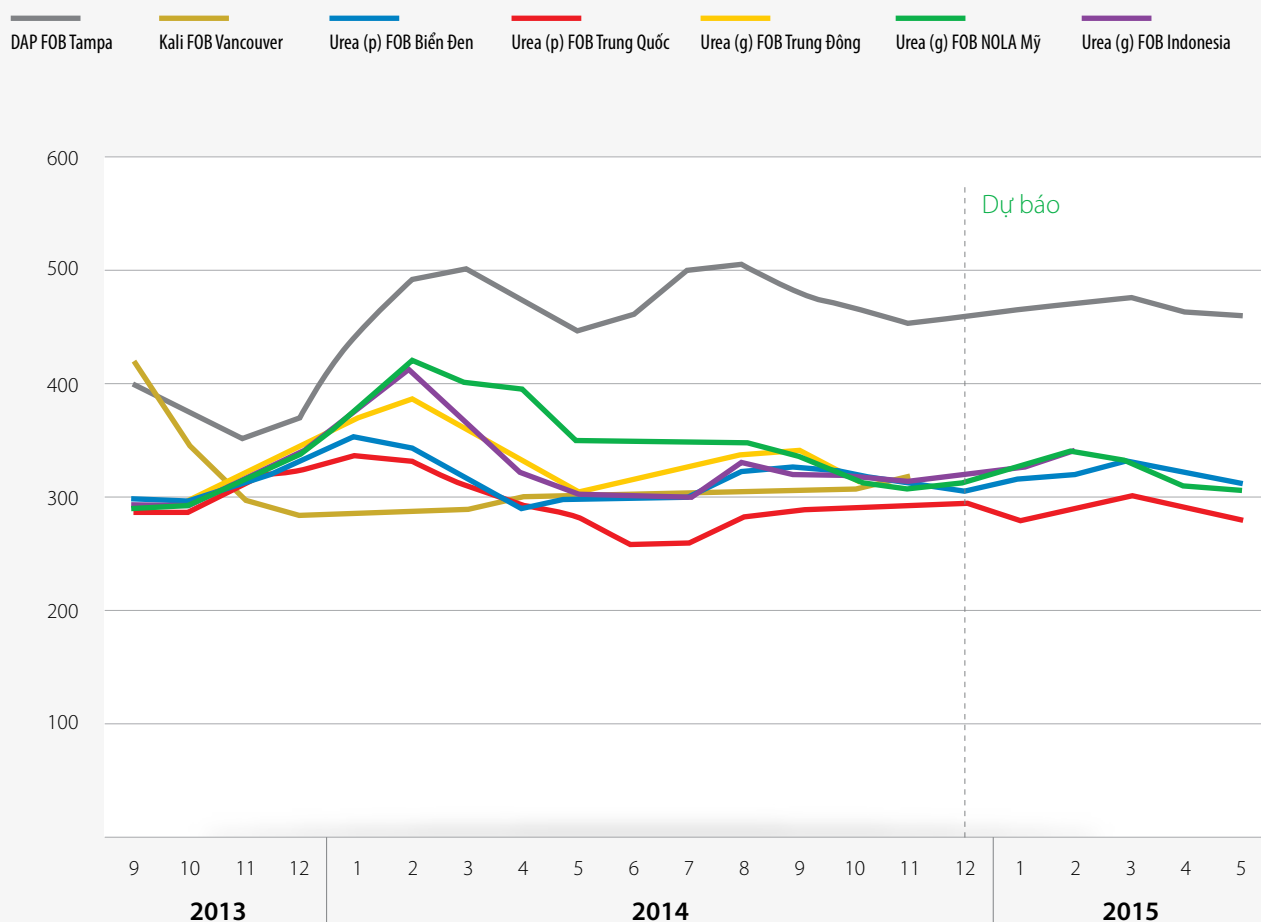
Năm 2014 có thể xem là một năm thuận lợi đối với ngành công nghiệp sản xuất phân bón bởi bối cảnh và các yếu tố kinh tế, mùa vụ, sự biến động của giá dầu và giá hàng hóa. Với sự hồi phục nhu cầu của năm 2014, các giao dịch phân bón trên thế giới bắt đầu sôi động trở lại và sản lượng phân phối tiêu thụ ra thị trường cũng gia tăng. Từ đó đã

thúc đẩy sản lượng sản xuất của các nhà máy phân bón trên thế giới nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường.

Theo ước tính, sản lượng phân bón năm 2014 đạt 243 triệu tấn các loại, tăng 2,6% so với năm 2013, và đạt 85% tổng năng lực cung ứng (công suất) của các nhà máy toàn cầu.

GIÁ PHÂN BÓN THẾ GIỚI VÀ DỰ BÁO (USD/TẤN)

Nguồn: CRU



GIÁ PHÂN BÓN THẾ GIỚI

Cùng với sự hồi phục nhu cầu phân bón thế giới, giá phân bón đã bắt đầu tăng trở lại từ cuối năm 2013 sau quá trình suy giảm suốt hơn một năm trước đó. Tuy nhiên, với nguồn cung dồi dào, điều kiện thời tiết và địa chính trị tương đối thuận lợi không gây gián đoạn các huyết mạch thương mại, đặc biệt sự suy giảm mạnh của giá dầu thô từ hè 2014

đã tác động lên cả thị trường đầu vào và đầu ra của ngành phân bón khiến cho giá phân bón thế giới lại rơi vào thế suy giảm từ quý 3 trở lại đây. Trong năm 2015, giá phân bón được dự báo sẽ tiếp tục duy trì ở mức thấp.





BỐI CẢNH CHUNG

KINH TẾ: Kinh tế Việt Nam trong năm 2014 được ghi nhận như một năm bản lề chuyển sáng rõ rệt và tích cực hơn trong suốt 4 năm qua (2010 - 2014). Nền kinh tế tiếp tục cải thiện ở hầu hết lĩnh vực với tất cả các chỉ số kinh tế vĩ mô đều tăng khá, trong đó GDP cả năm có thể đạt 5,9%-6%, mức CPI bình quân - tức mức lạm phát - được dự đoán thấp nhất trong 10 năm qua, góp phần cải thiện mức sống thực tế của người dân; củng cố sức mua đồng nội tệ, khả năng thanh khoản, giảm lãi suất huy động và lãi suất cho vay tín dụng; tăng hấp dẫn đầu tư vào Việt Nam...

NÔNG NGHIỆP: Nông nghiệp Việt Nam năm 2014 cũng được ghi nhận là một năm ít dịch bệnh, năng suất và sản lượng cây trồng đều tăng, dù diện tích canh tác giảm nhẹ khi Chính phủ nỗ lực chuyển đổi đất trồng lúa sang các loại cây trồng khác. Ước sản lượng lúa năm 2014 của Việt Nam đạt kỷ lục 44,5 triệu tấn lúa (27,8 triệu tấn gạo), tăng nhẹ so với 43,86 triệu tấn lúa (27,4 triệu tấn gạo) năm 2013. Xuất

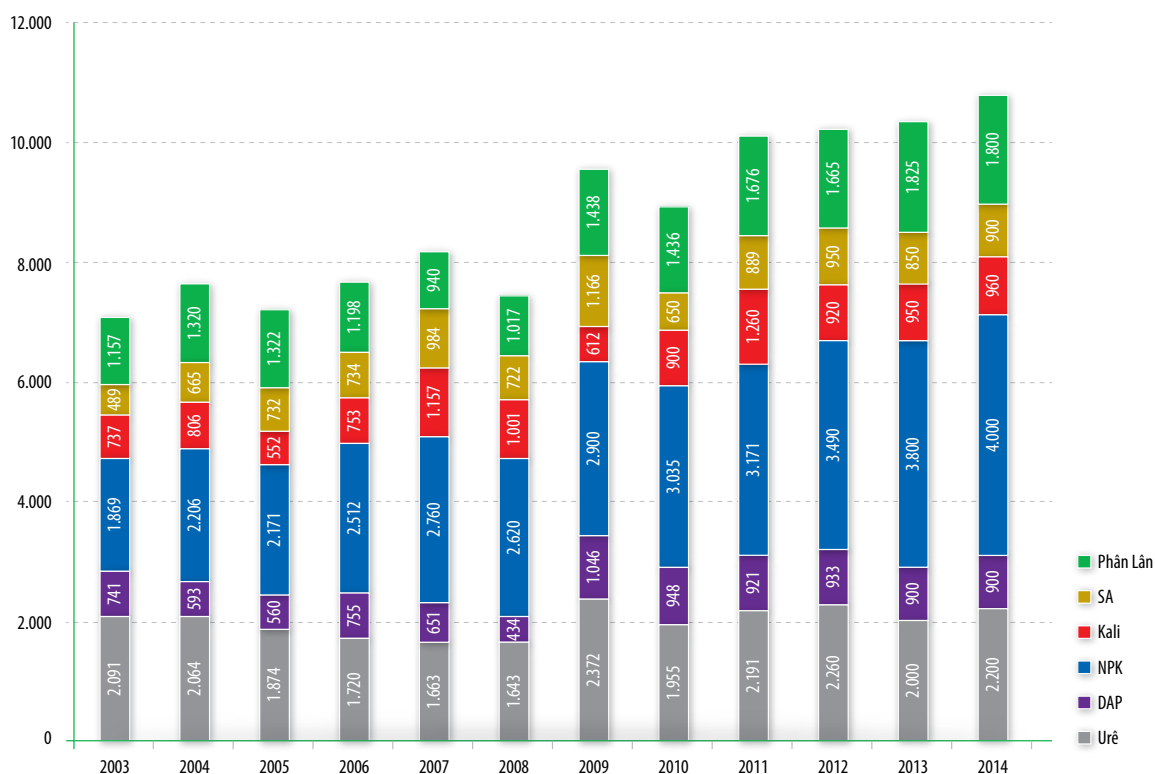
khẩu gạo của Việt Nam năm 2014 ước đạt khoảng 7,5 triệu tấn, tăng 15% so với 6,5 triệu tấn năm 2013. Trong khi đó, Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) ước tính sản lượng gạo của Việt Nam năm 2014 đạt 28 triệu tấn (khoảng 45 triệu tấn lúa) và xuất khẩu đạt 6,7 triệu tấn trong năm 2014.



NHU CẦU PHÂN BÓN Ở VIỆT NAM NĂM 2014 ƯỚC TÍNH ĐẠT GẦN 11 TRIỆU TẤN, DUY TRÌ MỨC TĂNG TRƯỞNG KHOẢNG 4% SO VỚI NĂM 2013.

NHU CẦU PHÂN BÓN VIỆT NAM ĐẾN 2014 (NGHÌN TẤN)

Nguồn: VNFA



NHU CẦU PHÂN BÓN TRONG NƯỚC

Nhu cầu phân bón ở Việt Nam năm 2014 ước tính đạt gần 11 triệu tấn, duy trì mức tăng trưởng khoảng 4% so với năm 2013. Tuy nhiên, mức tăng trưởng này không đồng đều với các loại phân bón khác nhau. Trong khi nhu cầu urê, kali, lân được báo cáo giữ nguyên hoặc giảm nhẹ thì các loại phân phức hợp như NPK, DAP lại tăng nhẹ. Theo đó, urê khoảng 2,2 triệu tấn, DAP khoảng 900.000 tấn, SA 900.000

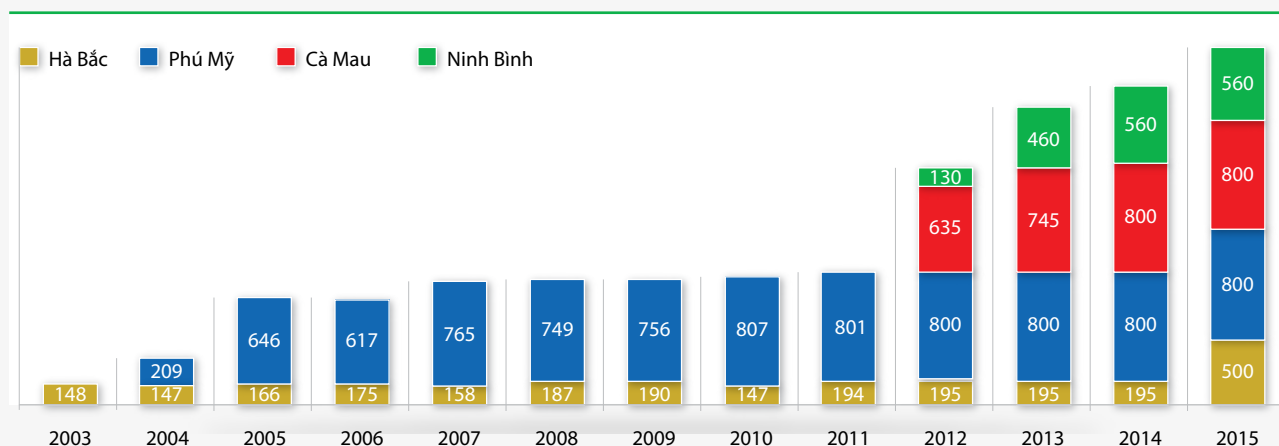
tấn, kali 960.000 tấn, lân 1,8 triệu tấn, NPK khoảng 4 triệu tấn. Ngoài ra còn có nhu cầu khoảng 400.000 - 500.000 tấn phân bón các loại là vi sinh, phân bón lá. Điều này phần nào phản ánh xu hướng thay đổi tập quán canh tác của nông dân trong việc tăng cường sử dụng các loại phân phức hợp.

SẢN XUẤT PHÂN BÓN TRONG NƯỚC

ĐỐI VỚI PHÂN URÊ: Hiện tại năng lực sản xuất trong nước đến tính đến cuối năm 2014 đạt 2,355 triệu tấn/năm, bao gồm Đạm Phú Mỹ 800.000 tấn, đạm Cà Mau 800.000 tấn, đạm Hà Bắc 195.000 tấn, đạm Ninh Bình 560.000 tấn. Dự kiến

trong năm 2015, đạm Hà Bắc nâng công suất từ 180.000 tấn lên 500.000 tấn/năm, khi đó nguồn cung cả nước sẽ đạt 2,66 triệu tấn/năm. Sản lượng sản xuất cả nước 2014 ước đạt khoảng 2,2 triệu tấn.

DIỄN BIẾN NGUỒN CUNG URÊ VIỆT NAM 2003 - 2015 (1.000 TẤN)



ĐỐI VỚI PHÂN LÂN: Hiện tại Việt Nam có đủ khả năng đáp ứng nhu cầu trong nước với sản lượng 1,2 triệu tấn supe lân từ 3 nhà máy: Lâm Thao công suất 800.000 tấn/năm, Lào Cai 200.000 tấn/năm và Long Thành 200.000 tấn/năm. Sản xuất lân nung chảy hiện tại vào khoảng 600.000 tấn/năm, bao gồm Nhà máy Văn Điển và Nhà máy Ninh Bình.

ĐỐI VỚI PHÂN DAP: Việt Nam chỉ có một nhà máy duy nhất đang vận hành sản xuất DAP ở Đình Vũ, Hải Phòng với tổng công suất thiết kế 330.000 tấn/năm. Sản lượng DAP tính đến đầu quý 3/2014 đạt hơn 159.000 tấn, tăng 5,4% so với cùng kỳ 2013.

ĐỐI VỚI PHÂN NPK: Hiện cả nước có hàng trăm đơn vị sản xuất phân bón tổng hợp NPK các loại với tổng công suất thiết kế đạt gần 5 triệu tấn/năm, tuy nhiên nhiều nhà máy không hoạt động hết công suất, áp dụng công nghệ sản xuất lạc hậu dẫn đến chất lượng phân bón không ổn định hoặc chỉ sản xuất được sản phẩm NPK hàm lượng dinh dưỡng thấp. Do đó, phân khúc sản phẩm NPK chất lượng cao không được đáp ứng đủ bởi các nhà sản xuất trong nước nên hàng năm cả nước vẫn phải nhập khẩu khối lượng lớn NPK chất lượng cao từ nước ngoài.



THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN TRONG NƯỚC (tiếp theo)

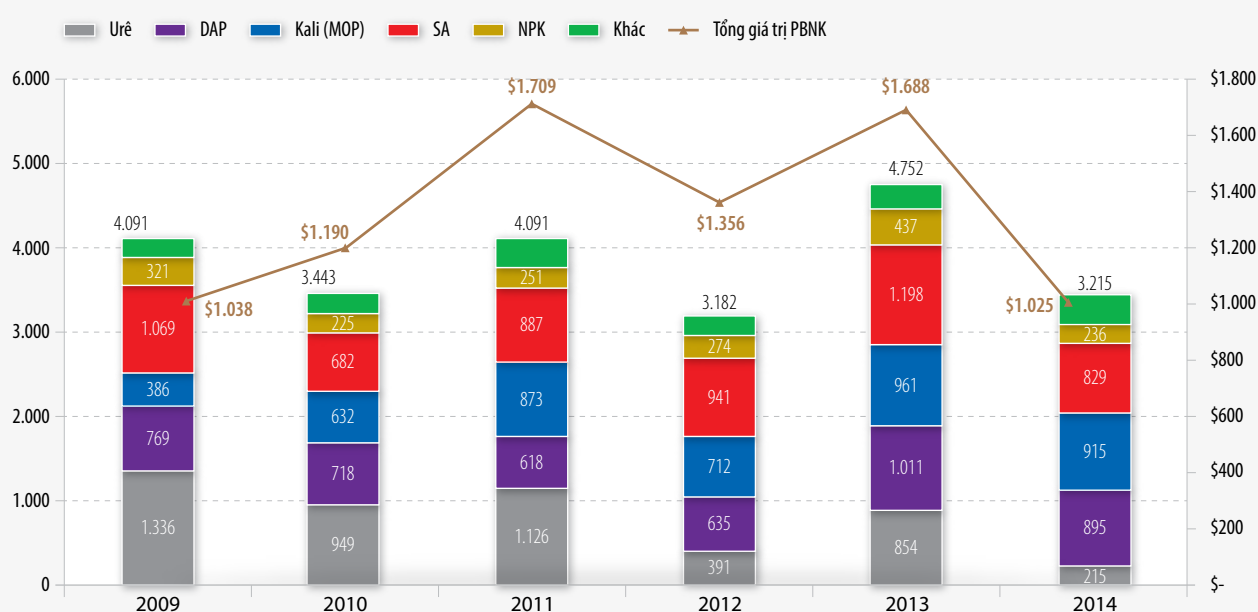
XUẤT NHẬP KHẨU PHÂN BÓN

PHÂN BÓN NHẬP KHẨU 2014: Theo số liệu Tổng cục Hải Quan, nhập khẩu phân bón Việt Nam đạt 3,79 triệu tấn, trị giá 1,24 tỷ USD, giảm 17,85% về lượng và 26,38% trị giá so với năm 2013.

Urê nhập khẩu 2014 đạt 220,25 nghìn tấn, trị giá 66,17 triệu USD, giảm 72,12% về lượng và 74,7% về trị giá so với năm 2013. Trung Quốc vẫn là thị trường Việt Nam nhập khẩu urê lớn nhất với tỷ trọng 85,11% trong tổng lượng urê nhập khẩu.

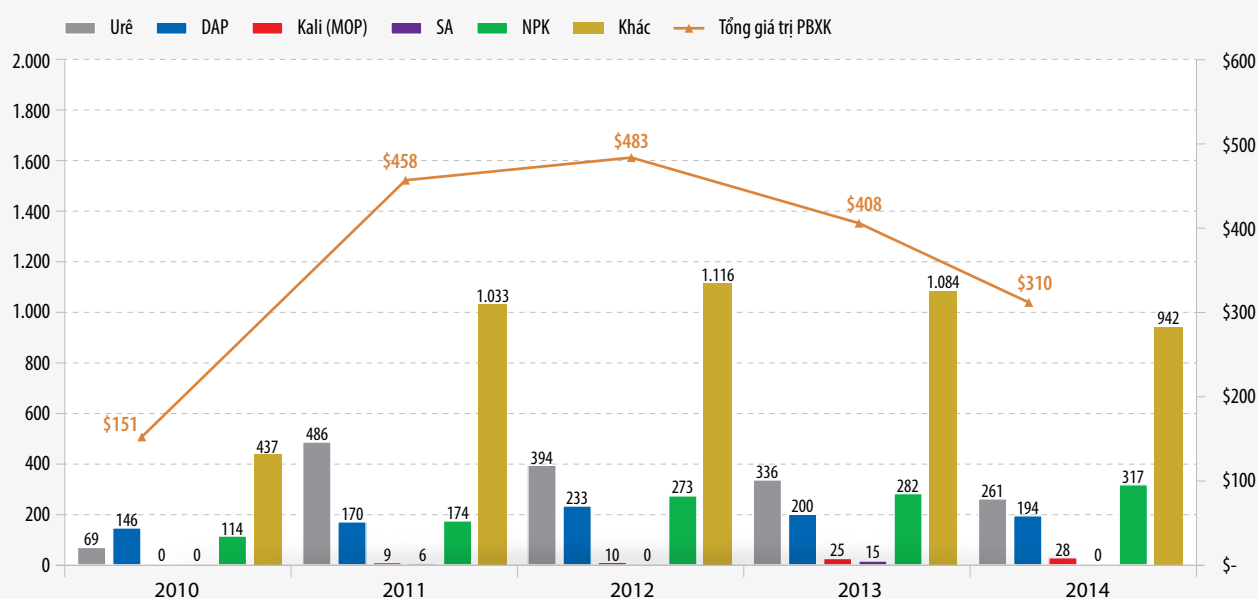
LƯỢNG PHÂN BÓN NHẬP KHẨU VÀO VIỆT NAM TỪ 2009 - 2014 (NGHÌN TẤN - TRIỆU USD)

Nguồn: Hải quan



LƯỢNG PHÂN BÓN XUẤT KHẨU TỪ VIỆT NAM 2010 - 2014 (NGHÌN TẤN - TRIỆU USD)

Nguồn: Hải quan



URÊ NHẬP KHẨU 2014 giảm mạnh 73% khi lượng nhập khẩu 11 tháng 2014 đạt 215 nghìn tấn so với mức gần 800 nghìn tấn cùng kỳ năm ngoái và thị trường chủ yếu vẫn từ Trung Quốc.

URÊ XUẤT KHẨU năm nay cũng suy giảm 17% với lượng xuất khẩu 261 nghìn tấn so với 314 nghìn tấn cùng kỳ năm 2013. Trong đó, PVFCCo thực hiện xuất khẩu khoảng 30.000 tấn sang các thị trường truyền thống như Thái Lan, Malaysia, Campuchia..., đa phần đến các nhà tiêu thụ trực tiếp. Đặc biệt, năm 2014 đánh dấu lần đầu tiên PVFCCo xuất khẩu hai lô hàng theo hình thức đóng bao Jumbo (500 – 1.000 kg/bao) sang các thị trường khó tính New Zealand và Jordan cho thấy Tổng công ty đã tích cực cũng như đã tiến được một bước đáng kể trong việc tìm kiếm mở rộng thị trường,

đa dạng hóa phương thức xuất khẩu, khẳng định về chất lượng trên thị trường quốc tế khi đáp ứng được các tiêu chí rất khắt khe về chất lượng nhằm đảm bảo an toàn cho sản phẩm nông nghiệp và thân thiện với môi trường của các nhà sản xuất nông nghiệp New Zealand.

Đối với các loại phân bón khác như DAP, MOP (kali), SA, do chưa tự chủ được nguồn cung nên khối lượng nhập khẩu các mặt hàng này vẫn tăng đều qua các năm. Nguồn cung phân bón chính của Việt Nam vẫn là Trung Quốc với trên 50% khối lượng phân bón nhập khẩu, trong đó, gần như 100% DAP và SA nhập khẩu là từ thị trường này. NPK và kali là 2 sản phẩm có nguồn hàng phong phú nhất, trong đó Nga nổi lên như là bạn hàng lớn thứ 2 của Việt Nam với tổng khối lượng nhập khẩu trên 250.000 tấn.





THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN TRONG NƯỚC (tiếp theo)

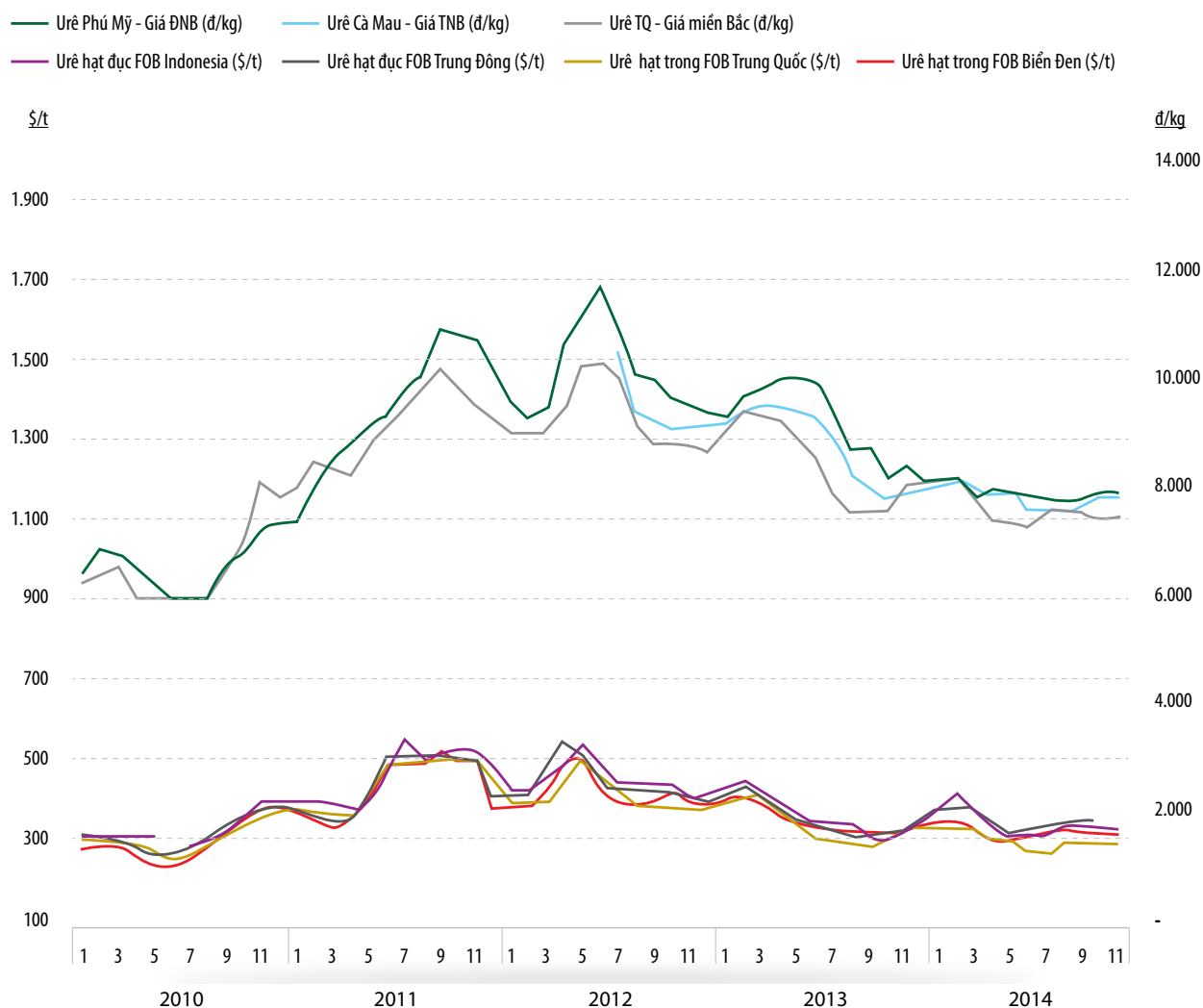
GIÁ PHÂN BÓN TRONG NƯỚC

Từ đầu năm 2014 đến nay, thị trường phân bón trong nước không có nhiều biến động do nguồn cung phân bón dồi dào và ổn định. Nguồn cung urê trong nước tăng nên giá cả mặt hàng này theo xu hướng giảm nhẹ và dự kiến sẽ tiếp tục duy trì ở mức thấp trong thời gian tới. Đối với mặt

hàng DAP, kali, SA, do phụ thuộc chủ yếu vào nguồn nhập khẩu nên giá cả sẽ biến động theo giá phân bón thế giới. Đối với phân bón NPK, dự đoán tiếp tục có sự cạnh tranh khốc liệt trong thời gian tới, đặc biệt là ở phân khúc NPK có hàm lượng dinh dưỡng cao.

GIÁ URÊ THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC 2010 - 2014

Nguồn: Fertecon, AgroMonitor, PVFCCo



Việc áp dụng, thay đổi các chính sách về vận tải, thuế của Nhà nước trong năm 2014 - 2015 cũng ảnh hưởng nhiều đến chi phí của các đơn vị sản xuất kinh doanh phân bón, từ đó ảnh hưởng đến giá cả phân bón trong nước. Việc tăng cường giám sát tải trọng các phương tiện vận tải và xử lý tình trạng vận chuyển quá khổ, quá tải của Bộ GTVT từ ngày 1/4/2014 đã làm cho chi phí vận chuyển đường bộ phân bón tăng đáng kể. Ngoài ra, với Luật thuế sửa đổi mới được Quốc hội thông qua

cuối năm 2014 trong đó quy định mặt hàng phân bón sẽ không thuộc đối tượng chịu thuế VAT từ ngày 1/1/2015 dự kiến sẽ tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp phân bón. Theo đó, từ 2015 các chi phí chịu thuế VAT đầu vào của mặt hàng phân bón sẽ không được khấu trừ, mà chuyển thành chi phí sản xuất, tăng gánh nặng cho doanh nghiệp sản xuất. Dự đoán năm 2015 sẽ là một năm khó khăn đối với các doanh nghiệp sản xuất phân bón trong nước.



**THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN NPK TẠI VIỆT NAM****NHU CẦU**

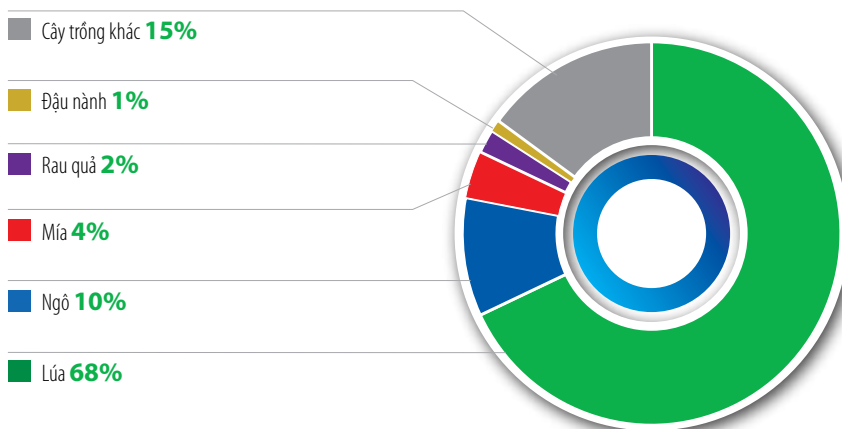
NPK là phân tổng hợp gồm các loại dưỡng chất đạm (N), lân (P) và kali (K), được sản xuất theo tỷ lệ để phù hợp với từng loại cây trồng, từng loại đất và được sử dụng cho hầu hết các loại cây trồng. Ngoài 3 thành phần chính là N, P và K, một số loại phân NPK còn có bổ sung các nguyên tố S, Mg, Ca và các nguyên tố vi lượng khác.

Với khả năng tạo ra năng suất cao và khá tiện dụng so với các phân đơn như urê, SA, kali, nhu cầu tiêu thụ phân phức hợp NPK thay phân đơn ngày càng tăng trong các năm qua tại Việt Nam và luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trên tổng nhu cầu phân bón.



NHU CẦU NPK ĐÃ TĂNG TỪ 2,1 TRIỆU TẤN VÀO NĂM 2005 LÊN HƠN 4 TRIỆU TẤN VÀO NĂM 2014 VỚI TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG TRUNG BÌNH ĐẠT 7%/NĂM.

Năm 2012, lượng NPK tiêu thụ trên toàn thị trường Việt Nam chiếm tỷ trọng lớn nhất khoảng 37% trong tổng các loại phân bón tiêu thụ ở thị trường Việt Nam. Hiện nay, khoảng 95% nhu cầu tiêu thụ phân NPK Việt Nam được đáp ứng bằng nguồn sản xuất trong nước.



Phân bón NPK được sử dụng cho khá nhiều loại cây trồng ở Việt Nam. Các loại cây trồng cần NPK chính là lúa, ngô và mía. Trong đó, lúa chiếm đến 68% lượng NPK tiêu thụ, ngô và mía lần lượt chiếm 10% và 4%. Phần NPK còn lại dùng để bón cho cây công nghiệp (cà phê, tiêu,...), cây rau quả và các loại cây trồng khác.

KHẢ NĂNG CUNG ỨNG VÀ NHẬP KHẨU

Năm 2012, tổng công suất NPK Việt Nam theo thiết kế đạt 4,8 triệu tấn/năm. Tỷ lệ vận hành của các nhà máy sản xuất phân NPK trong nước đạt khoảng 75% nhưng khó thống kê được con số thực tế chính xác. Các nhà máy sản xuất phân NPK chính của Việt Nam tập trung ở khu vực miền Nam (57% công suất), miền Bắc (38%) và miền Trung (5%).

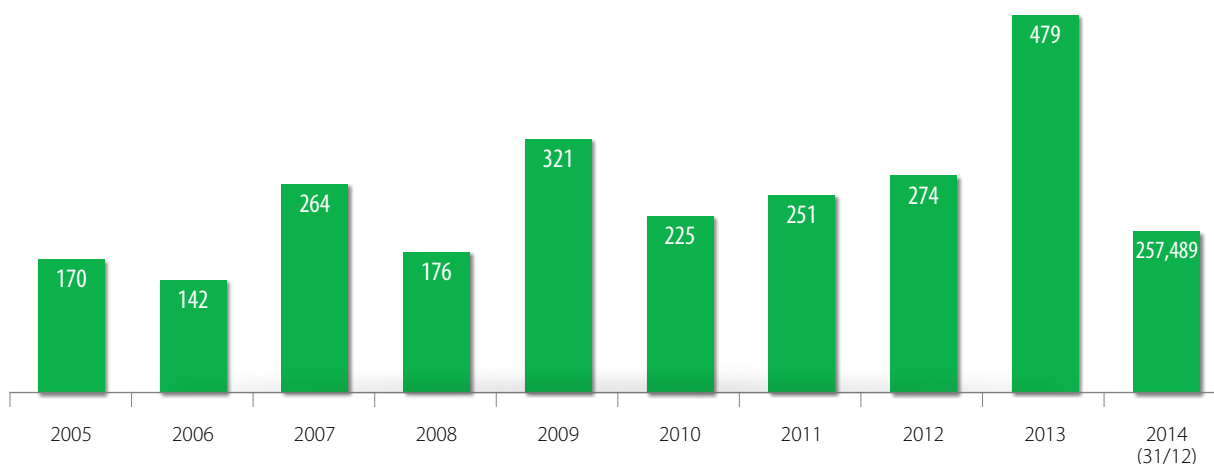
Trong giai đoạn 2005 – 2012, sản lượng NPK trong nước gia tăng nhanh chóng, từ hơn 2,1 triệu tấn vào năm 2005 (đáp ứng 93% nhu cầu tiêu thụ) tăng lên 3,5 triệu tấn vào năm 2012 (đáp ứng gần 97% lượng tiêu thụ). Hiện tại, Việt Nam có gần 20 nhà sản xuất NPK chính (không tính các cơ sở sản xuất tự phát) với tổng năng lực sản xuất trong nước gần 5 triệu tấn. Tuy vậy, các nhà máy này chủ yếu vẫn sử dụng công nghệ phối trộn thủ công 3 hạt (chiếm khoảng 60 - 70% tổng năng lực).

Chính vì vậy, mặc dù tổng công suất NPK các loại từ nguồn cung trong nước hiện đã vượt nhu cầu tiêu thụ về lượng nhưng Việt Nam vẫn đã và đang nhập khẩu từ 166 nghìn tấn vào năm 2005 lên gần 480 nghìn tấn vào năm 2013 các sản phẩm NPK 1 hạt chất lượng cao. 9 tháng đầu năm 2014, tổng khối lượng NPK nhập khẩu vào Việt Nam đạt trên 200 nghìn tấn với tổng trị giá 90 triệu USD.



LƯỢNG PHÂN NPK NHẬP KHẨU VÀO VIỆT NAM TỪ 2005 ĐẾN 31/12/2014 (NGHÌN TẤN)

Nguồn: Bộ Công Thương





THỊ TRƯỜNG

PHÂN BÓN TRONG NƯỚC (tiếp theo)



TÌNH TRẠNG PHÂN BÓN KÉM CHẤT LƯỢNG, HÀNG GIẢ TRẦN LAN

Những năm gần đây, thị trường phân NPK tại Việt Nam đã chứng kiến sự ra đời của hàng loạt DN sản xuất quy mô nhỏ. Điều đáng nói là nguồn gốc, chất lượng của các sản phẩm NPK “gia công” này rất thấp. Các xưởng sản xuất nhỏ này phần lớn chỉ là các cơ sở trước đây làm giống, thuốc bảo vệ thực vật hay phân hữu cơ, hoặc là đại lý phân phối sản phẩm NPK cho các công ty lớn, nay mua máy móc về tự phối trộn, đóng bao đem bán. Phần nhiều các sản phẩm NPK của các cơ sở tự phát này có chất lượng kém xa so với tiêu chuẩn ghi trên bao bì. Theo số liệu từ lực lượng quản lý thị trường, năm 2013 được coi là đỉnh điểm của tình trạng phân bón giả hoành hành với 1.483 vụ vi phạm bị phát hiện, hơn 1.000 tấn sản phẩm bị tịch thu. Sang những tháng đầu năm 2014, số vụ vi phạm, lượng hàng hóa trái phép đã giảm còn khoảng ¼ nhưng vẫn còn rất nhức nhối.

Hiện tượng này không chỉ khiến bà con nông dân gặp khó khăn vì phải đối mặt với một “ma trận” phân bón giả, mà còn khiến các doanh nghiệp sản xuất NPK trong nước gặp phải sự cạnh tranh không lành mạnh bởi các sản phẩm NPK kém chất lượng được bán với giá rất thấp.

Trước tình trạng nêu trên, Chính phủ đã kịp thời ban hành Nghị định 202/2013/NĐ-CP để quản lý lại ngành phân bón. Sự ra đời của Nghị định này đã quy định rất chặt chẽ các điều kiện về sản xuất, điều kiện về kinh doanh và cả nhập khẩu, tạo sự quản lý thống nhất đối với mặt hàng có tính nhạy cảm, quan trọng trong bài toán an ninh lương thực và cuộc sống của 15 triệu hộ nông dân cả nước. Cùng với đó, Nghị định số 163/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp tiếp tục tạo những chế tài mạnh mẽ hơn, “đánh” vào hành vi vi phạm sản xuất và cung ứng phân bón giả, phân bón kém chất lượng.

CƠ HỘI CHO DỰ ÁN NPK CỦA PVFCCo

Nghị định 202 và sau đó là Thông tư số 41/2014 của Bộ NN & PTNT cùng với Thông tư số 29/2014 của BCT cùng hướng đến việc thắt chặt quản lý cũng như kinh doanh phân bón không chỉ giúp làm lành mạnh hóa thị trường phân bón mà còn mở ra những hướng đi mới trong việc phát triển sản phẩm, hướng đến các sản phẩm chất lượng cao, sử dụng công nghệ tiên tiến. Ngoài ra, xu hướng sản xuất phân NPK chất lượng cao bằng các công nghệ tiên tiến như công nghệ hóa học cũng được đề cập trong Quyết định số 1621/QĐ-TTg ngày 18/09/2013 của Thủ tướng và được Bộ Công Thương định hướng trong Quy hoạch phát triển hệ thống sản xuất và phân phối mật hàng phân bón giai đoạn 2010 – 2020, có xét đến năm 2025.

Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất phân bón NPK chất lượng cao sử dụng công nghệ hóa học với công suất 250 nghìn tấn/năm của PVFCCo hiện đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, hứa hẹn sẽ đáp ứng được mong mỏi của

thị trường, hướng đến việc thay thế các sản phẩm NPK nhập khẩu cũng như giúp nâng cao sức cạnh tranh và chất lượng nền nông nghiệp trong nước.

Dự án này là một phần trong gói dự án nâng cấp phân xưởng NH_3 của Nhà máy đạm Phú Mỹ được đặt tại KCN Phú Mỹ I – Bà Rịa – Vũng Tàu, với tổng mức đầu tư khoảng 5.000 tỷ đồng. Hiện dự án đang trong giai đoạn đấu thầu EPC, dự kiến tới đầu năm 2017 sẽ có sản phẩm thương mại. Sau khi hoàn thành, dự án này sẽ tăng sản lượng của PVFCCo thêm 90 nghìn tấn NH_3 và 250 nghìn tấn NPK chất lượng cao.

Nhà máy NPK mới sẽ sử dụng công nghệ hóa học, sử dụng kết hợp ống phản ứng và thùng tiến trung hòa. Sản phẩm chủ lực của nhà máy sẽ là NPK 16-16-8+13S, bên cạnh đó nhà máy cũng có khả năng linh động sản xuất được rất nhiều sản phẩm NPK khác kể cả DAP, đồng thời sử dụng được NH_3 từ dự án nâng cấp phân xưởng NH_3 làm nguyên liệu.

STT	CÔNG THỨC NPK
1	16-16-8+13S
2	16-16-16
3	15-9-20
4	15-15-15
5	12-11-18
6	25-5-5
7	16-20-0
8	13-19-19

ĐỐI TƯỢNG
Đa dụng (cây lương thực, cây công nghiệp, rau màu)
Tất cả các loại cây và đất
Hàm lượng kali cao thích hợp cho cây ăn quả, cây lấy củ
Đa dụng (dùng cho tất cả các loại cây và đất)
Chuyên dùng cho cà phê – tiêu – cao su và cây ăn trái
Chuyên cho cây cà phê vào mùa khô
Chuyên bón thúc cho cây lúa
Chuyên cho cây ăn trái, cây lấy củ giai đoạn cuối

DANH SÁCH SẢN PHẨM NPK ĐỀ XUẤT CỦA DỰ ÁN

Bên cạnh những lợi ích to lớn mang lại cho bản thân doanh nghiệp, dự án NPK/ NH_3 của PVFCCo còn đem lại nhiều hiệu quả chính trị – xã hội cho đất nước và địa phương như: Góp phần phát triển các ngành công nghiệp dịch vụ phụ trợ cung cấp cho quá trình xây dựng, vận hành nhà máy và thúc đẩy sự phát triển các ngành công nghiệp phân bón, hóa chất, dệt, cao su, thực phẩm; Góp phần chủ động nguồn phân bón trong nước, tiết kiệm nguồn ngoại tệ cho quốc gia; Tăng cường phát triển cụm liên kết ngành phù hợp với chiến lược công nghiệp hóa đất nước; Tạo ra nhiều

việc làm trong giai đoạn xây dựng nhà máy, góp phần phát triển lực lượng lao động trực tiếp có trình độ kỹ thuật và có khả năng quản lý, vận hành và bảo trì nhà máy...

Dự án đi vào hoạt động không những giúp PVFCCo phát triển quy mô sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm phân bón, nâng cao hiệu quả khai thác hệ thống phân phối sẵn có mà còn từng bước nâng cao vị thế cạnh tranh, khẳng định vai trò của PVFCCo nói riêng và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), cổ đông lớn nhất của Tổng công ty nói chung trong nền kinh tế nước nhà.

Phát hành THẺ MẠNH



PHÚ MỸ UREA
For bountiful harvests

PRILLED UREA

NITROGEN : 46.3% MIN
BIURET : 1% MAX
MOISTURE : 0.4% MAX

MADE IN VIETNAM

PRODUCT OF
PETROVIETNAM FERTILIZER & CHEMICALS CORPORATION (PVFCCO)
Số 41 MẠC ĐÌNH CHÍ STREET, SÀI GÒN NEW, DIST. 1, HCMC, VIETNAM
TEL: 08.38234018 FAX: 08.38234019 WEB: www.dgpm.vn



DAM PHU MY 2012



PHÚ MỸ UREA
For bountiful harvests

PRILLED UREA

NITROGEN : 46.3% MIN
BIURET : 1% MAX
MOISTURE : 0.4% MAX

MADE IN VIETNAM

PRODUCT OF
PETROVIETNAM FERTILIZER & CHEMICALS CORPORATION (PVFCCO)
Số 41 MẠC ĐÌNH CHÍ STREET, SÀI GÒN NEW, DIST. 1, HCMC, VIETNAM
TEL: 08.38234018 FAX: 08.38234019 WEB: www.dgpm.vn



Nhận diện trước được những khó khăn thách thức của thị trường phân bón, PVFCCo đã bám sát diễn biến thay đổi của thị trường, linh hoạt nắm bắt cơ hội để phát huy thế mạnh nhằm giữ vững thị phần phân phối, đặc biệt mở rộng các thị trường tiềm năng, giữ vững vị thế và vai trò tiên phong của một thương hiệu phân bón hàng đầu tại Việt Nam.

QUẢN TRỊ CÔNG TY



- 72 Tình hình quản trị Tổng công ty
- 78 Báo cáo quản trị rủi ro
- 84 Báo cáo quan hệ nhà đầu tư



LỢI NHUẬN
TRƯỚC THUẾ

1.285
TỶ ĐỒNG



2⁶²
TỶ ĐỒNG

Giá trị giải ngân đầu tư
và mua sắm

TOP 5

DOANH NGHIỆP CÓ HOẠT
ĐỘNG IR TỐT NHẤT

TOP 50

CÔNG TY KINH DOANH
HIỆU QUẢ NHẤT VIỆT NAM



23



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2014

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2014, HĐQT với 05 thành viên đương nhiệm đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm ngặt theo chuẩn mực quản trị của công ty cổ phần. HĐQT được tổ chức hoạt động chuyên trách, ra quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho các Ủy viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn.

Trong năm 2014, HĐQT đã có 4 phiên họp và nhiều lần lấy ý kiến các thành

viên bằng văn bản, quyết định những nội dung quan trọng tiêu biểu sau đây:

- **Kế hoạch, chiến lược:** Phê duyệt kế hoạch và giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014, thẩm định và phê duyệt kế hoạch năm 2015 để báo cáo ĐHĐCĐ trong phiên họp thường niên 2015; Phê duyệt kế hoạch kinh doanh phân bổ hóa chất giai đoạn 2014 - 2017, kế hoạch nghiên cứu phát triển giai đoạn 2014 - 2017; Phê duyệt chiến lược thương hiệu và tiếp thị truyền thông giai đoạn 2014 - 2020 và tầm nhìn đến 2025.
- **Về tổ chức:** Quyết định giải thể Chi nhánh Tổng công ty tại Campuchia. Tiếp tục chỉ đạo rà soát để thực hiện kế hoạch tái cấu trúc giai đoạn 2014 - 2015 của Tổng công ty.
- **Hệ thống quản trị, kiểm soát rủi ro, kiểm soát nội bộ:** Phê duyệt và triển khai kế hoạch kiểm toán nội bộ theo quy trình và bộ máy được hoàn thiện từ dự án hỗ trợ thiết lập bộ máy kiểm toán nội bộ; Chỉ đạo thực hiện và áp dụng giai đoạn 1 hệ thống ERP và chỉ đạo nghiên cứu kế hoạch triển khai giai đoạn 2 của hệ thống ERP; Tiếp tục chỉ đạo việc áp dụng, theo dõi và điều chỉnh các bộ định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty với yêu cầu tiết kiệm, chống lãng phí nhằm quản lý hiệu quả chi phí và giá thành sản xuất.
- **Đầu tư, triển khai các dự án:** Phê duyệt kết quả đấu thầu dự án xưởng sản xuất hóa chất UFC85/Formaldehyde, phê duyệt dự án đầu tư, kế hoạch đấu thầu và hồ

“HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT) ĐÃ ĐƯỢC ĐHĐCĐ BẦU LẠI NHIỆM KỲ 2013 - 2018 GỒM 5 THÀNH VIÊN VỚI THÔNG TIN CHI TIẾT NHƯ Ở CÁC PHẦN TRÊN, TRONG ĐÓ CÓ 1 CHỦ TỊCH, 1 PHÓ CHỦ TỊCH, 1 THÀNH VIÊN CHUYÊN TRÁCH, 1 THÀNH VIÊN KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC VÀ 1 THÀNH VIÊN KIỂM NHIỆM VÀ KHÔNG ĐIỀU HÀNH. HĐQT KHÔNG THÀNH LẬP CÁC TIỂU BAN. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT ĐƯỢC PHÂN CÔNG CỤ THỂ CHO CÁC THÀNH VIÊN CHUYÊN TRÁCH PHỤ TRÁCH THEO TỪNG LĨNH VỰC ĐỂ THẨM TRA CÁC NỘI DUNG THUỘC THẨM QUYỀN CỦA HĐQT ĐỂ HĐQT RA QUYẾT ĐỊNH, ĐỒNG THỜI GIÁM SÁT, CHỈ ĐẠO, Đôn đốc TỔNG CÔNG TY TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT THEO LĨNH VỰC ĐƯỢC PHÂN CÔNG.”

sơ mời thầu các gói thầu EPC thuộc dự án đầu tư nâng công suất xưởng NH₃ Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy phân NPK công nghệ hóa học.

- **Ban hành, sửa đổi bổ sung các quy chế:** Quy chế về công tác văn thư; Quy chế đánh giá hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD hàng năm của Tổng công ty và các đơn vị thành viên, trực thuộc; Quy chế soạn thảo, ban hành và quản lý văn bản quy phạm nội bộ; Quy chế quản lý và sử dụng trang thiết bị, tài sản tại văn phòng Tổng công ty; Quy chế về chế độ công tác phí trong nước và chi phí hành chính khác; Quy chế về chế độ đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài.
- **Phê duyệt và điều chỉnh các bộ định mức kinh tế kỹ thuật:** Bộ định mức số 1 – Tiêu hao hóa chất, vật tư, năng lượng cho sản xuất NH₃ và urê; Bộ định mức số 2 – Tiêu hao xăng, dầu, mỡ, nhớt; Bộ định mức số 4 – Định mức bảo dưỡng; Bộ định mức số 5 – Định mức dự phòng tối thiểu; Bộ định mức số 7 – Định mức hao hụt urê rời và định mức về hàng hóa phân bón tồn kho.
- **Quan hệ cổ đông và chia cổ tức:** Tổ chức thành công phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2014; tổ chức thường xuyên các cuộc gặp mặt nhà đầu tư theo yêu cầu; tổ chức gặp mặt cổ đông thường kỳ vào tháng 1 và tháng 10/2014; phát hành 2 Bản tin Nhà đầu tư vào quý 3 và quý 4, phát hành Báo cáo thường niên vào quý 2; quyết định chi tạm ứng cổ tức đợt 1 với tổng tỷ lệ trả cổ tức 15% mệnh giá cổ phiếu.
- **Bổ nhiệm cán bộ:** Bổ nhiệm thay thế một số người đại diện phần vốn tại các công ty con.
- **Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính:** Phối hợp với Ban kiểm soát để thông qua việc lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- **Các vấn đề khác:** Quyết định thoái vốn đầu tư tại Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí – CTCP; Thông qua nội dung sửa đổi hợp đồng mua bán khí với Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP.

Ngoài các phiên họp định kỳ và bất thường, HĐQT còn thường xuyên giao ban công việc hàng tuần, hàng tháng để kiểm tra, đánh giá công việc của HĐQT và giám sát việc thực hiện của Ban điều hành đối các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh của

Tổng công ty.

Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban điều hành thông qua:

- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Ban điều hành.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp của các Hội đồng giá sản phẩm, chính sách bán hàng, chính sách nhân viên, công tác tổ chức lao động, các cuộc họp về xây dựng và giao kế hoạch SXKD cho các đơn vị trực thuộc, báo cáo và kiểm điểm các công tác trọng điểm...
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD, thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi báo cáo HĐQT.
- Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành SXKD.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Thành viên Hội đồng quản trị Đinh Quang Hoàn, hoạt động kiêm nhiệm tại Hội đồng quản trị và hiện tại đáp ứng tiêu chí thành viên độc lập không điều hành, đã tham dự đầy đủ các cuộc họp và tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề quyết định của Hội đồng quản trị; tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành theo phân công của Hội đồng quản trị.

BỒI DƯỠNG, ĐÀO TẠO NÂNG CAO KIẾN THỨC QUẢN TRỊ CÔNG TY CHO CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tất cả các thành viên HĐQT đều có kinh nghiệm và được đào tạo về Quản trị công ty tại thời điểm được bầu và bổ nhiệm.

Các thành viên HĐQT luôn chủ động bồi dưỡng, đào tạo cập nhật, nâng cao kiến thức về Quản trị công ty để đáp ứng yêu cầu công việc.



BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2014

Ban kiểm soát hoạt động trên cơ sở Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và Kế hoạch hoạt động đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 thông qua. BKS đã phân công nhiệm vụ cho từng thành viên và làm việc theo nguyên tắc tập thể.

Ban kiểm soát đã tổ chức 4 cuộc họp lấy ý kiến của các thành viên để thông qua các nội dung chính: Kế hoạch hoạt động năm 2014; Báo cáo của Ban kiểm soát trình đại hội đồng cổ đông thường niên 2014; Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính quý/bán niên/năm; Lựa chọn đơn vị kiểm

toán Báo cáo tài chính 2014; Kiến nghị sau các cuộc kiểm toán...Ngoài ra Ban kiểm soát còn đóng góp nhiều ý kiến thiết thực trong quá trình quản trị doanh nghiệp.

Công tác kiểm tra giám sát thường xuyên và định kỳ trong năm chủ yếu tập trung vào việc thực hiện kế hoạch 2014, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty; Giám sát việc thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí; Việc sử dụng và bảo toàn vốn; Việc chấp hành điều lệ/ nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Ban kiểm soát có 3 thành viên bao gồm 2 thành viên chuyên trách và 1 thành viên kiêm nhiệm. Các thành viên chuyên trách hưởng lương theo Quy chế lương/thưởng của Tổng công ty, thành viên kiêm nhiệm hưởng thù lao (được trình bày chi tiết tại Báo cáo lương, thưởng, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát). Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát năm 2014 tuân thủ theo các quy chế nội bộ của Tổng công ty và các quy định hiện hành.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY

Năm 2014 là một năm mà Tổng công ty phải đương đầu với nhiều khó khăn. Chi phí vận chuyển tăng do chính sách kiểm soát tải trọng, chi phí giá khí tăng 3,35% so với năm 2013 đã làm giá thành urê Phú Mỹ năm 2014 tăng 3,7%, giá phân bón giảm mạnh (khoảng 22%) so với năm 2013 và thấp hơn giá kế hoạch 1,4%. Cạnh tranh trên thị trường phân bón trong nước ngày càng quyết liệt do cung đã vượt cầu, cộng thêm với tình hình thời tiết có nhiều biến động bất lợi và một số nông sản giảm giá đã làm giảm sức cầu. Lợi nhuận trước thuế 1.285 tỷ

“ BAN KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG TRÊN CƠ SỞ QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG ĐÃ ĐƯỢC ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2014 THÔNG QUA. BKS ĐÃ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CHO TỪNG THÀNH VIÊN VÀ LÀM VIỆC THEO NGUYÊN TẮC TẬP THỂ. ”



đồng đạt 122% kế hoạch. Trong năm 2014, Tổng công ty thanh toán cổ tức năm 2013 (đợt 3: 25%) và tạm ứng cổ tức năm 2014 (15%) với tổng số tiền là 1.520 tỷ đồng, hệ số bảo toàn vốn của Tổng công ty là 0,94.

Hoạt động sản xuất:

Năm 2014, Nhà máy đạm Phú Mỹ duy trì vận hành ổn định, sản xuất đạt sản lượng cao nhất từ khi vận hành, đạt 850.278,58 tấn urê quy đổi. Nhà máy đạm Phú Mỹ đã vận hành hơn 11 năm nên tiềm ẩn nhiều nguy cơ sự cố về máy móc thiết bị. Tổng số giờ dừng máy để sửa chữa trong năm 2014 là 321 giờ, trong đó có 134 giờ dừng máy xử lý sự cố. Đặc biệt sự cố rò khí do vết nứt tại điểm hàn 10TT5027 đã phải dừng 106 giờ để xử lý (vị trí gần thiết bị 10E5001 khu tổng hợp phân xưởng NH₃).

Hoạt động kinh doanh:

Trước sức ép cạnh tranh gia tăng, PVFCCo xác định thị trường mục tiêu là khu vực Đông Nam Bộ và Miền Trung-Tây Nguyên. Trong bối cảnh giá thị trường phân urê giảm, nguồn cung trong nước dư thừa, nhưng giá phân urê Phú Mỹ vẫn luôn ổn định ở mức cao, dẫn dắt giá thị trường urê trong nước do đã xác định đúng thị trường mục tiêu, mùa vụ từng khu vực và điều chuyển hàng hóa hợp lý đến các kho trung chuyển, linh động trong chính sách bán hàng trong nước/xuất khẩu, duy trì tồn kho ở mức tối ưu cũng như giải pháp chuyển mode sản xuất để bán NH₃ với giá cao. Thực hiện xuất khẩu phân bón ra một số nước trong khu vực (Myanmar, Lào, Thái Lan...) để mở rộng thị trường.

Năm 2014, Tổng công ty tiếp tục kiện toàn hệ thống phân phối, không mở rộng dần trải mà phát triển hệ thống

đại lý theo chiều sâu; tăng cường chăm sóc khách hàng cấp 2 và nâng dân đồng thời nhấn mạnh vai trò của cán bộ thị trường.

Công tác quản trị:

Tổng công ty đã hoàn thiện sơ đồ tổ chức, mô tả chức danh công việc, xây dựng từ điển năng lực, khung năng lực, xây dựng hệ thống đo lường hiệu quả công việc KPI, cải tiến chính sách tiền lương đồng thời rà soát điều chỉnh và ban hành lại chức năng nhiệm vụ của các Ban/phòng. Từ 1/1/2015, Tổng công ty chính thức áp dụng chính sách lương mới trên cơ sở đánh giá năng lực cá nhân.

Tiếp tục triển khai dự án ERP giai đoạn II thực hiện các phân hệ Quản lý sản xuất, phân hệ Quản lý kế hoạch, Ngân sách dự báo và Hệ thống Báo cáo thông minh BI, dự kiến hoàn thành quy trình tương lai và vận hành trong năm 2015.

Công tác tái cấu trúc doanh nghiệp:

Tiếp tục thực hiện công tác tái cấu trúc bố trí sắp xếp tinh gọn bộ máy điều hành của Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc, xây dựng kế hoạch phương án luân chuyển cán bộ quản lý, thực hiện tốt quy hoạch nhằm đào tạo chuẩn bị và đáp ứng cán bộ có năng lực cho các dự án mới.

Hoàn tất thủ tục và giải thể chi nhánh Campuchia, thoái toàn bộ vốn (hơn 5,1 triệu cổ phiếu) tại Tổng công ty Dung dịch khoan và hóa phẩm Dầu khí – DMC thu lãi hơn 78 tỷ đồng.

Công tác triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản:

Các dự án được thực hiện triển khai theo kế hoạch: Hoàn thành và đưa vào

sử dụng dự án hệ thống đóng bao Jumbo, Dự án hội trường nhà truyền thống thư viện tại Nhà máy đạm Phú Mỹ, dự án kho Ninh Thuận, đang tiến hành triển khai thi công dự án UFC85/formaldehyde, đang lựa chọn nhà thầu EPC dự án nâng công suất phân xưởng NH₃, dự án Nhà máy sản xuất NPK công nghệ hóa học. Tổng giá trị giải ngân đầu tư và mua sắm đạt 262 tỷ đồng, đạt 64% kế hoạch.

Công tác nghiên cứu phát triển:

Tiếp tục nghiên cứu đa dạng hóa sản phẩm, đưa ra thị trường các dòng sản phẩm mới chuyên dụng, có chất lượng cao, thân thiện với môi trường trên nền sản phẩm urê Phú Mỹ và NPK Phú Mỹ. Thực hiện xuất khẩu phân bón ra một số nước trong khu vực: Myanmar, Lào, Thái Lan để mở rộng thị trường.

Tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư, góp vốn với các đối tác trong và ngoài nước cùng triển khai các dự án trọng điểm thuộc lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng công ty.

Công tác tài chính kế toán:

Tổng công ty đã tuân thủ các quy định về quản lý vốn, quản lý tài chính và tối đa hóa lợi ích dòng tiền.

Sau khi Công ty Kiểm toán Deloitte Việt Nam thực hiện soát xét và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014 của Tổng công ty, Ban kiểm soát nhận thấy BCTC đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Tổng công ty; việc ghi chép, phân loại và trình bày tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.



TÌNH HÌNH

QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Ban điều hành trong năm.

“ TỔNG CÔNG TY ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ LƯƠNG CHO THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT CHUYÊN TRÁCH VÀ BAN ĐIỀU HÀNH THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT, QUY CHẾ QUẢN LÝ TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG VÀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ, HÀI HÒA VỚI CHÍNH SÁCH LƯƠNG VÀ QUỸ LƯƠNG HÀNG NĂM CỦA TỔNG CÔNG TY, TƯƠNG XỨNG VỚI NĂNG LỰC VÀ KẾT QUẢ CÔNG VIỆC CỦA TỪNG THÀNH VIÊN.

Đối với các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách, Tổng công ty thực hiện chế độ thù lao công việc.



CHI TIẾT TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO VÀ TIỀN THƯỞNG NĂM 2014

TT	HỌ & TÊN	CHỨC DANH	TIỀN LƯƠNG - THÙ LAO (TRIỆU ĐỒNG)	TIỀN THƯỞNG – PHÚC LỢI (TRIỆU ĐỒNG)	TỔNG THU NHẬP (TRIỆU ĐỒNG)
I.	Hội đồng quản trị		2.902	1.783	4.685
1	Lê Cự Tân	Chủ tịch HĐQT	707	479	1.186
2	Cao Hoài Dương	Ủy viên HĐQT kiêm TGD	779	522	1.301
3	Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch HĐQT	660	415	1.075
4	Nguyễn Hồng Vinh	Ủy viên HĐQT	636	367	1.003
5	Đình Quang Hoàn	UV. HĐQT kiêm nhiệm	120	-	120
II.	Phó TGD, KTT		4.416	2.502	6.919
1	Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng giám đốc	636	367	1.003
2	Nguyễn Văn Tòng	Phó Tổng giám đốc	636	367	1.003
3	Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng giám đốc	628	363	991
4	Dương Trí Hội	Phó Tổng giám đốc	592	345	937
5	Hoàng Việt Dũng	Phó Tổng giám đốc	636	367	1.003
6	Từ Cường	Phó Tổng giám đốc	672	367	1.039
7	Huỳnh Kim Nhân	Kế toán trưởng	616	326	943
III.	Ban kiểm soát		1.061	533	1.593
1	Trần Thị Phương Thảo	Trưởng Ban kiểm soát	616	326	943
2	Lê Vinh Văn	Thành viên Ban kiểm soát	408	206	615
3	Nguyễn Văn Hòa	TV. BKS kiêm nhiệm	36	-	36
Tổng cộng			8.379	4.819	13.197

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

- Ngày 24/9/2014: Cổ đông Market Vector ETF thông báo bán 3.835.580 CP giảm tỷ lệ sở hữu xuống 4,64%.
- Ngày 18/8/2014: Cổ đông Deutschebank AG London thông báo bán 85.040 CP giảm tỷ lệ sở hữu còn 4,99%.
- Ngày 25/6/2014: Cổ đông Market Vector ETF thông báo đã mua 3.652.440 CP nâng tỷ lệ sở hữu lên 5,38%.
- Ngày 11/6/2014: Cổ đông Deutschebank AG London thông báo mua 358.060 CP nâng tỷ lệ sở hữu lên 5,01%.

- Ngày 10/4/2014: Norges Bank thông báo cùng nhóm cổ đông có liên quan đã tăng bán cổ phiếu và giảm tỷ lệ sở hữu xuống 4,78%.
- Ngày 26/3/2014: Norges Bank thông báo cùng nhóm cổ đông có liên quan đã tăng bán cổ phiếu và giảm tỷ lệ sở hữu xuống 5,99%.
- Ngày 26/3/2014: Chủ tịch Hội đồng quản trị Lê Cự Tân thông báo đã mua 50.000 cổ phiếu và tăng tỷ lệ sở hữu lên 0,013%.
- Các đối tượng khác: Không có thông báo/báo cáo giao dịch cổ phiếu.

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Trong năm 2014, không phát sinh các giao dịch giữa Tổng công ty với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý.

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tổng công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Quản trị công ty niêm yết.



VỚI QUAN ĐIỂM QUẢN TRỊ RỦI RO LÀM ĐÒN BẨY ĐỂ CẢI THIẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH, TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CTCP (PVFCCo) LUÔN NHẬN ĐỊNH VÀ KIỂM SOÁT CÁC RỦI RO GẮN LIỀN VỚI MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC CỦA DOANH NGHIỆP ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.



Tập trung nguồn lực quản lý rủi ro để đạt được các mục tiêu quan trọng:

- Giữ vững vị trí số 1 về sản xuất và kinh doanh phân bón tại thị trường nội địa.
- Tiếp tục lộ trình vận hành xuất sắc Nhà máy đạm Phú Mỹ để đối phó với những biến động của giá nguyên vật liệu đầu vào, thị trường tiêu thụ và các điều kiện kinh doanh ngày càng khắt khe.

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO HIỆN HỮU TẠI PVFCCo, CÁC NHÓM RỦI RO TRỌNG YẾU VÀ BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ:

Không ngừng cải thiện và nhận định các rủi ro nội tại, PVFCCo đã đánh giá được các rủi ro phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh để hoàn thành

các mục tiêu, sứ mệnh chiến lược của mình. Theo đó, PVFCCo đã nhận diện các nhóm rủi ro trọng yếu năm 2014 như sau:

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Với mục tiêu giữ vững vị trí số 1 về sản xuất và kinh doanh phân bón tại thị trường nội địa, đòi hỏi việc kiểm soát chặt chẽ các rủi ro thị trường trọng yếu:

Rủi ro cung vượt cầu:

Tình hình thị trường tiêu thụ phân bón năm 2014 đã thực sự cạnh tranh quyết liệt do nguồn cung trong nước dư thừa. Trước những thách thức này, PVFCCo đã hoàn thiện để án nâng cao năng lực hệ thống kênh phân phối hiện có, rà soát và hoàn thiện chính sách bán hàng, hậu mãi, đồng thời đẩy mạnh kế hoạch xuất khẩu phân bón sang thị trường nước ngoài. Đây là một kế hoạch mang tính chiến lược giúp Tổng công ty phát triển ổn định và lâu dài.

Với những nỗ lực vượt bậc, vượt qua thách thức và tận dụng cơ hội, năm 2014 Tổng công ty đã đạt được:

- Thương hiệu “Đạm Phú Mỹ” vững vàng ở vị trí số 1; các mặt hàng phân bón mang thương hiệu Phú Mỹ đã khẳng định được vị thế trên thị trường. Trong năm 2014, PVFCCo đã tiêu thụ tổng sản lượng 1,22 triệu tấn các sản phẩm Đạm Phú Mỹ và phân bón khác;
- Phát triển mạnh mẽ mảng chế biến và kinh doanh hóa chất bằng việc đưa Xưởng phối trộn hóa chất Dầu khí đi vào vận hành thương mại, cung cấp đa dạng hóa phẩm hóa chất phục vụ thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí, cùng với đó là việc PVFCCo tiến hành xây dựng Nhà máy Hóa chất UFC85 công suất 15

nghìn tấn/năm đã cho thấy sự phát triển vượt trội trong lĩnh vực hóa chất của TCT trong năm 2014.

- Trong năm 2014, PVFCCo đã đạt và hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh chính. Theo đó, Sản lượng đạt 850.000 tấn, đạt 106% kế hoạch; Doanh thu đạt 9.972 tỷ đồng, đạt 115% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế: 1.285 tỷ đồng, đạt 122% kế hoạch.

Để hạn chế ảnh hưởng nhóm các rủi ro thị trường, các giải pháp cụ thể PVFCCo đã và sẽ thực hiện:

Trong năm 2014, PVFCCo đã thực hiện một loạt các giải pháp linh động trong kế hoạch quản trị rủi ro:

- Cập nhật, sửa đổi Quy chế Quản lý hoạt động kinh doanh phân bón nhằm tăng cường công tác quản lý hoạt động kinh doanh của PVFCCo, đảm bảo chính sách bán hàng của PVFCCo linh hoạt phù hợp với tình hình kinh doanh từng giai đoạn mới.
- Không ngừng nâng cao năng lực của hệ thống phân phối với độ bao phủ cao. Để hoàn thiện và phát triển hệ thống phân phối kinh doanh phân bón, PVFCCo đã cùng với đơn vị tư vấn nghiên cứu đánh giá và đưa ra các giải pháp hoàn thiện hệ thống phân phối trong năm 2015.
- Hoàn thiện danh mục sản phẩm theo yêu cầu của thị trường với thương hiệu Phú Mỹ thông qua việc nhập khẩu các loại phân bón chất lượng cao.
- Tăng cường mở rộng các thị trường nước ngoài thông qua hoạt động xuất khẩu sang New Zealand, Jordan, Thái Lan - các nước đòi hỏi chất lượng khắt khe và tính cạnh

tranh về giá, đa dạng về hình thức đóng gói, ...

- Phê duyệt Chiến lược thương hiệu và tiếp thị truyền thông cho giai đoạn 2014-2020 đối với các sản phẩm phân bón và hóa chất của PVFCCo.
- Phê duyệt kế hoạch nghiên cứu phát triển giai đoạn 2014-2017 nhằm đa dạng hóa sản phẩm trên nền tảng urê Phú Mỹ, nghiên cứu bộ công thức các sản phẩm NPK, phát triển các sản phẩm phân bón chức năng và ứng dụng các mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị nông nghiệp phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh của PVFCCo.
- Đối với Công tác tái cấu trúc: PVFCCo đã quyết định giải thể Chi nhánh PVFCCo tại Campuchia sau khi xem xét lại hiệu quả kinh doanh tại thị trường này.

KHÔNG DỪNG LẠI Ở VIỆC NHẬN DIỆN VÀ GIẢI PHÁP LINH ĐỘNG, BAN LÃNH ĐẠO PVFCCo CŨNG ĐÃ XÂY DỰNG MỘT CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG CÓ TẦM NHÌN DÀI HẠN TỪ NĂM 2015:

- Giữ vững thị phần urê Phú Mỹ thông qua các giải pháp về việc tiếp tục quản lý hệ thống kênh phân phối, công tác hỗ trợ kỹ thuật, chính sách hậu mãi, đồng thời phát triển xây dựng hệ thống phân phối tại các nước có tiềm năng. Tăng cường xuất khẩu urê xá tại Nhà máy đạm Phú Mỹ và tại các cảng xuất trọng điểm.
- Đa dạng hóa sản phẩm và từng bước khẳng định thị trường cho các sản phẩm mới mang thương hiệu Phú Mỹ hướng đến các Nhà máy sản xuất các mặt hàng này trong thời gian tới.



- Tiếp tục công tác nghiên cứu và đầu tư để thực hiện Chiến lược phát triển sản phẩm công nghệ cao và tập trung vào lĩnh vực kinh doanh chính của PVFCCo.
- Thực hiện có hiệu quả đề án tái cơ cấu/thoái vốn; hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm thích ứng với môi trường kinh doanh.
- Không ngừng tăng cường các giải pháp quản trị tiên tiến nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược.

Rủi ro cạnh tranh:

Toàn cầu hóa và Hiệp định hợp tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP: Trans-Pacific Partnership) – Hiệp định thương mại tự do. Sự hội nhập sâu rộng hơn trong TPP làm các quốc gia trong đó có Việt Nam có nhiều cơ hội hơn, nhưng cũng sẽ

chịu nhiều áp lực, thách thức gia tăng áp lực cạnh tranh ngay tại thị trường phân bón nội địa. Trước ảnh hưởng của TPP, PVFCCo đã có sự quan tâm nghiên cứu trong việc hoạch định chiến lược của mình để tồn tại và phát triển trong áp lực cạnh tranh. Theo đó, có thể kể đến các vấn đề liên quan trực tiếp đến PVFCCo là:

- Sự trợ cấp về giá khí - giá nguyên liệu đầu vào cho các sản phẩm chính của PVFCCo hiện tại và tương lai sau này. Tuy nhiên, PVFCCo đã thực hiện lộ trình giá khí theo thị trường sớm hơn dự kiến với mức giá khí theo giá thị trường từ tháng 04 năm 2014.
- Tính minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh: Ở khía cạnh này, áp lực cho PVFCCo sẽ dừng lại ở một chừng mực hơn vì lý do PVFCCo đang là công ty đại chúng niêm yết, tuân thủ các quy định về

quản trị doanh nghiệp, chế độ công bố thông tin theo yêu cầu của Pháp luật chứng khoán. Hơn nữa, minh bạch trong quản trị là nhu cầu của PVFCCo, đã và đang được thực hiện và ngày càng hoàn thiện.

- Thách thức về cạnh tranh giữa doanh nghiệp Nhà nước với các doanh nghiệp/Công ty tư nhân, doanh nghiệp nước ngoài, việc mất đi sự ưu đãi có thể làm cho doanh nghiệp Nhà nước gặp nhiều khó khăn hơn. Lộ trình thoái vốn Nhà nước đối với PVFCCo hiện nay có lẽ phù hợp với kế hoạch giảm bớt thách thức này.

Rủi ro bên thứ ba bao gồm tính thanh khoản của khách hàng:

Hệ quả của tình hình suy thoái kinh tế toàn cầu, các rủi ro tiềm ẩn liên quan đến nhà cung cấp, khách hàng sẽ có khả năng xảy ra bất kỳ lúc nào đối

với hoạt động SXKD của PVFCCo. Để phòng ngừa và hạn chế rủi ro tiềm ẩn, Ban lãnh đạo PVFCCo phân tích, đánh giá khả năng gánh chịu rủi ro của PVFCCo để xây dựng chính sách quản trị rủi ro chung, chính sách bán hàng và công nợ được các Công ty thành viên lựa chọn áp dụng linh hoạt theo đặc thù từng đơn vị. Tại PVFCCo công nợ được kiểm soát chặt chẽ thường xuyên nên trong năm 2014 không xảy ra tranh chấp, nợ xấu trong hoạt động mua bán hàng.

Rủi ro trong việc phát triển sản phẩm mới:

Hàng loạt các Nhà máy sản xuất urê trong nước ra đời và cho ra sản phẩm, cùng với nhu cầu sử dụng phân bón của bà con nông dân ngày càng đa dạng, PVFCCo luôn chú trọng công tác đa dạng hóa sản phẩm, đã phát triển các sản phẩm mới mang thương hiệu Phú Mỹ như sản phẩm NPK Phú Mỹ, Kali Phú Mỹ, DAP Phú Mỹ... để đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng yêu cầu và xu thế của thị trường, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh và tăng năng lực cạnh tranh của PVFCCo trong giai đoạn tới.

RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA PVFCCO

Mục tiêu vận hành xuất sắc của Nhà máy đạm Phú Mỹ đòi hỏi các hoạt động Quản trị rủi ro tập trung vào:

- **Quản lý chất lượng sản phẩm.**
- **Quản lý và xử lý sự cố.**
- **Phát huy vị trí tiên phong trong cải tiến công nghệ và phát huy sáng kiến.**

Với đặc thù Nhà máy đạm Phú Mỹ vận hành liên tục và hoạt động sản xuất trên 10 năm nên thiết bị, máy móc trong dây chuyền công nghệ đang có xu hướng giảm tuổi thọ, tiềm ẩn rủi ro ảnh hưởng đến sự cố kỹ thuật hay an

toàn lao động tại Nhà máy đạm Phú Mỹ. Bên cạnh đó, chi phí duy tu, bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa lớn 02 năm/lần có xu hướng tăng cũng làm tăng chi phí đầu vào của sản phẩm sản xuất. Ngoài ra, do hiện nay nguy cơ rò rỉ khí từ các mối hàn trên đường ống cao áp tăng nên cần có biện pháp phát hiện khí để ngăn ngừa rủi ro về cháy nổ.

Mặt khác, nền kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng cùng với chu kỳ kinh tế thế giới. Với đặc thù kinh doanh ngành phân bón, giá thành sản phẩm chính của PVFCCo chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi biến động của giá dầu trên thế giới, từ giữa năm 2014 giá dầu thế giới biến động tăng/giảm không ổn định ngoài sự kiểm soát của PVFCCo, trong khi giá bán sản phẩm phân bón Phú Mỹ có xu hướng giảm do nguồn cung trong nước đang dư thừa, đồng thời luôn phải cạnh tranh quyết liệt với phân bón tiểu ngạch các nước lân cận. Trong môi trường kinh doanh nhiều thay đổi, PVFCCo đã chủ động, linh hoạt để thích ứng với những biến động của nền kinh tế, thực hiện hoàn thành KH SXKD năm 2014 để đảm bảo sự tăng trưởng ổn định.

Trong năm 2014, PVFCCo đã nhận diện và xử lý thông qua các giải pháp:

- Đã nghiên cứu và đang xây dựng Nhà máy sản xuất UFC85/Formaldehyde nhằm cải thiện độ cứng của hạt urê. Dự kiến sẽ hoàn thành và vận hành thương mại trong năm 2016.
- Hiệu chỉnh và ban hành các Bộ định mức kinh tế kỹ thuật gồm: Định mức tiêu hao hóa chất, vật tư, năng lượng; Định mức tiêu hao xăng dầu mở nhớt; Định mức vật tư dự phòng tối thiểu; Định mức vật tư phụ tùng bảo dưỡng định kỳ.
- Ban hành các phương án kỹ thuật để kịp thời đối phó với các sự cố

bất thường của thực tế sản xuất. Hàng tháng kiểm tra, đánh giá vận hành sản xuất để kịp thời xử lý và có biện pháp giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm và tránh sự cố.

- Lập kế hoạch bảo dưỡng định kỳ (trung hạn, ngắn hạn và dài hạn) để đảm bảo vận hành Nhà máy đạm Phú Mỹ an toàn, ổn định và hiệu quả.
- Triển khai và áp dụng các phần mềm như: AIMS-Asset Integrity Management System, CMMS – Computerized Maintenance Management System, SYSTEM 1 và RBI-Risk Base Inspection trong quản lý công tác bảo dưỡng, đánh giá tình trạng thiết bị và thu thập dữ liệu để phân tích tìm nguyên nhân hư hỏng của máy móc thiết bị.
- Để quản lý và ngăn ngừa rủi ro về cháy nổ trong quá trình sản xuất, PVFCCo đã triển khai ký hợp đồng cung cấp thiết bị cho Hệ thống Fire and Gas (tăng các điểm đầu dò ngoài hiện trường và bổ sung điểm theo dõi trong PLC). Ngoài ra, hiện tại Nhà máy đang xử lý tình huống và có hiệu quả là lập ma trận bản đồ các mối hàn để theo dõi, kiểm tra hàng ngày bằng cách sử dụng thiết bị phát hiện dò khí cầm tay.
- Đánh giá, phân tích nhu cầu thị trường, giá bán sản phẩm để quyết định sản xuất ở chế độ vận hành thích hợp, nhằm tối ưu hóa lợi nhuận của PVFCCo trong từng giai đoạn.
- Kien toan Hoi đồng khoa học và công nghệ; Kien toan mạng lưới quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả tại Nhà máy đạm Phú Mỹ nhằm giúp các hoạt động nghiên cứu khoa học, sản xuất kinh doanh của PVFCCo đạt hiệu quả cao.



NĂM 2015 BAN LÃNH ĐẠO PVFCCo ĐÃ ĐỀ XUẤT MỘT CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ TRỌNG ĐIỂM VÀO HỆ THỐNG QUẢN TRỊ SẢN XUẤT CỦA NHÀ MÁY, NHẢM VÀO HIỆU QUẢ ĐÒN BẮY ĐỂ TỐI ƯU HÓA CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ VẬN HÀNH:

- Triển khai thực hiện thành công các chương trình duy tu, sửa chữa lớn Nhà máy đạm Phú Mỹ trong năm 2015.
- Rà soát, cập nhật bảng nhận diện rủi ro và khía cạnh môi trường của Nhà máy theo quy trình.
- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao công tác điều hành, rà soát ban hành các phương án kỹ thuật để kịp thời đối phó với các hoàn cảnh bất thường của thực tế sản xuất.
- Tăng cường công tác kiểm tra thiết bị kịp thời phát hiện mọi sự bất thường và đề ra biện pháp, kế hoạch xử lý nhằm hạn chế tối thiểu thời gian ngừng máy.
- Tiếp tục cải tiến, hợp lý hóa sản xuất, bảo dưỡng tiếp cận theo hướng bảo dưỡng dự phòng nhằm mang tính ngăn ngừa hư hỏng đột xuất thiết bị máy móc.
- Hoàn thiện để án nâng cao năng lực vận hành, bảo dưỡng và hiệu quả của Nhà máy đạm Phú Mỹ.
- Theo dõi, đánh giá và kiểm soát các Bộ định mức kinh tế kỹ thuật hiện có tại PVFCCo nhằm tối ưu hóa chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm.

RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT:

Trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế toàn cầu có ảnh hưởng mạnh mẽ đến các doanh nghiệp trong nước, một số công ty liên kết PVFCCo có vốn góp trong năm 2014 tiếp tục hoạt động kém hiệu quả nên ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính trong hoạt động đầu tư góp vốn tại PVFCCo.

Trong giai đoạn hoạt động đầu tư góp vốn tại công ty liên kết chưa mang lại kết quả như kỳ vọng, PVFCCo đã triển khai phương án thoái vốn tại các đơn vị có vốn góp không nằm trong lĩnh vực SXKD chính của PVFCCo. Thực tế năm 2014 PVFCCo đã thực hiện thoái vốn toàn bộ tại Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP. Trong năm 2015, PVFCCo tiếp tục lộ trình thoái vốn tại một số đơn vị theo phương án tái cấu trúc của PVFCCo.

RỦI RO VỀ SỰ THAY ĐỔI QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT, ĐẶC BIỆT LÀ THAY ĐỔI CHÍNH SÁCH THUẾ ĐỐI VỚI MẶT HÀNG PHÂN BÓN:

Ngày 26/11/2014, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 đã thông qua

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015 làm ảnh hưởng rất lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, chính sách thuế áp dụng cho mặt hàng phân bón thuế suất từ 5% xuống không áp dụng thuế suất. Việc thay đổi chính

sách thuế làm tăng chi phí đầu vào của sản phẩm và ảnh hưởng đến lợi nhuận của Tổng công ty. Ngoài ra, các dự án đầu tư PVFCCo đang trong giai đoạn đầu triển khai được rà soát lại toàn bộ để xem xét mức độ ảnh hưởng đến tổng mức đầu tư và hiệu quả của từng dự án.

BÊN CẠNH VIỆC QUẢN TRỊ RỦI RO CÓ TRỌNG TÂM CHIẾN LƯỢC, BAN LÃNH ĐẠO PVFCCo CŨNG NGÀY CÀNG CHÚ TRỌNG PHÁT HUY VAI TRÒ VÀ CẢI TIẾN NĂNG LỰC CỦA CHỨC NĂNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ, TẠO CƠ SỞ VỮNG CHẮC ĐỂ “HÀNG PHÒNG VỆ” NÀY PHỤC VỤ TỐT CÔNG TÁC THAM VẤN CHO HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT. TRONG NĂM 2014, BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ ĐÃ THỰC HIỆN 3 ĐỢT KIỂM TOÁN, TRONG ĐÓ:

- Một đợt kiểm toán định kỳ có kết hợp các chuyên gia/chuyên viên nội bộ thuộc các lĩnh vực chuyên môn khác nhau kiểm tra tổng thể các hoạt động sản xuất kinh doanh tại các Chi nhánh và Công ty thành viên của PVFCCo.
- Hai đợt kiểm toán theo chuyên đề dựa trên cơ sở các nhóm rủi ro về (i) công tác Quản lý mua sắm – đấu thầu và (ii) hoạt động Quản lý vốn lưu động tại các Chi nhánh và Công ty thành viên của PVFCCo.
- Ngoài ra, Bộ phận kiểm toán nội bộ đã phối hợp với Công ty TNHH EY Việt Nam triển khai thực hiện thành công dự án tối ưu hóa Quy trình KTNB và đào tạo nâng cao kỹ năng KTNB cho đội KTNB PVFCCo. Không dừng lại nâng cao các kỹ năng về kiểm toán nội bộ, trong năm 2015, bộ phận kiểm toán nội bộ PVFCCo tiếp tục phối hợp với các Tổ chức tư vấn quốc tế triển khai phạm vi công việc hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ: (i) Xây dựng hệ thống báo cáo quản trị; (ii) Hoàn thiện khung quản trị doanh nghiệp, trong đó rà soát danh mục

rủi ro, xây dựng ma trận tuân thủ và tối ưu hóa quy trình tác nghiệp.

- Thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ thường niên, Ban KTNB không ngừng bổ sung, hoàn thiện Danh mục các điểm kiểm soát trọng yếu và đánh giá hiệu quả kiểm soát. Ngoài ra, các kết quả KTNB được đưa vào nội dung các phiên họp thường kỳ của HĐQT để tăng cường công tác quản lý tại Tổng công ty.
- Tư vấn, tham mưu cho HĐQT trong việc hạn chế, ngăn ngừa các rủi ro thông qua việc thẩm tra, thẩm định các báo cáo do Ban điều hành đệ trình thuộc thẩm quyền xử lý và quyết định của HĐQT.

Ngoài công tác quản trị rủi ro có mục tiêu, PVFCCo không ngừng chú trọng nâng cao hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp, cụ thể:

Triển khai tích hợp Quản trị rủi ro vào các quy trình quản trị, đặc biệt chú trọng đến công tác dự báo và lập kế hoạch kinh doanh. Hệ thống quản trị nguồn lực tổng thể của doanh

ng nghiệp không ngừng được cải tiến và nâng cao, trên cơ sở đã triển khai thành công hệ thống ERP giai đoạn 1, năm 2014 PVFCCo đã chính thức triển khai hệ thống ERP giai đoạn 2 với Phân hệ lập kế hoạch và dự báo (Hyperion Planning, Phân hệ quản lý sản xuất (Oracle Processing Manufacturing) và Phân hệ báo cáo thông minh (Business Intelligence), tiến đến tối đa hóa kiểm soát tự động và kiểm soát trực tiếp trên hệ thống.

Từng bước hoàn thiện hệ thống Báo cáo quản trị và hệ thống ERP, áp dụng các chỉ số trọng yếu về rủi ro (KRIs) một cách sâu sắc và toàn diện hơn nhằm giúp Ban lãnh đạo theo dõi và hoàn thành các mục tiêu kinh doanh bộ phận và mục tiêu chung đề ra.

Song hành trên con đường đổi mới để phát triển của doanh nghiệp, Ban lãnh đạo PVFCCo quyết tâm nâng cao hệ thống Quản trị rủi ro trong những năm tiếp theo để góp phần đạt được các mục tiêu tổng thể trong hoạt động SXKD của PVFCCo, đảm bảo lợi ích cho các nhà đầu tư và lợi ích kinh tế xã hội.



“

TRONG NĂM 2014, HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ (IR) CỦA TỔNG CÔNG TY TIẾP TỤC ĐƯỢC CHUYÊN NGHIỆP HÓA VÀ CẢI TIẾN NHẪM ĐÁP ỨNG TỐT HƠN KỖ VỌNG CỦA NHÀ ĐẦU TƯ, ĐƯỢC CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ GHI NHẬN VÀ ĐÁNH GIÁ TÍCH CỰC.
CỤ THỂ:

CHỦ ĐỘNG KẾT NỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐẦU TƯ

Ngoài việc tổ chức thành công ĐHĐCD thường niên, Ban lãnh đạo PVFCCo và Tổ IR thường xuyên trao đổi thông tin với nhà đầu tư trong và ngoài nước bằng nhiều hình thức như tiếp xúc định kỳ, gặp mặt riêng lẻ, trả lời qua email, điện thoại. Bên cạnh đó, PVFCCo cũng tích cực tham gia các sự kiện, diễn đàn dành cho nhà đầu tư trong nước và quốc tế nhằm mở rộng cơ hội giao lưu và hợp tác.



MINH BẠCH VÀ KỊP THỜI TRONG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ngoài việc thường xuyên chủ động tiếp xúc trực tiếp với cổ đông, nhà đầu tư, Tổ IR cũng phối hợp, cộng tác với các báo và tạp chí chuyên ngành đầu tư tài chính để đăng tải kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin về hoạt động của PVFCCo. Đồng thời, PVFCCo cũng tuân thủ chặt chẽ các quy định của Nhà nước về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Tổ IR cũng chủ động theo dõi sát sao những báo cáo phân tích nhận định về cổ phiếu DPM nhằm phản ánh và điều chỉnh kịp thời đối với những thông tin chưa chính xác về Tổng công ty.

CHUYÊN NGHIỆP VÀ SÁNG TẠO TRONG CÔNG TÁC PHÁT HÀNH ẮN PHẨM TRUYỀN THÔNG

Tổ IR của PVFCCo đã phối hợp cùng đơn vị tư vấn chuyên nghiệp thực hiện khảo sát lấy ý kiến đánh giá từ cổ đông và nhà đầu tư về chất lượng ấn phẩm Bản tin Nhà đầu tư nhằm cải tiến cả về nội dung và hình thức, đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu tiếp cận thông tin mang tính chuyên môn cao tới cộng đồng nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Với những nỗ lực và thành tựu đã đạt được, PVFCCo và mã cổ phiếu DPM tiếp tục được cộng đồng nhà đầu tư tin tưởng, nhận được nhiều giải thưởng cao quý như: “Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất” do Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn; “Top 5 Doanh nghiệp có hoạt động IR tốt nhất năm 2014” do Nhà đầu tư bình chọn trực tuyến trên trang tin www.vietstock.vn; Danh hiệu “Doanh nghiệp cổ phần hóa tiêu biểu” do Báo Đầu tư tổ chức và bình chọn; Danh hiệu “Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam” do Tạp chí Nhịp cầu đầu tư bình chọn; Top 10 Doanh nghiệp có Báo cáo thường niên tốt nhất do Sở GD&ĐT TP.HCM, Báo Đầu tư, Quỹ Dragon Capital đồng tổ chức, bình chọn.





TỔNG CÔNG TY

PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ

PH
KPH
ALH
D

SAN
Cho

Chia

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Trong suốt chặng đường phát triển 12 năm qua, triết lý kinh doanh “phát triển doanh nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội” đã được các thể hệ nhân viên PVFCCo gìn giữ và phát triển như một nét đẹp văn hóa của doanh nghiệp. Hằng năm trên nhiều vùng miền của cả nước đã ghi lại dấu ấn các hoạt động thiện nguyện của PVFCCo, điều đó không chỉ thể hiện nghĩa cử cao đẹp mà còn thể hiện trách nhiệm chung tay dựng xây một xã hội ngày càng nhân văn.

- 88 Tổng quan về phát triển bền vững
- 94 Báo cáo an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường
- 104 Báo cáo trách nhiệm xã hội

GẦN **90** TỶ ĐỒNG
PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG
AN SINH XÃ HỘI

Giảm thiểu lượng CO₂
phát thải vào không khí

-240
TẤN CO₂/NGÀY

33 TỶ ĐỒNG
ĐÓNG GÓP CHO CÁC
HOẠT ĐỘNG VĨ BIẾN ĐẢO
QUÊ HƯƠNG

7.827
LƯỢT CBCNV
Được đào tạo
với 364 khóa
đào tạo



Trách nhiệm
SẼ CHIA

☞ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG LÀ MỘT HÌNH THÁI PHÁT TRIỂN TRONG ĐÓ NGUỒN LỰC ĐƯỢC CON NGƯỜI KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG NHẪM PHỤC VỤ NHU CẦU CỦA NHÂN LOẠI SONG SONG VỚI VIỆC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, NHỜ ĐÓ NHỮNG NHU CẦU NÀY KHÔNG CHỈ ĐƯỢC ĐÁP ỨNG Ở HIỆN TẠI MÀ CÒN TRONG TƯƠNG LAI. ☞

Theo định nghĩa của Ủy ban Brundtland của Liên hợp quốc ngày 20 tháng 3 năm 1987.

Phát triển bền vững hướng đến sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa ba mặt của sự phát triển: phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Trong hai thập kỷ qua, trên bình diện quốc tế, vấn đề phát triển bền vững ngày càng được đặc biệt quan tâm, trở thành yêu cầu phát triển của toàn cầu. Phát triển bền vững là xu thế chung mà toàn nhân loại đang nỗ lực hướng tới. Đó cũng là mục tiêu chiến lược quan trọng, là chủ trương đường lối, chính sách, quan điểm mà Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam quyết tâm thực hiện.

Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (PVFCCo) là một doanh

nh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực phân bón và hóa chất, gắn liền với nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam (khu vực chiếm đến gần 70% dân số cả nước). Trong chiến lược phát triển của mình, PVFCCo đặt mục tiêu phát triển bền vững là quan điểm, nguyên tắc và giá trị cốt lõi của doanh nghiệp. Trong chặng đường phát triển hơn 10 năm qua, triết lý kinh doanh “phát triển doanh nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội” đã được các thể hệ CBCNV PVFCCo gìn giữ và phát triển như một tài sản, một nét đẹp văn hóa của doanh nghiệp. Tổng công ty luôn đảm bảo cân bằng và tối ưu việc thực hiện

đồng thời các mục tiêu: (1) Phát triển có hiệu quả về kinh tế; (2) Phát triển hài hòa các mặt xã hội; nâng cao mức sống, nhận thức của các tầng lớp dân cư và (3) Cải thiện môi trường sống, bảo đảm phát triển lâu dài vững chắc cho thế hệ hôm nay và mai sau.

Xuất phát từ mục tiêu trên, Tổng công ty đã, đang và sẽ tiếp tục triển khai các hành động để đạt được mục tiêu phát triển bền vững, góp phần chung tay cùng xã hội thực hiện thành công định hướng chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung. Những nguyên tắc và hoạt động cụ thể trong thời gian qua Tổng công ty đã triển khai là:

ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN



7.827
LƯỢT CBCNV
ĐƯỢC ĐÀO TẠO VỚI 364 KHÓA

Xây dựng văn hóa PVFCCo “Chuyên nghiệp - Hiệu quả; Năng động - Sáng tạo; Khát vọng - Vươn xa; và Trách nhiệm - Sẻ chia” thông qua việc tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, xây dựng chính sách nhân viên phù hợp, đồng thời cũng là nơi mà nhân viên được xã hội tôn trọng thông qua đào tạo và đổi mới. Cụ thể, những nội dung PVFCCo đã, đang triển khai và kết quả đạt được:

- Đầu tư hệ thống nhà xưởng sản xuất, văn phòng làm việc được thiết kế hợp lý, thông thoáng, đảm bảo đủ ánh sáng và không khí, giúp hạn chế tối đa năng lượng dùng cho chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ mà vẫn đảm bảo tốt điều kiện làm việc cho người lao động.
- Năm 2014, Tổng công ty triển khai quyết liệt dự án xây dựng KPI và cải tiến chính sách tiền lương, xây dựng bộ từ điển năng lực, khung năng lực để đưa vào áp dụng nhằm tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng. Bên cạnh đó, Tổng công ty luôn cải tiến hệ thống chính sách nhân viên nhằm đáp ứng một cách tốt nhất điều kiện làm việc, chế độ chính sách và cơ hội thăng tiến cho người lao động.
- Trong năm 2014, PVFCCo đã xây dựng kế hoạch thực hiện và chủ động triển khai công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho Công ty mẹ, đạt được kết quả như sau: Thực hiện được 364 khóa đào tạo cho 7.827 lượt CBCNV với kinh phí 14,5 tỷ đồng. Công tác đào tạo năm 2014 của PVFCCo đã đạt kế hoạch đề ra, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của Tổng công ty, cũng như đáp ứng nhu cầu và chiến lược đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của PVFCCo.

“

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG HƯỚNG ĐẾN SỰ KẾT HỢP CHẶT CHẼ, HỢP LÝ, HÀI HÒA GIỮA BA MẶT CỦA SỰ PHÁT TRIỂN: PHÁT TRIỂN KINH TẾ, PHÁT TRIỂN XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG. TRONG HAI THẬP KỶ QUA, TRÊN BÌNH DIỆN QUỐC TẾ, VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGÀY Càng ĐƯỢC ĐẶC BIỆT QUAN TÂM, TRỞ THÀNH YÊU CẦU PHÁT TRIỂN CỦA TOÀN CẦU. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG LÀ XU THẾ CHUNG MÀ TOÀN NHÂN LOẠI ĐANG NỖ LỰC HƯỚNG TỚI.



ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG



Cung cấp sản phẩm đảm bảo chất lượng, giải pháp sử dụng hiệu quả và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. Cụ thể, những nội dung PVFCCo đã, đang triển khai và kết quả đạt được:

- Chất lượng sản phẩm tốt là yếu tố luôn được PVFCCo đặt lên hàng đầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Các sản phẩm phân bón Phú Mỹ và các sản phẩm phân bón, hóa chất tự doanh khác mà Tổng công ty cung cấp cho khách hàng luôn đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn đăng ký.
- Nhằm giúp nhà nông sử dụng ít phân bón hơn nhưng vẫn tăng năng suất cây trồng, PVFCCo đã cùng với chính quyền địa phương và các nhà khoa học thường xuyên tổ chức hàng trăm cuộc hội thảo, hướng dẫn kỹ thuật canh tác, tổ chức các vườn thực nghiệm, thửa ruộng mẫu.
- PVFCCo tiếp tục duy trì có hiệu quả hệ thống kho cảng, logistic trên cả nước nhằm cung cấp sản phẩm đến tay bà con nông dân đảm bảo chất lượng, kịp thời và giá cả hợp lý.



TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

ĐỐI VỚI CỔ ĐỒNG



16,5

TỶ ĐỒNG
GIÁ TRỊ LÀM LỢI
TỪ SÁNG KIẾN CẢI TIẾN
NĂM 2014

Tổng công ty luôn phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tối đa hóa giá trị doanh nghiệp. Cụ thể, những nội dung PVFCCo đã, đang triển khai và kết quả đạt được:

- Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã lãnh đạo, chỉ đạo CBCNV trong toàn Tổng công ty thực hiện và hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch SXKD, đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận đạt 1.285 tỷ đồng, về đích trước 3 tháng và vượt 22% kế hoạch.
- Nhằm quản lý, phân bổ và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực, Tổng công ty triển khai áp dụng công nghệ thông tin, phần mềm hỗ trợ, chương trình quản lý tiên tiến trong hoạt động quản lý và điều hành doanh nghiệp, như quản lý hệ thống văn bản điện tử, xây dựng và áp dụng phần mềm hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - ERP, STOP, 5S, APC, System 1, RBI, KPI, ...
- Hoạt động sáng kiến cải tiến và hợp lý hóa sản xuất kinh doanh luôn được Ban lãnh đạo Tổng công ty quan tâm và chỉ đạo sát sao. Trong năm 2014, có 126 sáng kiến cải tiến được công nhận ở cấp cơ sở và 02 sáng kiến được công nhận cấp Tập đoàn. Các sáng kiến cải tiến năm 2014 đã làm lợi cho Tổng công ty số tiền có thể lượng hóa là 16,5 tỷ đồng và các giá trị làm lợi khác.
- Triển khai chương trình hành động thực hành tiết kiệm chống lãng phí, tham ô tham nhũng. Trong năm 2014, Tổng công ty đã tiết kiệm được 84 tỷ đồng (đạt 323% kế hoạch).

Trong năm 2014, bên cạnh các cuộc họp tiếp xúc cổ đông, nhà đầu tư theo quy định của pháp luật, bộ phận IR của Tổng công ty đã thực hiện hơn 60 cuộc gặp và tiếp xúc các cổ đông, nhà đầu tư. Hoạt động IR của Tổng công ty được Vietstock khảo sát và tôn vinh trong Top 5 Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động IR tốt nhất 2014 (đứng thứ 2).

ĐỐI VỚI CHÍNH PHỦ



Tổng công ty luôn đảm bảo hoạt động kinh doanh lành mạnh và tuân thủ pháp luật. Cụ thể, những nội dung PVFCCo đã, đang triển khai và kết quả đạt được:

Tổng giá trị nộp ngân sách nhà nước năm 2014 là:

308

TỶ ĐỒNG
ĐẠT 92% KẾ HOẠCH NĂM

ĐỐI VỚI ĐỐI TÁC KINH DOANH



Trong quan hệ với các đối tác kinh doanh, Tổng công ty luôn giữ nguyên tắc: Cạnh tranh lành mạnh, hợp tác cùng có lợi và đảm bảo hài hòa lợi ích cho khách hàng. Cụ thể, những nội dung PVFCCo đã, đang triển khai và kết quả đạt được:

Song song với việc đảm bảo hoạt động an toàn, ổn định, hiệu quả và tiết kiệm của Nhà máy đạm Phú Mỹ, PVFCCo đã cung cấp đội ngũ chuyên gia, công nhân lành nghề hỗ trợ cho công tác triển khai các dự án đạm Cà Mau, đạm Ninh Bình, Nhà máy Lọc dầu Dung Quất - những dự án quan trọng của đất nước.



ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI



Bên cạnh việc phát triển hiệu quả, bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, Tổng công ty luôn quan tâm và thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình đối với CBCNV và đối với xã hội. Năm 2014, Tổng công ty thực hiện giải ngân hoạt động an sinh xã hội với tổng kinh phí gần 90 tỷ đồng.

90 TỶ ĐỒNG
GIẢI NGÂN CHO HOẠT ĐỘNG
AN SINH XÃ HỘI

ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC VẤN ĐỀ TOÀN CẦU



Tổng công ty luôn cam kết bảo vệ môi trường đồng thời tích cực hưởng ứng và tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu (giảm phát thải khí nhà kính, biến đổi khí hậu, nước biển dâng,...). Cụ thể, những nội dung PVFCCo đã, đang triển khai và kết quả đạt được:

- PVFCCo chỉ sử dụng công nghệ tiên tiến bậc nhất trong việc sản xuất các sản phẩm, nhằm sử dụng hiệu quả nhất các nguyên liệu đầu vào, đặc biệt là khí tự nhiên, đồng thời hạn chế tối đa lượng khí CO₂ thải ra bên ngoài.
- Xây dựng, ban hành và tuân thủ các quy chế, quy trình, quy định trong hoạt động SXKD. Áp dụng và duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý Chất lượng - An toàn sức khỏe - Môi trường – Năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008, OHSAS 18001-2007, ISO 14001-2004 và ISO 50001-2011.

Tổng công ty tin tưởng rằng, phát triển bền vững sẽ đạt hiệu quả tốt nhất khi nó được xem là phương châm hành động của doanh nghiệp, đồng thời phải gắn liền với kế hoạch và quyết định kinh doanh của doanh nghiệp. Với quan điểm và phương châm hành động này, Tổng công ty tin tưởng sẽ vượt qua khó khăn thách thức trong kỷ nguyên mới, gìn giữ môi trường và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.



The infographic is a stylized tree structure with three main branches, each representing a core concept: AN TOÀN (Safety), SỨC KHỎE (Health), and MÔI TRƯỜNG (Environment). The branches are colored orange, green, and green respectively. The central trunk is orange and features a white hard hat icon. The branches are interconnected by a network of green and orange lines, with various icons representing different aspects of each concept. The background is white.

- AN TOÀN (Safety):** Represented by an orange circle with a white hard hat icon. It is connected to a green circle with a white recycling symbol and a green circle with a white bio symbol. The branch also features a green circle with a white bio symbol, a green circle with a white recycling symbol, and a green circle with a white bio symbol.
- SỨC KHỎE (Health):** Represented by a green circle with a white leaf icon. It is connected to a green circle with a white bio symbol, a green circle with a white recycling symbol, and a green circle with a white bio symbol. The branch also features a green circle with a white bio symbol, a green circle with a white recycling symbol, and a green circle with a white bio symbol.
- MÔI TRƯỜNG (Environment):** Represented by a green circle with a white leaf icon. It is connected to a green circle with a white bio symbol, a green circle with a white recycling symbol, and a green circle with a white bio symbol. The branch also features a green circle with a white bio symbol, a green circle with a white recycling symbol, and a green circle with a white bio symbol.

AN TOÀN - SỨC KHỎE
— MÔI TRƯỜNG —

“LÀ ĐƠN VỊ CHUYÊN VỀ SẢN XUẤT, KINH DOANH PHÂN BÓN VÀ CÁC LOẠI HÓA CHẤT TIỀM ẨN NGUY CƠ CHÁY NỔ, DO ĐÓ, CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AN NINH – AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG LÀ NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG ĐƯỢC ƯU TIÊN HÀNG ĐẦU CỦA PVFCCo NHẪM ĐẢM BẢO HIỆU QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH, THỰC HIỆN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.

TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TÁC AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG (AT-SK-MT)

Với yêu cầu và tính chất quan trọng của công tác đảm bảo AT-SK-MT, bộ máy quản lý công tác AT-SK-MT đã được kiện toàn và tổ chức hoạt động đồng bộ, nhịp nhàng, chặt chẽ từ Tổng công ty đến Nhà máy đạm Phú Mỹ và các công ty thành viên, từ các cấp lãnh đạo cao nhất đến chuyên viên chuyên trách/bán chuyên trách.



DUY TRÌ VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG – AN TOÀN, SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG

Trong tháng 10/2014, Tổ chức Chứng nhận DNV đã đánh giá tái chứng nhận hệ thống quản lý tích hợp Chất lượng - An toàn Sức khỏe – Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, OHSAS 18001:2007 và ISO 14001:2004 cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và Nhà máy đạm Phú Mỹ. Dựa vào kết quả các cuộc đánh giá hàng năm, DNV đánh giá cao Ban lãnh đạo Tổng công ty đã thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc duy trì và cải tiến hệ thống quản lý qua việc thiết lập và xem xét kết quả thực hiện mục tiêu ở tất cả các cấp, triển khai các dự án nâng cao chất lượng sản phẩm, dự án xem xét rà soát các văn bản pháp quy. Đây cũng là thông điệp của PVFCCo về mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và sự quan tâm đến công tác đảm bảo an toàn, sức khỏe cho người lao động, trách nhiệm đối với cộng đồng về công tác bảo vệ môi trường cũng như việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh...

Ngoài ra, việc duy trì áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001 tại tất cả các công ty thành viên với mục tiêu hướng vào khách hàng nhằm đảm bảo thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của PVFCCo. Không dừng lại ở đó, trong năm 2014, Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ và Xưởng pha trộn Hóa chất Đông Nam Bộ đã vinh dự được chứng nhận hệ thống an toàn và sức khỏe đạt tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007.



**ĐẢM BẢO AN TOÀN, PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY
VÀ ỨNG CỨU KHẨN CẤP**



PVFCCo NHẬN THỨC ĐƯỢC RẰNG AN TOÀN LÀ VẤN ĐỀ SỐNG CÒN CỦA TỔNG CÔNG TY NÊN TRONG SUỐT HƠN 10 NĂM HOẠT ĐỘNG, PVFCCo LUÔN CHÚ TRỌNG TRANG BỊ ĐẦY ĐỦ CƠ SỞ VẬT CHẤT, TIỆN NGHI PHỤC VỤ CHO QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC CỦA CBCNV TẠI TẤT CẢ CÁC ĐỊA ĐIỂM HOẠT ĐỘNG, TỪ TRỤ SỞ CHÍNH ĐẾN CÁC NHÀ MÁY SẢN XUẤT, CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN VÀ CÁC CHI NHÁNH.

PVFCCo đã thực hiện nhiều giải pháp khả thi trong công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy như sau:

- » Trong năm 2014, PVFCCo đã đánh giá hiệu quả của hệ thống 06 ống trượt thoát hiểm hiện đại tại Tòa nhà PVFCCo để làm cơ sở xem xét khả năng tiếp tục trang bị hệ thống ống trượt thoát hiểm cho Tòa nhà 27 Đinh Bộ Lĩnh và Chung cư Nhà máy đạm Phú Mỹ trong năm 2015. Là một trong những đơn vị tiên phong trong ngành dầu khí trang bị hệ thống ống trượt tiên tiến bậc nhất hiện nay, chúng tôi PVFCCo rất xem trọng công tác cứu nạn thoát hiểm và quan tâm cao đến sự an toàn cho người lao động làm việc trong các tòa nhà cao tầng.
- Cấp phát đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân cho 100% CBCNV của Tổng công ty làm việc tại Nhà máy đạm Phú Mỹ, các kho, cảng và công trường xây dựng.
- Thường xuyên kiểm kê và đánh giá các trang thiết bị, phương tiện cứu hộ cứu nạn của đơn vị nhằm đáp ứng sự đầy đủ và tính khả dụng trong an toàn lao động.
- Trong mùa mưa bão, đặc biệt là trong các cơn bão lớn vào cuối năm 2014, Ban Chỉ đạo ứng cứu tình huống khẩn cấp Tổng công ty đều theo dõi sát sao tình hình diễn biến của thời tiết để đưa ra những cảnh báo cho các đơn vị kịp thời phòng ngừa, đảm bảo an toàn cho con người và giảm thiệt hại về tài sản.
- Các hoạt động tập huấn, đào tạo được tổ chức hàng năm nhằm trang bị đầy đủ kiến thức về an toàn lao động cho nhân viên, giúp nhân viên tăng cường nghiệp vụ và ý thức về công tác an toàn:
- Huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho 100% thành viên đội PCCC cơ sở theo đúng yêu cầu luật định.

» Thực hiện tốt công tác diễn tập PCCC và Hội thao PCCC tại các nhà máy, tòa nhà văn phòng và các công trình, kho cảng của Tổng công ty.

- Tập huấn về an toàn lao động: 100% người sử dụng lao động của TCT và 100% người lao động làm việc tại nhà máy, công trình và các kho cảng.
- Trong năm 2014, PVFCCo đã tổ chức đào tạo và huấn luyện an toàn cho 3.432 lượt cán bộ công nhân viên mới, khách tham quan và nhà thầu nhằm mục tiêu ngăn ngừa triệt để mọi sự cố, tai nạn lao động có thể xảy ra.
- Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả của chương trình STOP trong việc ngăn ngừa tai nạn sự cố tại Nhà máy đạm Phú Mỹ. Đồng thời để động viên cho những tập thể và cá nhân có thành tích tốt trong công tác ghi thẻ STOP, hàng tháng đại diện Công đoàn nhà máy đã đến trực tiếp trao quà tại nơi làm việc cho các tập thể và cá nhân.

Được sự quan tâm và tham gia nhiệt tình của tất cả các CBCNV, trong năm 2014, PVFCCo đã tiếp tục mở rộng chương trình 5S tại Kho Hải Phòng của PVFCCo miền Bắc và duy trì thực hiện 5S tại Nhà máy đạm Phú Mỹ, Công ty Bao bì ĐPM và PVFCCo -Tây Nam Bộ áp dụng cho Kho Trà Nóc để đảm bảo việc lưu giữ hàng hóa của TCT tại các kho được đảm bảo an toàn, chất lượng.

Việc thống kê, báo cáo và điều tra tai nạn sự cố được PVFCCo thực hiện đầy đủ theo yêu cầu luật định. Kết quả là trong năm 2014, PVFCCo không để xảy ra tai nạn lao động chết người nào và số sự cố dừng máy giảm đi 80% so với năm 2013.



PVFCCo ĐÃ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO
VÀ HUẤN LUYỆN AN TOÀN CHO

3.432

LƯỢT CÁN BỘ CÔNG NHÂN
VIÊN MỚI, KHÁCH THAM QUAN
VÀ NHÀ THẦU



Hình ảnh diễn tập PCCC





**HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG
VÀ NGĂN NGỪA BỆNH NGHỀ NGHIỆP**

“ ĐỐI VỚI PVFCCo, HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH BỀN VỮNG LUÔN GẮN LIỀN VỚI HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC SỨC KHỎE CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG. BỞI VÌ, PVFCCo THẤU HIỂU NGƯỜI LAO ĐỘNG CHÍNH LÀ NHÂN TỐ ĐÓNG VAI TRÒ NỀN TẢNG CHO THÀNH CÔNG LÂU DÀI CỦA CHÚNG TÔI.



Nhằm đảm bảo sức khỏe và ngăn ngừa bệnh nghề nghiệp cho người lao động theo đúng tinh thần của OHSAS 18001:2007, PVFCCo tiếp tục duy trì thực hiện các hoạt động sau:

- Trang bị phòng y tế và tủ thuốc sơ cấp cứu tại tất cả các đơn vị của Tổng công ty.
- Tích hợp khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV bằng thẻ khám chữa bệnh PVI Care tại các bệnh viện uy tín cho 100% CBCNV của Tổng công ty theo đúng cam kết của thỏa ước lao động theo chế độ: Nam 01 lần/năm và Nữ 02 lần/năm.
- Tổ chức khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, khám sức khỏe cho người lao động làm việc trong môi trường lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Thực hiện công tác giám định y khoa và bảo hiểm xã hội cho người lao động bị bệnh nghề nghiệp.
- Mở rộng chương trình tiêm ngừa Viêm gan siêu vi B, tiêm ngừa bệnh Cúm, bệnh Thủy đậu, Quai bị, Sởi, Rubella cho CBCNV của Tổng công ty.
- Thực hiện giám sát môi trường lao động và công tác bảo hộ lao động hiệu quả, nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động và ngăn ngừa bệnh nghề nghiệp.
- Tổ chức và cung cấp các bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm bằng cách kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc thực phẩm sử dụng bắt buộc phải có xuất xứ rõ ràng và được cung cấp từ những đơn vị có uy tín.

Ngoài ra, nhằm giúp cho CBCNV có được sự đảm bảo về tài chính trong trường hợp phải khám chữa bệnh và nằm viện, PVFCCo đã áp dụng chính sách mua bảo hiểm PVI Care cho CBCNV và người thân để phòng rủi ro cho người lao động yên tâm công tác.

CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ KIỂM SOÁT CHẤT THẢI

Trong quản lý môi trường, cùng với việc đảm bảo hoạt động ổn định liên tục của các hệ thống xử lý nước thải, khí thải và chất thải rắn; công tác bố trí nhân sự và đào tạo, huấn luyện định kỳ cho đội ngũ cán bộ phụ trách môi trường cũng được PVFCCo đặc biệt quan tâm. Thực tế cho thấy kết quả giám sát chất lượng môi trường của các nhà máy, tòa nhà văn phòng và các công trình, kho cảng từ lúc hoạt động đến nay đều đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường.



Thông kê đánh giá, tình hình quản lý chất thải tại các đơn vị của Tổng công ty trong năm 2014 như sau:

STT	LOẠI CHẤT THẢI	ĐVT	SỐ LƯỢNG	HỆ THỐNG XỬ LÝ
1	Nước thải sản xuất	m ³ /năm	98.874	Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 680 m ³ /ngày
2	Nước thải sinh hoạt	m ³ /năm	214.069	
3	Nước làm mát	m ³ /năm	19.265.989	
4	Nước tuần hoàn tái sử dụng	m ³ /năm	508	Nước thải nhiễm Amoniac được đưa về xưởng urê để tuần hoàn tái sử dụng
5	Khí thải	Nm ³ /h	5.950.355.320	- Hệ thống đốt được - Hệ thống ống khói cao phát tán
6	Chất thải rắn sinh hoạt	Kg/năm	531.363	Hợp đồng với đơn vị chức năng để đưa đi xử lý theo đúng quy định
7	Chất thải rắn công nghiệp	Kg/năm	196.978	
8	Chất thải nguy hại	Kg/năm	55.738	

“ NHẬN THỨC ĐƯỢC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG LÀ VẤN ĐỀ CỦA TOÀN XÃ HỘI, VỚI MỤC TIÊU KIỂM SOÁT VÀ GIẢM THIỂU CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH, TẠO TIỀN ĐỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, THÁNG 9 NĂM 2010, PVFCCo ĐÃ ĐƯA VÀO VẬN HÀNH HỆ THỐNG THU HỒI CO₂ TỪ KHÓI THẢI NHÀ MÁY ĐẠM PHÚ MỸ VỚI VỐN ĐẦU TƯ HƠN 505 TỶ ĐỒNG; GÓP PHẦN GIẢM THIỂU LƯỢNG CO₂ PHÁT THẢI VÀO KHÔNG KHÍ KHOẢNG

Thêm vào đó, tháng 12/2012, Nhà máy đạm Phú Mỹ đã đưa vào vận hành chính thức hệ thống xử lý nước thải tập trung sử dụng công nghệ màng sinh học MBR hiện đại với công suất 680 m³/ngày.

CO₂ 240 TẤN /NGÀY.



BÁO CÁO

AN TOÀN, SỨC KHỎE VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (tiếp theo)

Một điểm sáng trong công tác quản lý môi trường năm 2014 tại PVFCCo là đã tiết kiệm được gần 1,4 tỷ đồng, cụ thể:

STT	NỘI DUNG THỰC HIỆN TIẾT KIỂM TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG	CHI PHÍ XỬ LÝ CHẤT THẢI (ĐVT: VNĐ)		SỐ TIỀN TIẾT KIỂM ĐƯỢC (ĐVT: VNĐ)
		Năm 2014 (áp dụng cải tiến)	Năm 2013	
1	Giảm chi phí xử lý một số mã chất thải nguy hại	259.575.400	863.134.800	836.045.800
1.1	Rà soát, phân loại lại một số mã chất thải nguy hại thường xuyên phân loại không đúng tại kho chứa của nhà máy dưới sự hỗ trợ của công nhân Trung Hiếu trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.	80.632.200	348.480.000	267.847.800
1.2	Thực hiện thu hồi giá trị sau xử lý của chất thải nguy hại có khả năng tận thu, tái chế.	116.243.200	138.454.800	254.698.000
1.3	Xác định đúng bản chất nguy hại của chất thải bằng cách gửi mẫu của 57 tấn xúc tác thải cho bên thứ ba phân tích đối chứng.	62.700.000	376.200.000	313.500.000
2	Phân tích đối chứng giảm chi phí xử lý nước thải	99.441.000	161.505.000	62.064.000
3	Được cơ quan chức năng chấp thuận không phải thực hiện Báo cáo ĐTM cho Kho Tiền Giang	-	-	500.000.000

Có thể nói công tác bảo vệ môi trường đã được PVFCCo thực hiện tốt nên trong năm 2014 không để xảy ra bất kỳ sự cố nào về môi trường và không có ghi nhận vi phạm pháp luật trong các đợt thanh kiểm tra của cơ quan chức năng các cấp. Những vấn đề tồn tại trong công tác quản lý môi trường đều có biện pháp xử lý khắc phục.



XÂY DỰNG VĂN HÓA AN TOÀN, SỨC KHỎE, MÔI TRƯỜNG

“CÙNG VỚI VIỆC SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ SẢN XUẤT HIỆN ĐẠI CÓ CHỈ SỐ PHÁT THẢI THẤP VÀ ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ISO 14001:2004, CHƯƠNG TRÌNH STOP VÀ CHƯƠNG TRÌNH 5S; PVFCCo CÒN QUAN TÂM ĐẾN VIỆC TUYÊN TRUYỀN NÂNG CAO Ý THỨC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHO CBCNV THÔNG QUA VIỆC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG THIẾT THỰC NHƯ:



Hưởng ứng Tuần lễ quốc gia về an toàn – vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ, Giờ Trái đất, Ngày Môi trường thế giới 5/6, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn, Ngày toàn dân phòng cháy chữa cháy,... PVFCCo đã phát động treo băng rôn, áp phích, trồng cây, vệ sinh nhà xưởng, sáng tạo những sản phẩm hữu ích được tái chế từ rác thải, triển khai Chiến dịch xanh tại Khối Văn phòng Tổng công ty, phát động Tuần lễ không sử dụng túi nylon,...

Bắt đầu từ tháng 4/2013, TCT đã tổ chức họp giao ban an toàn hàng tháng để kịp thời chỉ đạo các đơn vị cũng như tăng cường sự phối hợp

chặt chẽ giữa các đơn vị trong Tổng công ty về công tác đảm bảo an toàn, an ninh, chăm sóc sức khỏe người lao động, bảo vệ môi trường và quản lý chất lượng sản phẩm.

Thực hiện thông tin an toàn định kỳ hàng tuần đến toàn thể CBCNV thông qua hệ thống email nội bộ để cảnh báo và đưa ra bài học kinh nghiệm từ các sự cố cháy nổ và tai nạn lao động tại Việt Nam và trên thế giới.

Tại văn phòng TCT đã tổ chức cuộc thi Bàn làm việc xanh – sạch – đẹp thu hút được sự tham gia của đông đảo CBCNV, từ đó góp phần nâng cao nhận thức về AT - SK - MT cũng như

văn hóa an toàn từ những điều nhỏ nhặt nhất.

Duy trì việc tổ chức Hội nghị AT - SK - MT định kỳ hàng năm để tổng kết lại những mặt đạt được và những điểm còn tồn tại để có biện pháp khắc phục, đề ra phương hướng thực hiện trong năm tiếp theo. Đồng thời, đây cũng là cơ hội giao lưu và trao đổi kinh nghiệm giữa các đơn vị và các cán bộ phụ trách công tác an toàn trong toàn TCT.

Áp dụng quy chế khen thưởng An toàn - Môi trường hàng quý nhằm khích lệ CBCNV tham gia tích cực vào công tác an toàn và bảo vệ môi trường.



Bảng tiêu chí đo lường việc sử dụng nước của PVFCCo:

TIÊU CHÍ ĐO LƯỜNG	NĂM		
	2012	2013	2014
Tổng khối lượng nước sử dụng theo từng nguồn (m³/năm):			
• Nước mặt	17.849.024	18.677.136	15.236.067
• Nước máy	170.728	171.309	170.480
Nước tuần hoàn tái sử dụng trong công nghệ và tưới cây tại nhà máy (m³/năm)	400	502	508

SỬ DỤNG HIỆU QUẢ NĂNG LƯỢNG

Là một trong những đơn vị sản xuất phân bón hàng đầu Việt Nam, PVFCCo không dừng lại ở việc tạo ra sản phẩm xanh mà còn tiên phong trong nghiên cứu và ứng dụng việc sử dụng năng lượng hiệu quả nhất để cho ra đời những công trình xây dựng bền vững. Vì thế, ngày 21/02/2013, PVFCCo đã ban hành quy chế quản lý năng lượng nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thông qua cam kết cải tiến liên tục trong việc áp dụng các

biện pháp quản lý và kỹ thuật về năng lượng. Để làm được điều đó, trong năm 2014, PVFCCo đã đào tạo 30% cán bộ quản lý trong toàn TCT về quản lý và sử dụng năng lượng tiết kiệm – hiệu quả theo tiêu chuẩn ISO 50001:2011 và tổ chức cho đoàn công tác của PVFCCo đến Nhật Bản để tham quan học hỏi và trao đổi kinh nghiệm thực tế về mô hình thực hiện của Trung tâm quản lý năng lượng ECCJ và Nhà máy Lọc dầu Chiba.

Bảng tiêu chí đo lường định mức sử dụng năng lượng của PVFCCo trong năm 2012, 2013 và 2014:

STT	TIÊU CHÍ ĐO LƯỜNG	NĂM		
		2012	2013	2014
1	Điện (MWh/năm)	49.944.592	57.845.854	65.994.164
2	Dầu (l/năm)	283.530	290.748	311.236
3	Xăng (l/năm)	39.979	33.881	28.059

Dựa vào kết quả theo dõi mức sử dụng năng lượng trong 03 năm 2012, 2013 và 2014, PVFCCo đã đặt ra các mục tiêu tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và kinh doanh trong từng giai đoạn như sau:

- Đối với Tổng công ty: Phấn đấu trong giai đoạn từ 2013 - 2018 thực hiện cải tiến liên tục để tiết kiệm từ 1 - 3% nhiên liệu tiêu thụ tại PVFCCo.
- Đối với Nhà máy Đạm Phú Mỹ: Phấn đấu trong giai đoạn từ 2014 - 2019 thực hiện cải tiến liên tục để tiết kiệm từ 0,5 - 1% tổng nhiên liệu để sản xuất 1 tấn urê so với mức 0,2537 TOE/T-urê của năm 2013.
- Đối với Công ty Bao bì Đạm Phú Mỹ: Phấn đấu trong giai đoạn từ 2013 - 2018 thực hiện cải tiến liên tục để tiết kiệm 1,5%KWh/đơn vị SP.
- Đối với PVFCCo-SBD: Cam kết sẽ áp dụng chương trình tiết kiệm năng lượng trong quá trình kinh doanh và quản lý các dịch vụ văn phòng, kho cảng hiện có.

Để thực hiện các mục tiêu nêu trên, PVFCCo đã đề ra chương trình hành động cụ thể cho công tác quản lý tiết kiệm năng lượng của Tổng công ty như sau:

- Tìm kiếm cơ hội tiết kiệm năng lượng trong các dây chuyền sản xuất hiện hữu của các nhà máy.
- Áp dụng công nghệ tiên tiến – đưa yêu cầu các thiết bị tiết kiệm năng lượng làm tiêu chí lựa chọn nhà thầu vào các dự án mới của TCT.
- Nâng cao ý thức tự giác của tất cả CBCNV TCT trong việc sử dụng năng lượng một cách hiệu quả thông qua các hình thức tuyên truyền.
- Xây dựng ISO 50001:2011.
- Đào tạo 100% cán bộ quản lý trong toàn TCT về quản lý và sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo tiêu chuẩn ISO 50001:2011.

CÓ THỂ NHẬN ĐỊNH RẰNG THÀNH TÍCH NỔI BẬT TRONG CÔNG TÁC AT-SK-MT CỦA PVFCCo THỜI GIAN QUA LÀ: VẬN HÀNH AN TOÀN VÀ HIỆU QUẢ NHÀ MÁY ĐẠM PHÚ MỸ, KHÔNG ĐỂ XẢY RA CÁC TAI NẠN, SỰ CỐ GÂY ẢNH HƯỞNG ĐẾN CON NGƯỜI, TÀI SẢN VÀ MÔI TRƯỜNG, NHẬN THỨC VỀ CÔNG TÁC AT-SK-MT TĂNG CAO VÀ TRỞ THÀNH Ý THỨC THÔNG SUỐT TRONG TOÀN ĐỘI NGŨ CBCNV. CHÍNH NHỮNG NỖ LỰC KHÔNG NGỪNG CỦA BAN LÃNH ĐẠO VÀ TẬP THỂ CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN TỔNG CÔNG TY TRONG CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AT-SK-MT ĐÃ GÓP PHẦN TO LỚN KHẮNG ĐỊNH THƯƠNG HIỆU VÀ HÌNH ẢNH CỦA PVFCCo VÌ MỘT TƯƠNG LAI AN TOÀN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.



**PVFCCo:
TIẾP TỤC LÀ DOANH NGHIỆP DẪN ĐẦU
TRONG HOẠT ĐỘNG TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI
ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG**

“ TRONG NĂM 2014, PVFCCo TIẾP TỤC DÀNH NGUỒN LỰC TƯƠNG XỨNG CHO NHIỀU DỰ ÁN AN SINH XÃ HỘI Ý NGHĨA VỚI TỔNG GIÁ TRỊ GIẢI NGÂN GẦN 90 TỶ ĐỒNG, TRONG ĐÓ GẦN 58 TỶ ĐỒNG DÀNH CHO LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ GẦN 33 TỶ ĐỒNG CHO CÁC HOẠT ĐỘNG VỀ BIỂN ĐẢO, GÓP PHẦN TIẾP TỤC KHẮNG ĐỊNH MỘT THƯƠNG HIỆU PHÂN BÓN PHÚ MỸ NHÂN VĂN VÀ GẮN GỬI VỚI NGƯỜI NÔNG DÂN. ”

Các dự án ASXH tiếp tục tập trung vào 04 lĩnh vực chính là Y tế; Giáo dục; Nhà Đại đoàn kết; Cứu trợ nhân đạo. Đây là các chương trình tài trợ gắn kết chặt chẽ với nhu cầu của từng địa phương, vùng miền và được phối hợp chặt chẽ với các Hiệp hội, Mặt trận Tổ quốc TW và địa phương.

LĨNH VỰC GIÁO DỤC

Đây là lĩnh vực trọng điểm với tổng giá trị tài trợ trong năm 2014 lên tới gần 58 tỷ đồng. Nhiều trường học, nhà nội trú, lớp học tiếp tục được PVFCCo xây dựng tại các vùng sâu, vùng xa, gặp nhiều khó khăn trong cả nước, tạo điều kiện cho các em học sinh đến trường. Dự án xây trường học tiêu biểu được khánh thành trong năm có thể kể đến là Trường tiểu học Chất Thường (Ninh Thuận) và Trường tiểu học Khánh Phú (Khánh Hòa). Đây là các trường học được xây dựng tại các khu vực thường xuyên xảy ra bão lũ, ngoài việc giúp hỗ trợ và tạo điều kiện dạy và học cho giáo viên và học sinh, trường học còn đáp ứng các tiêu chuẩn và có công năng sử dụng như nhà cộng đồng phòng chống thiên tai: Được xây trên nền móng kiên cố, có cầu thang cứu hộ, có khu bếp ăn tập thể để cứu hộ người dân.

58 TỶ ĐỒNG
TÀI TRỢ CHO GIÁO DỤC

Bên cạnh đó, chương trình “Học bổng Đạm Phú Mỹ” - hoạt động thường niên của PVFCCo từ năm 2008 đến nay tiếp tục được triển khai trên toàn quốc và được đánh giá là một trong những chương trình học bổng có uy tín và giá trị lớn nhất trên toàn quốc. Trong năm 2014, PVFCCo trao gần 500 suất học bổng với tổng trị giá 2,6 tỷ đồng cho các em học sinh, sinh viên vượt khó học giỏi trên toàn quốc, trong đó có những sinh viên ưu tú đạt giải cao tại các cuộc thi quốc tế, sinh viên là con nông dân nghèo vượt khó học giỏi...

LĨNH VỰC Y TẾ

12 TỶ ĐỒNG
XÂY DỰNG CÁC TRẠM Y TẾ,
CƠ SỞ KHÁM CHỮA BỆNH

Năm 2014, PVFCCo tiếp tục giải ngân hơn 12 tỷ đồng dành cho việc triển khai các dự án xây dựng các trạm y tế, cơ sở khám chữa bệnh, đặc biệt tại các vùng sâu, vùng xa, nơi điều kiện khám chữa bệnh còn thiếu thốn. Chương trình khám bệnh miễn phí và tặng quà cho bà con nông dân có hoàn cảnh khó khăn cũng tiếp tục được triển khai do hoạt động này trong năm 2013 đạt được nhiều hiệu ứng tích cực. Trong năm thứ 2 triển khai, đã có gần 2.500 người được tiếp cận với việc khám chữa bệnh cơ bản.



NHÀ ĐẠI ĐOÀN KẾT

Năm 2014, PVFCCo tiếp tục giải ngân số tiền 6 tỷ đồng cho Chương trình xây dựng Nhà Đại đoàn kết với việc hoàn thành thêm 200 căn nhà mới trên toàn quốc. Cũng trong năm 2014, PVFCCo đã phối hợp với Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam triển khai chương trình “Mái ấm Công đoàn” cho các công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn với tổng số tiền là 2 tỷ đồng. Cho đến nay, PVFCCo đã hỗ trợ xây dựng hơn 18.000 căn nhà Đại đoàn kết cho các hộ nghèo trên toàn quốc.

Có “an cư” mới “lạc nghiệp”, không chỉ hỗ trợ chỗ ở, PVFCCo còn hỗ trợ nông dân nghèo phương tiện sản xuất quan trọng, cải thiện cuộc sống. Năm 2014, PVFCCo tiếp tục giải ngân số tiền 2 tỷ đồng cho chương trình “Ngân hàng bò” do Hội Chữ thập đỏ Việt Nam phát động. Đến nay, đã có hơn 500 con bò giống do PVFCCo tài trợ đến với bà con các xã nghèo biên giới. Ngoài ra, vào dịp Tết Ất Mùi vừa qua, PVFCCo đã tổ chức chương trình “Vui Tết cùng Phú Mỹ”, tiếp nối truyền thống Tết vì người nghèo nhiều năm qua. Theo đó, gần 10.000 phần quà với giá trị gần 4,5 tỷ đồng đã được trao tặng trực tiếp tới các gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại 37 tỉnh thành trong cả nước nhằm giúp bà con có một cái Tết đầm ấm hơn.

“HƯỚNG VỀ BIỂN ĐẢO QUÊ HƯƠNG”

Điểm nhấn trong hoạt động ASXH của PVFCCo trong năm 2014 là Chương trình “Hướng về biển đảo”. Trong tháng 5/2014, ngay sau khi Trung Quốc hạ đặt trái phép giàn khoan Hải Dương - 981 vào sâu thềm lục địa, vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, PVFCCo đã phát động phong trào hướng về biển đảo, tập trung hỗ trợ lực lượng hải quân, kiểm ngư, cảnh sát biển. PVFCCo cũng là doanh nghiệp đầu tiên quyên góp ủng hộ 300 triệu đồng cho các lực lượng thực thi pháp luật trên vùng biển Hoàng Sa. Trong tháng 6/2014, PVFCCo bàn giao tàu tuần tra cao tốc H47P trị giá 12 tỷ đồng tặng lực lượng cảnh sát biển Việt Nam, tiếp đó là bàn

giao xuống Chủ quyền CQ - 01 trị giá 3,5 tỷ đồng cho bộ đội Trường Sa.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam tỉnh Khánh Hòa, PVFCCo đã ủng hộ 3 tỷ đồng cho chương trình “Tắm lưới nghĩa tình” tặng bà con ngư dân Hoàng Sa - Trường Sa. Đặc biệt, chương trình học bổng “Đạm Phú Mỹ” năm nay của PVFCCo ưu tiên hỗ trợ những gương vượt khó học giỏi là con cán bộ chiến sĩ hải quân, cán bộ kiểm ngư, cán bộ chiến sĩ cảnh sát biển đang trực tiếp đóng quân trên các đảo, nhà giàn và làm nhiệm vụ trực tiếp trên biển. Tính đến nay,

90 TỶ ĐỒNG
GẦN TỔNG GIÁ TRỊ THỰC HIỆN ASXH

33 TỶ ĐỒNG
ĐÓNG GÓP CHO CÁC HOẠT ĐỘNG
VÌ BIỂN ĐẢO QUÊ HƯƠNG

PVFCCo đã đóng góp hơn 33 tỷ đồng cho các hoạt động vì biển đảo quê hương.

Dự báo năm 2015, tình hình kinh tế tiếp tục diễn biến phức tạp, đặt ra những khó khăn và thách thức lớn đối với ngành phân bón và gián tiếp tác động tới việc giải ngân cho lĩnh vực ASXH của PVFCCo. Tuy nhiên, với phương châm “của cho không bằng cách cho”, với sự tận tâm và hỗ trợ thiết thực, kịp thời, PVFCCo cam kết vẫn là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội với cộng đồng.

**“ Kinh doanh không thể lúc nào
cũng đi lên theo đường thẳng đứng
mà cũng có lúc lên xuống theo hình SIN
để lấy đà cho đợt tăng trưởng mới. ”**

Khi hai dự án mới NH_3 - NPK và UFC85 của PVFCCo đi vào hoạt động sẽ đóng góp doanh thu khoảng 4.500 tỷ đồng và lợi nhuận khoảng 700 tỷ đồng mỗi năm. Hàng năm nước ta phải nhập khẩu hơn 300.000 tấn NH_3 và 500.000 tấn NPK chất lượng cao, trong khi cụm dự án NH_3 - NPK đi vào hoạt động cũng chỉ cung ứng cho thị trường 45.000 tấn NH_3 và 250.000 tấn NPK chất lượng cao.

Ban lãnh đạo PVFCCo.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



- 106 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
- 108 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 110 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 112 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 113 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 115 Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất



TÀI SẢN NGẮN HẠN

7.200
TỶ ĐỒNG

TÀI SẢN DÀI HẠN

2.911
TỶ ĐỒNG

Doanh thu bán hàng
và cung cấp dịch vụ

9.642
TỶ ĐỒNG

TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG
TIỀN CUỐI NĂM

5.078
TỶ ĐỒNG



NPK

PHÚ MỸ



BÁO CÁO CỦA **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Cự Tân	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch
Ông Cao Hoài Dương	Ủy viên
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Ủy viên
Ông Đinh Quang Hoàn	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Cao Hoài Dương	Tổng Giám đốc
Ông Từ Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tòng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Trí Hội	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Kim Nhân	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- » Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- » Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- » Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- » Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Tòng
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 769/VN1A-HN-BC

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2015, từ trang 110 đến trang 149, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 20 tháng 3 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Trần Huy Công
Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0891-2013-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

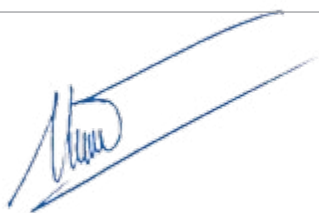
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		7.199.875.923.020	7.515.223.312.458
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	5.078.299.954.021	4.032.386.358.314
1. Tiền	111		151.773.287.354	435.859.691.647
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.926.526.666.667	3.596.526.666.667
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		76.245.382.915	1.734.861.214.549
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	76.245.382.915	1.734.861.214.549
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		404.397.880.251	246.097.665.217
1. Phải thu khách hàng	131		174.789.878.438	105.080.054.904
2. Trả trước cho người bán	132		88.841.597.580	74.278.800.409
3. Các khoản phải thu khác	135	7	262.358.111.522	186.035.877.193
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(121.591.707.289)	(119.297.067.289)
IV. Hàng tồn kho	140	8	1.491.901.174.015	1.340.683.371.984
1. Hàng tồn kho	141		1.492.182.549.952	1.353.397.692.080
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(281.375.937)	(12.714.320.096)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		149.031.531.818	161.194.702.394
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	16.540.850.938	16.754.134.505
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		126.299.049.017	110.241.258.017
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	19	4.515.840.739	30.491.537.283
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.675.791.124	3.707.772.589
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+240+250+260)	200		2.911.134.578.679	3.290.087.917.426
I. Tài sản cố định	220		2.295.454.203.726	2.368.443.661.712
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.133.009.443.261	1.257.291.251.123
- Nguyên giá	222		7.325.619.743.462	7.212.931.208.323
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.192.610.300.201)	(5.955.639.957.200)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	915.607.931.380	927.348.585.669
- Nguyên giá	228		1.148.328.298.022	1.143.916.832.122
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(232.720.366.642)	(216.568.246.453)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	246.836.829.085	183.803.824.920
II. Bất động sản đầu tư	240	13	274.190.461.027	284.964.579.592
- Nguyên giá	241		314.530.971.192	314.530.971.192
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(40.340.510.165)	(29.566.391.600)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		231.690.859.935	540.521.826.075
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	209.850.965.127	463.076.061.761
2. Đầu tư dài hạn khác	258	15	22.175.765.094	77.875.067.921
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(335.870.286)	(429.303.607)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		109.799.053.991	96.157.850.047
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	43.566.513.172	66.360.451.576
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	65.279.638.819	28.765.219.071
3. Tài sản dài hạn khác	268		952.902.000	1.032.179.400
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		10.111.010.501.699	10.805.311.229.884

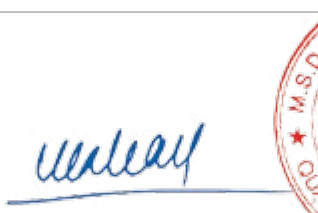
NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A.	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.106.070.665.154	1.249.172.775.527
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.043.910.949.400	1.223.123.387.061
	1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	93.520.912.889	65.405.536.332
	2. Phải trả người bán	312		364.668.057.846	605.551.019.966
	3. Người mua trả tiền trước	313		39.360.737.225	111.417.518.731
	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	52.084.947.515	13.565.487.134
	5. Phải trả người lao động	315		79.926.390.391	89.584.219.696
	6. Chi phí phải trả	316	20	281.235.390.729	160.664.901.010
	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	67.855.304.671	63.691.286.159
	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		350.050.095	327.365.199
	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		64.909.158.039	112.916.052.834
II.	Nợ dài hạn	330		62.159.715.754	26.049.388.466
	1. Phải trả dài hạn khác	333		6.177.584.074	5.951.661.602
	2. Vay và nợ dài hạn	334	22	1.125.866.779	3.053.298.732
	3. Doanh thu chưa thực hiện	338		2.875.711.896	3.525.485.494
	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		51.980.553.005	13.518.942.638
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		8.788.138.506.409	9.346.015.885.588
I.	Vốn chủ sở hữu	410	23	8.788.138.506.409	9.346.015.885.588
	1. Vốn điều lệ	411		3.800.000.000.000	3.800.000.000.000
	2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.179.913.858	21.179.913.858
	3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.397.482.187	977.787.044
	4. Cổ phiếu quỹ	414		(2.296.824.120)	(2.296.824.120)
	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(719.794)	(264.120.169)
	6. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.527.751.504.123	2.526.156.314.757
	7. Quỹ dự phòng tài chính	418		968.212.548.247	962.866.860.541
	8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.014.770.873	1.014.770.873
	9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.469.879.831.035	2.036.381.182.804
C.	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	24	216.801.330.136	210.122.568.769
	TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		10.111.010.501.699	10.805.311.229.884

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014	31/12/2013
1. Ngoại tệ các loại		
- USD	1.808.880	6.222.194
- EUR	33.658	1.788.994



Trần Xuân Thảo
Người lập biểu



Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Tòng
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh kèm theo từ trang 115 đến trang 149 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

111



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		9.642.700.730.426	10.410.922.862.176
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		93.850.877.835	47.504.499.333
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	26	9.548.849.852.591	10.363.418.362.843
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	7.121.096.149.422	7.011.191.021.409
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	26	2.427.753.703.169	3.352.227.341.434
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	406.506.623.868	428.637.014.880
7. Chi phí tài chính	22	29	4.729.620.348	7.733.290.120
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.931.385.121	3.269.463.805
8. Chi phí bán hàng	24		701.604.959.417	634.991.557.491
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		570.530.577.008	551.914.252.488
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		1.557.395.170.264	2.586.225.256.215
11. Thu nhập khác	31		16.648.055.652	14.919.253.710
12. Chi phí khác	32		9.545.806.055	2.244.332.095
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		7.102.249.597	12.674.921.615
14. (Lỗ) từ công ty liên kết	45	14	(279.826.945.025)	(131.083.086.624)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		1.284.670.474.836	2.467.817.091.206
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	186.726.498.683	261.984.915.425
17. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	17	(36.514.419.748)	26.641.415.510
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.134.458.395.901	2.179.190.760.271
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	24	38.182.555.531	36.861.411.945
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		1.096.275.840.370	2.142.329.348.326
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	2.885	5.644

Trần Xuân Thảo
Người lập biểu

Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.284.670.474.836	2.467.817.091.206
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	268.667.500.841	249.516.494.079
Các khoản dự phòng	03	(10.231.737.480)	(1.321.158.287)
Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	104.776.992	(56.237.105)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(125.057.581.292)	(296.237.041.638)
Chi phí lãi vay	06	2.931.385.121	3.269.463.805
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.421.084.819.018	2.422.988.612.060
Thay đổi các khoản phải thu	09	(179.353.696.872)	(54.943.006.374)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(138.784.857.872)	(167.471.684.988)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(183.400.003.718)	43.387.734.131
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn	12	25.771.110.979	20.018.216.690
Tiền lãi vay đã trả	13	(3.041.817.704)	(3.834.386.165)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(122.523.463.954)	(388.790.598.996)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(212.149.839.874)	(342.779.557.701)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	607.602.250.003	1.528.575.328.657
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(203.886.105.949)	(267.562.840.439)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	214.216.539	734.591.819
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.873.765.094)	(1.830.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.663.615.831.634	157.215.831.634
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(29.363.000.000)	(35.137.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	135.900.173.400	5.750.000.000
7. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	367.559.611.576	412.012.280.599
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.928.166.962.106	(1.556.987.136.387)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	260.870.891.673	273.334.163.652
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(234.682.947.069)	(241.090.005.213)
3. Cổ tức đã trả cho các cổ đông	36	(1.516.104.854.000)	(1.704.650.330.950)
4. Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ	37	-	103.808.910.185
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.489.916.909.396)	(1.568.597.262.326)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	1.045.852.302.714	(1.597.009.070.056)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.032.386.358.314	5.629.375.858.166
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	61.292.993	19.570.204
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5.078.299.954.021	4.032.386.358.314

Trần Xuân Thảo
Người lập biểu

Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tòng
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi lần thứ 11 ngày 16 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2008 theo Nghị quyết số 01/NĐ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông, trong đó Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần được hình thành từ bộ máy các phòng chức năng của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, các Ban quản lý dự án và Nhà máy đạm Phú Mỹ. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 05 tháng 11 năm 2007 với mã chứng khoán là DPM.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 61,37% vốn điều lệ.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các Công ty con bao gồm: Sản xuất và kinh doanh phân đạm, amoniac lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác; các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Sản xuất kinh doanh điện; Kinh doanh bất động sản; Mua bán hàng nông, lâm sản; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa; Chế biến các sản phẩm dầu khí và khoáng sản và Đào tạo nghề.

Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Bình Định	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	Tp. Cần Thơ	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Tp. Hồ Chí Minh	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	Tp. Hà Nội	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	Tp. Hồ Chí Minh	81,38	81,38	Thi công xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	51	51	Sản xuất bao bì



2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Những thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho các quy định trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 " Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con".

Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở các công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của các công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của các công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty tại phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) số tiền 110.143.267.289 đồng (bao gồm: Khoản ủy thác vốn đầu tư đến hạn thanh toán với số tiền 101.597.868.000 đồng và lãi ủy thác phát sinh chưa thanh toán với số tiền 8.545.399.289 đồng). Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi khoản phải thu này là rất thấp do hoạt động sản xuất kinh doanh của PVFI gặp nhiều khó khăn, kinh doanh thua lỗ, khả năng hoạt động liên tục không được đảm bảo, PVFI không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập dự phòng đối với toàn bộ khoản phải thu này.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền trừ giá xuất kho nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị sổ sách của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Năm 2014

(Số năm)

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Tài sản cố định hữu hình khác	3

Đối với những tài sản cố định tại Nhà máy đạm Phú Mỹ mà việc sửa chữa có tính chu kỳ thì Tổng Công ty được trích trước chi phí sửa chữa theo dự toán vào chi phí hàng năm. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định lớn hơn số trích theo dự toán thì Tổng Công ty được tính thêm vào chi phí hợp lý số chênh lệch này. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất, bản quyền sáng chế, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bản quyền sáng chế và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng, Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Tổng Công ty bao gồm thuê văn phòng và thuê đất. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửa Long tại tỉnh Cà Mau; Khách sạn Sao Phương Bắc tại thị trấn Sapa, tỉnh Lào Cai và Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, Thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Năm 2014

(Số năm)

Quyền sử dụng đất

44 - 50

Nhà cửa, vật kiến trúc

25

Tổng Công ty không trích khấu hao cho bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Tổng Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc và trừ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư (nếu có).



4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn có giá trị ghi sổ cao hơn giá có thể thu hồi được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất, vật tư phụ tùng thay thế và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Vật tư, phụ tùng thay thế tại Nhà máy đạm Phú Mỹ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm, phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định của dây chuyền sản xuất.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ xuất dùng và một số chi phí khác được coi là mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai trên một năm. Các khoản chi phí trả trước này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng từ 1,5 đến 2 năm.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa bằng 10% thu thập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó.

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, có kỳ hạn, lãi nhận được từ các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn, trong đó lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng; lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Lỗ chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính của Chi nhánh Cambodia tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 không được hạch toán vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm mà được trình bày trên khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.



4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	1.451.261.470	1.407.479.185
Tiền gửi ngân hàng	150.322.025.884	434.452.212.462
Các khoản tương đương tiền	4.926.526.666.667	3.596.526.666.667
	5.078.299.954.021	4.032.386.358.314

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng với lãi suất từ 4,7%/năm đến 5,8%/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ – Công ty con của Tổng Công ty đã thế chấp sổ dư tiền mặt, tiền gửi/sổ tiết kiệm mở tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Vũng Tàu với số tiền khoản 8,6 tỷ đồng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Vũng Tàu.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại	75.000.000.000	1.730.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam	1.245.382.915	4.861.214.549
	76.245.382.915	1.734.861.214.549

Đầu tư ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,4%/năm đến 6%/năm.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	20.177.721.324	63.567.708.786
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) (i)	110.143.267.289	110.143.267.289
Công ty Cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (ii)	12.792.091.037	-
Thuế Giá trị gia tăng được hoàn của Nhà máy Đạm Phú Mỹ	106.450.370.984	-
Khác	12.794.660.888	12.324.901.118
	262.358.111.522	186.035.877.193

(i) Số dư phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “PVFI”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm: Khoản ủy thác vốn đầu tư quá hạn thanh toán với số tiền 101.597.868.000 đồng và lãi ủy thác phát sinh chưa thanh toán với số tiền 8.545.399.289 đồng. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi khoản phải thu này là rất thấp do hoạt động sản xuất kinh doanh của PVFI gặp nhiều khó khăn, kinh doanh thua lỗ, khả năng hoạt động liên tục không được đảm bảo, PVFI không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ đối với toàn bộ khoản phải thu này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)

(ii) Số dư phải thu Công ty Cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc (gọi tắt là "PVGN") tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 phản ánh khoản tiền bảo hiểm thiệt hại công trình Tổng kho sản phẩm dầu khí Đà Nẵng, số tiền bảo hiểm thiệt hại đã được cơ quan bảo hiểm đền bù nhưng PVGN chưa chuyển trả cho Công ty.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Hàng mua đang đi đường	288.454.892.852	92.540.186.877
Nguyên liệu, vật liệu	499.192.205.959	493.812.401.373
Công cụ, dụng cụ	4.852.076.337	4.443.958.641
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	46.750.905.139	42.033.767.857
Thành phẩm	344.320.570.248	229.724.768.898
Hàng hóa	308.611.899.417	490.842.608.434
	1.492.182.549.952	1.353.397.692.080
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(281.375.937)	(12.714.320.096)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	1.491.901.174.015	1.340.683.371.984

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí bảo hiểm tài sản	9.518.700.811	11.461.045.219
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	7.022.150.127	5.293.089.286
	16.540.850.938	16.754.134.505

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	1.600.141.472.467	5.390.852.326.430	123.045.759.924	96.566.147.502	2.325.502.000	7.212.931.208.323
Mua trong năm	145.000.000	27.616.438.348	6.131.584.791	18.815.995.561	448.330.000	53.157.348.700
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	38.042.967.032	12.571.218.345	-	9.181.961.073	4.585.829.975	64.381.976.425
Tăng khác	92.187.700	1.151.868.758	-	-	-	1.244.056.458
Thanh lý	-	-	(2.969.675.034)	(1.716.195.084)	-	(4.685.870.118)
Phân loại lại sang chi phí trả trước dài hạn	(1.019.036.426)	-	-	(389.939.900)	-	(1.408.976.326)
Tại ngày 31/12/2014	1.637.402.590.773	5.432.191.851.881	126.207.669.681	122.457.969.152	7.359.661.975	7.325.619.743.462
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	742.261.053.901	5.081.500.674.702	73.722.647.925	57.352.880.074	802.700.598	5.955.639.957.200
Khấu hao trong năm	94.149.517.877	114.215.433.256	10.163.079.215	21.090.871.322	2.122.360.417	241.741.262.087
Thanh lý	-	-	(2.377.655.219)	(1.716.195.084)	-	(4.093.850.303)
Phân loại lại sang chi phí trả trước dài hạn	(606.589.039)	-	-	(70.479.744)	-	(677.068.783)
Tại ngày 31/12/2014	835.803.982.739	5.195.716.107.958	81.508.071.921	76.657.076.568	2.925.061.015	6.192.610.300.201
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2014	801.598.608.034	236.475.743.923	44.699.597.760	45.800.892.584	4.434.600.960	1.133.009.443.261
Tại ngày 31/12/2013	857.880.418.566	309.351.651.728	49.323.111.999	39.213.267.428	1.522.801.402	1.257.291.251.123

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 5.363.972.216.156 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 5.336.498.737.902 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, toàn bộ giá trị nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã được thế chấp để bảo đảm cho các hợp đồng vay ngắn, dài hạn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (xem Thuyết minh 18 và 22).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, sáng chế	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	913.888.881.862	171.736.726.176	47.956.027.688	10.335.196.396	1.143.916.832.122
Mua trong năm	-	-	4.411.465.900	-	4.411.465.900
Tại ngày 31/12/2014	913.888.881.862	171.736.726.176	52.367.493.588	10.335.196.396	1.148.328.298.022
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	11.373.778.498	166.511.841.428	28.715.380.474	9.967.246.053	216.568.246.453
Khấu hao trong năm	5.005.600.203	2.523.846.619	8.375.769.245	246.904.122	16.152.120.189
Tại ngày 31/12/2014	16.379.378.701	169.035.688.047	37.091.149.719	10.214.150.175	232.720.366.642
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	897.509.503.161	2.701.038.129	15.276.343.869	121.046.221	915.607.931.380
Tại ngày 31/12/2013	902.515.103.364	5.224.884.748	19.240.647.214	367.950.343	927.348.585.669

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 178.805.688.555 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 172.997.702.521 đồng).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Dự án Amoniac	46.248.899.367	46.248.899.367
Nhà ở Cán bộ công nhân viên	36.342.070.618	36.342.070.618
Kho Tây Ninh	23.573.596.728	23.573.596.728
Kho Đà Nẵng (*)	-	22.875.662.950
Dự án nâng công suất phân xưởng NH ₃ Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng sản xuất NPK	23.451.226.161	15.264.114.882
UFC 85/Formaldehyde	75.732.962.614	-
Các công trình khác	41.488.073.597	39.499.480.375
	246.836.829.085	183.803.824.920

(*) Ngày 17 tháng 6 năm 2014, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã có Công văn số 289/PHBC-ĐTĐD về việc tạm dừng triển khai công trình Tổng kho sản phẩm Dầu khí Đà Nẵng do công trình gặp sự cố từ tháng 9 năm 2012, và nếu tiếp tục thì tiến độ thi công sẽ kéo dài trong khi hiệu quả không cao.

Theo Biên bản làm việc với cơ quan bảo hiểm, tổng giá trị bồi thường được cơ quan bảo hiểm chi trả là 21,4 tỷ đồng, số tiền này đã được chuyển trả toàn bộ cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (gọi tắt là "PVGN"). Theo đó, Tổng Công ty quyết định ghi giảm toàn bộ chi phí đầu tư của công trình, đồng thời ghi tăng phải thu PVGN số tiền bảo hiểm bồi thường (theo tỷ lệ trong Hợp đồng góp vốn) là 12,79 tỷ đồng (như trình bày tại Thuyết minh số 7), phần chênh lệch còn lại Tổng Công ty đã ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	84.498.516.000	230.032.455.192	314.530.971.192
Tại ngày 31/12/2014	84.498.516.000	230.032.455.192	314.530.971.192
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	4.610.177.080	24.956.214.520	29.566.391.600
Khấu hao trong năm	1.482.325.638	9.291.792.927	10.774.118.565
Tại ngày 31/12/2014	6.092.502.718	34.248.007.447	40.340.510.165
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2014	78.406.013.282	195.784.447.745	274.190.461.027
Tại ngày 31/12/2013	79.888.338.920	205.076.240.672	284.964.579.592

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửa Long tại tỉnh Cà Mau; Khách sạn Sao Phương Bắc tại thị trấn Sapa, tỉnh Lào Cai và Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, Thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	662.700.000.000	634.137.000.000
(Lỗ) phát sinh từ sau ngày đầu tư	(471.339.638.567)	(184.928.891.009)
Chênh lệch giữa giá mua và phần sở hữu trong tài sản thuần của Công ty liên kết tại ngày mua (*)	18.490.603.694	13.867.952.770
	209.850.965.127	463.076.061.761
Trong đó:		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	11.461.412.775	11.250.837.108
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	198.389.552.352	451.825.224.653
	209.850.965.127	463.076.061.761

(*) Tổng Công ty đã xác định khoản lãi phát sinh tại ngày mua do chênh lệch giữa giá mua và phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty liên kết - Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (gọi tắt là "PVTEX") tại ngày đầu tư là 23.113.254.617 đồng. Ban Tổng Giám đốc quyết định phân bổ chênh lệch này vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty trong thời gian là 5 năm kể từ năm 2011, mỗi năm khoảng 4,6 tỷ đồng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	31/12/2014 VND	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	TP. Cà Mau	35,63	11.461.412.775	Thi công xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX)	TP. Hải Phòng	25,99	198.389.552.352	Sản xuất và kinh doanh xơ sợi Polyeste
			209.850.965.127	

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tổng tài sản	7.708.562.833.077	7.915.024.355.348
Tổng công nợ	6.895.234.946.959	6.046.983.353.656
Tài sản thuần	813.327.886.118	1.868.041.001.692
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	209.850.965.127	463.076.061.761

	2014 VND	2013 VND
Doanh thu thuần	1.259.636.585.728	575.737.275.580
(Lỗ) thuần	(1.083.276.115.574)	(490.638.192.635)
(Lỗ) thuần từ khoản đầu tư vào Công ty liên kết	(279.826.945.025)	(131.083.086.624)

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần (DMC) (*)		-	57.373.067.921
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)	8,50%	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi	6,78%	16.902.000.000	16.902.000.000
Đầu tư dài hạn khác		1.673.765.094	-
		22.175.765.094	77.875.067.921
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			
Trong đó:			
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)		(335.870.286)	(429.303.607)
		(335.870.286)	(429.303.607)
Giá trị thuần của khoản đầu tư		21.839.894.808	77.445.764.314

(*) Trong năm, Tổng Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần tại Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí – Công ty Cổ phần, lợi nhuận chuyển nhượng đã được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất với số tiền khoảng 78 tỷ đồng (như trình bày tại Thuyết minh số 28).

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và nhận thấy ngoài khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) có dấu hiệu suy giảm giá trị cần phải trích lập dự phòng, các khoản đầu tư dài hạn còn lại không bị suy giảm giá trị, do vậy Tổng Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn này.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trả trước tiền thuê đất	9.573.023.571	10.287.631.936
Vật tư phụ tùng thay thế	15.734.967.845	31.202.705.600
Chi phí trả trước dài hạn khác	18.258.521.756	24.870.114.040
	43.566.513.172	66.360.451.576

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm 2014:

	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi VND	Chi phí trích trước chưa có hóa đơn VND	Lợi nhuận chưa thực hiện VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	13.767.908.411	11.656.179.678	3.341.130.982	-	28.765.219.071
Ghi nhận trong năm	(6.498.452.770)	30.179.691.223	5.681.380.012	7.151.801.283	36.514.419.748
Tại ngày 31/12/2014	7.269.455.641	41.835.870.901	9.022.510.994	7.151.801.283	65.279.638.819



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	91.740.870.923	63.597.620.515
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	21.455.796.223	16.587.977.180
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vũng Tàu	5.308.574.700	1.557.998.400
Ngân hàng TMCP Quân đội	12.476.500.000	24.451.644.935
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	52.500.000.000	21.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.780.041.966	1.807.915.817
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.115.831.634	1.807.915.817
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	664.210.332	-
	93.520.912.889	65.405.536.332

Các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên được dùng để bổ sung vốn lưu động trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản vay được phân loại theo đồng tiền vay, hình thức bảo đảm và lãi suất vay như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay bằng VND	89.592.465.059	63.597.620.515
Vay bằng USD	2.148.405.864	-
	91.740.870.923	63.597.620.515

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay tín chấp	64.976.500.000	26.009.643.335
Vay có đảm bảo bằng tài sản	26.764.370.923	37.587.977.180
	91.740.870.923	63.597.620.515

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay theo lãi suất thả nổi	26.764.370.923	18.145.975.580
Vay theo lãi suất cố định	64.976.500.000	45.451.644.935
	91.740.870.923	63.597.620.515

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	462.406.107	12.186.769
Thuế thu nhập doanh nghiệp	48.951.016.887	9.922.734.971
Thuế thu nhập cá nhân	2.615.904.322	3.614.144.457
Các loại thuế khác	55.620.199	16.420.937
	52.084.947.515	13.565.487.134

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Phải nộp 31/12/2013 VND	Trong năm		Phải nộp 31/12/2014 VND
		Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	12.186.769	23.301.955.640	22.851.736.302	462.406.107
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	79.105.922.787	79.105.922.787	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	23.834.006.734	23.834.006.734	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(18.404.836.616)	186.726.498.683	122.523.463.954	45.798.198.113
Thuế thu nhập cá nhân	1.450.178.761	51.145.394.458	51.339.690.862	1.255.882.357
Thuế tài nguyên	-	456.986.762	426.686.922	30.299.840
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	1.994.896.068	1.970.073.709	24.822.359
Thuế môn bài	-	33.000.000	36.000.000	(3.000.000)
Các loại thuế khác	16.420.937	5.641.107.400	5.657.030.337	498.000
Tổng cộng	(16.926.050.149)	372.239.768.532	307.744.611.607	47.569.106.776
<i>Trong đó:</i>				
-Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13.565.487.134			52.084.947.515
-Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	30.491.537.283			4.515.840.739
+) Thuế thu nhập cá nhân	2.163.965.696			1.360.021.965
+) Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.327.571.587			3.152.818.774
+) Thuế khác	-			3.000.000

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định 2015 (i)	217.105.262.533	43.421.052.000
Chi phí an sinh xã hội (ii)	32.058.808.019	47.550.892.095
Khác	32.071.320.177	69.692.956.915
	281.235.390.729	160.664.901.010

(i) Trong năm 2014, Tổng Công ty đã trích thêm 173.684.210.533 đồng cho chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định theo kế hoạch bảo dưỡng và sửa chữa Nhà máy đạm Phú Mỹ cho năm 2015.

(ii) Theo Nghị quyết số 420/NQ-DKVN ngày 24 tháng 2 năm 2014 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, trong năm, Tổng Công ty đã trích lập chi phí thực hiện các hợp đồng an sinh xã hội 90 tỷ đồng để thực hiện chương trình an sinh xã hội của toàn Tập đoàn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, chi phí an sinh xã hội chưa được chuyển cho các đối tượng được nhận hỗ trợ là 32.058.808.019 đồng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Cổ tức phải trả	25.188.468.714	21.556.282.714
Phải trả, phải nộp khác	42.666.835.957	42.135.003.445
	67.855.304.671	63.691.286.159

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (i)	1.245.382.915	4.861.214.549
Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Vũng Tàu (ii)	1.660.525.830	-
	2.905.908.745	4.861.214.549
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18)	1.780.041.966	1.807.915.817
	1.125.866.779	3.053.298.732

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 2011/HĐTD-DPMP-CNSG với Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam là khoản vay không có tài sản đảm bảo, mức dư nợ tối đa là 25.310.821.434 đồng, thời hạn hiệu lực của hợp đồng là 7 năm kể từ ngày ký; lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất tiền gửi tổ chức kinh tế bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh + 1%/năm. Số dư của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.245.382.915 đồng.
- (ii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01-2014/HĐTD/BBĐPM ngày 08 tháng 4 năm 2014 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu có hạn mức cho vay tương đương 94.370,40 USD, thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích cho vay để mua sắm máy móc thiết bị. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất cho vay trung hạn theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu tại thời điểm nhận nợ và thay đổi theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu; tiền lãi phải trả từ ngày 26 đến ngày 30 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc, thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ tại khu Công nghiệp Phú Mỹ I, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Số dư khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.660.525.830 đồng.

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	1.780.041.966	1.807.915.817
Trong năm thứ hai	793.761.613	3.053.298.732
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	332.105.166	-
	2.905.908.745	4.861.214.549
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	1.780.041.966	1.807.915.817
Số phải trả sau 12 tháng	1.125.866.779	3.053.298.732

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ		Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2013	3.800.000.000.000		977.787.044	-	(85.447.473.262)	(70.094.992.992)	2.525.430.471.223	812.944.724.326	765.696.521	1.975.353.266.112	8.959.929.478.972
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.179.190.760.271	2.179.190.760.271
Cổ phiếu quỹ mua trong năm	-	-	-	21.179.913.858	83.150.649.142	-	-	-	-	-	104.330.563.000
Trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	1.437.212.009	151.522.709.608	488.572.680	(153.448.494.297)	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(224.529.279.394)	(224.529.279.394)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.709.704.170.000)	(1.709.704.170.000)
Tặng/(giảm) khác	-	-	-	-	-	69.830.872.823	-	-	-	(2.144.587.421)	67.686.285.402
Phân phối cho cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	(711.368.475)	(1.600.573.393)	(239.498.328)	(28.336.312.467)	(30.887.752.663)
Số dư tại 01/01/2014	3.800.000.000.000		977.787.044	21.179.913.858	(2.296.824.120)	(264.120.169)	2.526.156.314.757	962.866.860.541	1.014.770.873	2.036.381.182.804	9.346.015.885.588
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.134.458.395.901	1.134.458.395.901
Trích từ lợi nhuận (1)	-	-	-	-	-	-	4.019.846.012	7.069.821.834	-	(11.089.667.846)	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi (1)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(136.238.745.321)	(136.238.745.321)
Trả cổ tức (2)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.519.737.040.000)	(1.519.737.040.000)
Tặng/(giảm) khác	-	-	2.784.808.048	-	-	263.400.375	(2.784.808.048)	-	-	(1.902.593.760)	(1.639.193.385)
Phân phối cho cổ đông thiểu số	-	-	(1.365.112.905)	-	-	-	360.151.402	(1.724.134.128)	-	(31.991.700.743)	(34.720.796.374)
Số dư tại 31/12/2014	3.800.000.000.000		2.397.482.187	21.179.913.858	(2.296.824.120)	(719.794)	2.527.751.504.123	968.212.548.247	1.014.770.873	1.469.879.831.035	8.788.138.506.409

(1) Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng, phúc lợi của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên với số tiền tương ứng 4.019.846.012 đồng, 7.069.821.834 đồng, và 136.238.745.321 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.

(2) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 21/NQ-ĐHĐCĐ thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2014, Tổng Công ty đã công bố chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2013 là 1.899.671.300.000 đồng, năm 2013 Tổng Công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 1 với số tiền 949.835.650.000 đồng (2.500 đồng/cổ phần), trong Quý 2/2014 Tổng Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức đợt hai năm 2013 với số tiền 949.835.650.000 đồng (2.500 đồng/cổ phần).

Ngày 20 tháng 10 năm 2014, Tổng Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1 cho năm 2014 với tổng số tiền 569.901.390.000 đồng, tương đương 1.500 đồng/cổ phần theo Nghị quyết số 383/NQ-PBHC của Hội đồng Quản trị.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu	31/12/2014	31/12/2013
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	380.000.000	380.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	380.000.000	380.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	65.740	65.740
+ Cổ phiếu phổ thông	65.740	65.740
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	379.934.260	379.934.260
+ Cổ phiếu phổ thông	379.934.260	379.934.260
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi lần thứ 11 ngày 16 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 3.800.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Tỷ lệ %	31/12/2014 VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	61,37	2.332.042.530.000
Các cổ đông khác	38,63	1.467.957.470.000
	100,00	3.800.000.000.000

24. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại các Công ty con được xác định như sau:

	Công ty CP PBHCDK Miền Trung	Công ty CP PBHCDK Tây Nam Bộ	Công ty CP PBHCDK Đông Nam Bộ	Công ty CP PBHCDK Miền Bắc	Công ty CP Bao bì Đạm Phú Mỹ	Công ty CP QL và PT nhà Dầu khí Miền Nam
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vốn điều lệ của công ty con	100.000.000.000	170.000.000.000	125.000.000.000	120.000.000.000	42.000.000.000	72.248.000.000
Trong đó:						
Vốn phân bổ cho Tổng Công ty	75.000.000.000	127.500.000.000	93.750.000.000	90.000.000.000	21.410.000.000	58.796.800.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	25.000.000.000	42.500.000.000	31.250.000.000	30.000.000.000	20.590.000.000	13.451.200.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%	49,02%	18,62%

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tổng tài sản	324.412.998.407	326.512.640.944
Tổng nợ phải trả	(107.611.668.271)	(116.390.072.175)
Tài sản thuần	216.801.330.136	210.122.568.769
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	162.791.200.000	162.791.200.000
Các quỹ khác	20.303.854.001	17.574.758.370
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	33.706.276.135	29.756.610.399

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014:

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trong năm	144.650.586.652	140.155.072.628
Lợi ích của cổ đông thiểu số trong năm	38.182.555.531	36.861.411.945

Biến động của lợi ích cổ đông thiểu số trong năm như sau:

	Vốn điều lệ	Vốn khác thuộc chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 1/01/2014	162.791.200.000	940.194.604	9.946.179.495	5.712.627.735	975.756.536	29.756.610.399	210.122.568.769
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	38.182.555.531	38.182.555.531
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	1.004.961.503	1.724.134.128	-	(2.729.095.631)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.490.631.739)	(3.490.631.739)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(28.042.035.007)	(28.042.035.007)
Tăng/(Giảm) khác	-	1.365.112.905	(1.365.112.905)	-	-	28.872.582	28.872.582
Số dư tại ngày 31/12/2014	162.791.200.000	2.305.307.509	9.586.028.093	7.436.761.863	975.756.536	33.706.276.135	216.801.330.136



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Tổng Công ty tổ chức bộ phận hoạt động kinh doanh trên cơ sở các đơn vị hoạt động tương đối riêng biệt về lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh. Các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất bao gồm: Công ty mẹ, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ và Công ty Cổ phần Phân bón Hóa chất và Dầu khí Đông Nam Bộ.

- Sản xuất bao bì bao gồm: Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ

- Xây dựng công trình dân dụng và cung cấp dịch vụ khác bao gồm: Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam.

Các thông tin về bộ phận kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Sản xuất bao bì	Xây dựng công trình và cung cấp dịch vụ khác	Điều chỉnh hợp nhất	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	11.232.900.456.471	109.408.677.670	112.906.345.255	(1.554.055.942.824)	9.901.159.536.572
Tài sản không phân bổ	662.700.000.000	-	-	(452.849.034.873)	209.850.965.127
Tổng tài sản	11.895.600.456.471	109.408.677.670	112.906.345.255	(2.006.904.977.697)	10.111.010.501.699
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	2.448.508.871.467	49.082.480.203	30.638.787.200	(1.422.159.473.716)	1.106.070.665.154
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	2.448.508.871.467	49.082.480.203	30.638.787.200	(1.422.159.473.716)	1.106.070.665.154

Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2014

	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Sản xuất bao bì	Xây dựng công trình và cung cấp dịch vụ khác	Điều chỉnh hợp nhất	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.014.815.825.012	228.494.154.060	181.010.851.072	(12.781.620.099.718)	9.642.700.730.426
Các khoản giảm trừ doanh thu	215.454.093.538	39.373.576	-	(121.642.589.279)	93.850.877.835
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.799.361.731.474	228.454.780.484	181.010.851.072	(12.659.977.510.439)	9.548.849.852.591
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	19.402.514.379.030	190.702.469.172	154.264.313.191	(12.626.385.011.971)	7.121.096.149.422
Chi phí bán hàng	701.482.830.582	6.216.191.279	1.516.392.454	(7.610.454.898)	701.604.959.417
Chi phí quản lý doanh nghiệp	551.405.488.123	18.183.389.748	18.975.237.431	(18.033.538.294)	570.530.577.008
Kết quả hoạt động kinh doanh	1.143.959.033.739	13.352.730.285	6.254.907.996	(7.948.505.276)	1.155.618.166.744
(Lỗ) từ công ty liên kết					(279.826.945.025)
Doanh thu hoạt động tài chính					406.506.623.868
Chi phí tài chính					4.729.620.348
Lợi nhuận khác					7.102.249.597
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế					1.284.670.474.836
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					186.726.498.683
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(36.514.419.748)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					1.134.458.395.901

Bộ phận theo khu vực địa lý:

Tổng Công ty thực hiện phân phối các sản phẩm phân bón, hóa chất, bao bì và cung cấp dịch vụ khắp cả nước thông qua các Công ty con tại từng khu vực bao gồm Miền Bắc, Miền Trung - Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh. Trong năm, Tổng Công ty thực hiện xuất khẩu sản phẩm Đạm Phú Mỹ sang thị trường Campuchia, doanh thu bán hàng tại thị trường Campuchia là khoảng 27 tỷ đồng - chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty. Do vậy, gần như toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty là thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

26. DOANH THU VÀ GIÁ VỐN

	Kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước	Kinh doanh hàng hóa nhập khẩu	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Năm 2014			
Doanh thu thuần	7.071.728.592.529	2.477.121.260.062	9.548.849.852.591
Giá vốn hàng bán	(4.731.082.695.058)	(2.390.013.454.364)	(7.121.096.149.422)
<i>Trong đó: Hoàn nhập dự phòng</i>	2.539.676.996	9.893.267.163	12.432.944.159
Lợi nhuận gộp	2.340.645.897.471	87.107.805.698	2.427.753.703.169
Năm 2013			
Doanh thu thuần	7.769.884.555.606	2.593.533.807.237	10.363.418.362.843
Giá vốn hàng bán	(4.479.754.137.332)	(2.531.436.884.077)	(7.011.191.021.409)
<i>Trong đó: (Trích lập)/ Hoàn nhập dự phòng</i>	(161.444.387)	1.911.906.281	1.750.461.894
Lợi nhuận gộp	3.290.130.418.274	62.096.923.160	3.352.227.341.434

Chi tiết doanh thu kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước như sau:

	2014 VND	2013 VND
Doanh thu Ure Phú Mỹ	6.313.603.683.900	7.105.995.304.152
Doanh thu Ure Cà Mau	398.611.030.574	522.216.939.091
Doanh thu Amoniac	181.463.231.525	-
Doanh thu điện	1.422.244.336	1.991.296.831
Doanh thu khác	256.984.586.198	181.752.723.295
	7.152.084.776.533	7.811.956.263.369
Chiết khấu thương mại	80.356.184.004	42.071.707.763
	7.071.728.592.529	7.769.884.555.606

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu	3.736.969.200.487	3.411.455.860.911
Chi phí nhân công	480.836.113.801	447.887.406.792
Chi phí khấu hao tài sản cố định	268.667.500.841	249.516.494.079
Chi phí mua ngoài khác	859.123.476.692	1.053.681.045.081
Chi phí bằng tiền khác	187.615.021.863	153.238.029.011
	5.533.211.313.684	5.315.778.835.874

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi	321.129.781.714	421.692.807.649
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.605.442.400	5.133.202.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	748.735.235	1.693.536.938
Lợi nhuận chuyển nhượng cổ phiếu Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	78.527.105.479	-
Khác	495.559.040	117.468.293
	406.506.623.868	428.637.014.880

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền vay	2.931.385.121	3.269.463.805
(Hoàn nhập)/ Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(93.433.321)	429.303.607
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.679.680.768	4.034.522.708
Khác	211.987.780	-
	4.729.620.348	7.733.290.120

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2014 VND	2013 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	170.117.932.414	256.561.351.045
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước bổ sung	17.942.670.148	5.423.564.380
Chi phí thuế TNDN được miễn giảm	(1.334.103.879)	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	186.726.498.683	261.984.915.425

Tổng Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ từ 15% đến 22% tính trên thu nhập chịu thuế. Tổng Công ty có các khoản ưu đãi thuế như sau:

- Đối với hoạt động kinh doanh phân đạm sản xuất tại Nhà máy đạm Phú Mỹ, Công ty mẹ - Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty mẹ - Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2004) và giảm 50% cho bảy năm tiếp theo (từ năm 2008). Năm 2014 là năm cuối cùng Công ty mẹ - Tổng Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động chính do đây là năm thứ 11 kinh doanh có lãi (kể từ khi đi vào hoạt động).
- Công ty con – Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (“Công ty”) được chuyển giao dự án đầu tư của Công ty TNHH Hương Phong nên Công ty được thừa hưởng các ưu đãi về thuế từ dự án này. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoàn thành và bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2004) và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 7 năm tiếp theo và có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% cho những năm tiếp theo. Năm 2014 là năm thứ bảy Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% tính trên thu nhập chịu thuế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2014	2013
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.096.275.840.370	2.142.329.348.326
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản (cổ phiếu)	379.934.260	379.587.933
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.885	5.644

32. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	13.289.572.233	13.472.300.184
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	42.176.346.831	41.286.818.880
Sau năm năm	61.028.977.554	69.544.238.329
	116.494.896.618	124.303.357.393

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền Tổng Công ty và các đơn vị thành viên phải trả cho việc thuê đất để xây dựng nhà xưởng, kho bãi. Bao gồm các Hợp đồng thuê sau:

- » Từ ngày 03 tháng 9 năm 2005, Công ty mẹ đã tiếp nhận Hợp đồng thuê lại đất số 178/HĐ/TLĐ/UDEC.2001 ngày 01 tháng 6 năm 2001 được ký giữa Ban Quản lý Dự án Nhà máy đạm Phú Mỹ với Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho việc thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hợp đồng thuê có thời hạn 17 năm kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2004 với tiền thuê và phí sử dụng hạ tầng phải trả hàng năm là 378.392 USD/năm.
- » Ngày 10 tháng 6 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng thuê văn phòng ở Myanmar với thời hạn 1 năm từ 01 tháng 8 năm 2014 đến 31 tháng 7 năm 2015 với chi phí thuê hàng tháng là 2.700 USD/tháng.
- » Ngày 10 tháng 6 năm 2011, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc - Công ty con của Tổng Công ty đã ký Hợp đồng số 1521/2011/HĐ-VĐKV/PVFCCo North và ký phụ lục số 02 ngày 14 tháng 5 năm 2014 về việc thuê văn phòng tại Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam trong thời hạn 3 năm kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014. Tổng diện tích thuê là 655 m² với số tiền thuê là 274.300 VND/m²/năm
- » Ngày 20 tháng 5 năm 2008, Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ ký Hợp đồng thuê 50.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với giá thuê hàng năm là 70.000 USD/năm. Đơn giá đã được thay đổi theo Phụ lục hợp đồng số 01, theo đó kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2013 đơn giá thuê đất là 1.65 USD/m² tương đương với 82.500 USD/năm. Hợp đồng thuê có thời hạn 40 năm kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2008.
- » Ngày 07 tháng 3 năm 2013, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ ký Hợp đồng thuê xưởng trộn hóa chất của Công ty TNHH Công nghiệp Tây Nam với tổng giá thuê là 167.360.000 đồng/tháng (chưa bao gồm thuế VAT). Hợp đồng thuê này có thời hạn năm năm và kết thúc tại ngày 07 tháng 3 năm 2018.

Cam kết vốn

- » Theo Quyết định số 254/QĐ-PHBC ngày 12 tháng 8 năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Xưởng sản xuất UFC85/Formaldehyde cung cấp nguyên liệu để sản xuất phân Ure của Nhà máy đạm Phú Mỹ, Đạm Ninh Bình, Đạm Cà Mau và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ UFC85/Formaldehyde trong nước cho các lĩnh vực công nghiệp và đời sống với tổng mức đầu tư là 496.534.873.048 đồng, dự kiến thời gian thực hiện của dự án là 27,5 tháng. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá trị đã thực hiện đầu tư của dự án là 75.732.962.614 đồng (Thuyết minh số 12).
- » Theo Quyết định số 115/QĐ-PHBC ngày 08 tháng 4 năm 2014, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng nâng công suất phân xưởng NH_3 của Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng nhà máy sản xuất phân NPK công nghệ hóa học, cung cấp và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ NH_3 và phân NPK trong nước với tổng mức đầu tư là 4.987.200.000.000 đồng, dự kiến thời gian hoàn thành của dự án là Quý 2 năm 2017. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá trị đã thực hiện đầu tư của dự án là 23.451.226.161 đồng (Thuyết minh số 12).

Cam kết khác

Theo Hợp đồng mua bán khí số 82/2010/PVGas-KTTT/TM-PVFCCo/B1 ngày 07 tháng 5 năm 2010 và các Phụ lục bổ sung với Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần, giá mua khí trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được chia làm hai giai đoạn: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014 giá mua khí là 6,69 USD/MMBTU; Từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá khí được tính theo công thức tính giá khí được giao nhận tại điểm giao nhận khí như sau: Giá khí không bao gồm VAT (USD/MMBTU) = $46\% \times \text{Giá dầu trung bình MFOC} + 0,63(\text{USD/triệu BTU})$ (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013: 6,56 USD/MMBTU).

Ngày 14 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty và Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần đã ký Phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng về điều khoản giá khí: Theo đó, công thức tính giá khí đối với lượng khí được giao nhận theo Hợp đồng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 tại điểm giao nhận = $46\% \times \text{Giá dầu trung bình MFOC} + 0,92 (\text{USD/triệu BTU})$.

33. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 23 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty nhận được Công văn số 527/DKVN-TCKT của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("Tập đoàn") yêu cầu Tổng Công ty hoàn trả Tập đoàn số tiền 100,9 tỷ VND theo các cam kết bảo lãnh đối ứng cho các khoản vay vốn ngắn và trung hạn của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (gọi tắt là PVTEX). Nghĩa vụ thanh toán phát sinh do Tổng Công ty đã ký 2 Cam kết bảo lãnh đối ứng với Tập đoàn liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của Tập đoàn cho các khoản vay vốn ngắn và trung hạn của PVTEX, cụ thể như sau:

- » Trong trường hợp PVTEX không trả được gốc vay, lãi vay và các nghĩa vụ tài chính khác cho kỳ kết Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô (Bên cho vay) liên quan đến khoản vay ngắn hạn phục vụ công tác chạy thử, nghiệm thu Nhà máy Sản xuất Xơ sợi Tổng hợp Polyester Đình Vũ theo Hợp đồng tín dụng số 12013/043/HĐTD-LienVietPostBank-PVTEX ngày 15 tháng 05 năm 2013, và Tập đoàn phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, thì Tổng Công ty cam kết hoàn trả cho Tập đoàn toàn bộ gốc vay ngắn hạn, lãi vay, chi phí, lệ phí, tổn thất và phí tổn phát sinh mà Tập đoàn đã trả cho Bên cho vay tương ứng tỷ lệ vốn góp của Công ty tại PVTEX. Việc hoàn trả được thực hiện trong vòng 45 ngày kể từ ngày Tập đoàn có Công văn yêu cầu Tổng Công ty hoàn trả số tiền trên. Cam kết này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN (Tiếp theo)

- » Trong trường hợp PVTEX không trả được gốc vay, lãi vay và các nghĩa vụ tài chính khác cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng (Bên cho vay) liên quan đến khoản vay trung hạn đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Xơ sợi Tổng hợp Polyester Đình Vũ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2009/ĐV-HĐTD ký ngày 10 tháng 8 năm 2009, và Tập đoàn phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, thì Tổng Công ty cam kết hoàn trả cho Tập đoàn toàn bộ gốc vay, lãi vay, chi phí, lệ phí, tổn thất và phí tổn phát sinh mà Tập đoàn đã trả cho Bên cho vay tương ứng tỷ lệ vốn góp của Công ty tại PVTEX. Việc hoàn trả được thực hiện trong vòng 45 ngày kể từ ngày Tập đoàn có Công văn yêu cầu Công ty hoàn trả số tiền trên. Cam kết này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi các nghĩa vụ bảo lãnh đã được thanh toán đầy đủ.

Trong năm 2014, Tập đoàn đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả thay cho PVTEX một phần khoản vay trung hạn đầu tư xây dựng nhà máy và khoản vay ngắn hạn để vận hành chạy thử với số tiền tổng cộng là 388,5 tỷ đồng, theo đó Công ty phải hoàn trả cho Tập đoàn số tiền tương ứng tỷ lệ vốn góp của Công ty vào PVTEX là 100,9 tỷ đồng, thời hạn thanh toán là 45 ngày kể từ ngày 23 tháng 01 năm 2015. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán này, Công ty đã hoàn trả Tập đoàn số tiền nêu trên.

Do Công văn yêu cầu Công ty thực hiện các cam kết được ban hành ngày 23 tháng 01 năm 2015 và thời hạn thanh toán là 45 ngày kể từ ngày ban hành Công văn, nên Ban Tổng Giám đốc quyết định sẽ trình bày các ảnh hưởng của sự kiện này trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Theo Công văn số 9792/CV-KHDN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam về việc cơ cấu khoản vay dự án xây dựng Nhà máy Sản xuất Xơ sợi Tổng hợp Polyester tổng hợp của PVTEX: Ngày trả nợ gốc tiếp theo là ngày 21 tháng 6 năm 2017, như vậy trong năm 2015 Công ty chỉ có nghĩa vụ hoàn trả Tập đoàn số tiền 100,9 tỷ đồng như trình bày ở trên.

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 và 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối) và vốn thuộc sở hữu của các cổ đông thiểu số tại các Công ty con.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản vay	94.646.779.668	68.458.835.064
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	5.078.299.954.021	4.032.386.358.314
Nợ thuần	(4.983.653.174.353)	(3.963.927.523.250)
Vốn chủ sở hữu	8.788.138.506.409	9.346.015.885.588
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu (*)	-	-

(*) Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty bằng 0 đồng do Tổng Công ty chủ yếu hoạt động bằng vốn chủ sở hữu.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.078.299.954.021	4.032.386.358.314
Phải thu khách hàng và phải thu khác	315.556.282.671	171.818.864.808
Đầu tư ngắn hạn	76.245.382.915	1.734.861.214.549
Đầu tư dài hạn khác	21.839.894.808	77.445.764.314
Tài sản tài chính khác	1.000.902.000	1.074.179.400
Tổng cộng	5.492.942.416.415	6.017.586.381.385
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	94.646.779.668	68.458.835.064
Phải trả người bán và phải trả khác	431.030.994.513	668.495.853.812
Chi phí phải trả	281.235.390.729	160.664.901.010
Tổng cộng	806.913.164.910	897.619.589.886

Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro này có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá và giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đô la Mỹ (USD)	-	121.915.416.471	49.165.136.455	135.424.559.029

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2014 VND	2013 VND
Đô la Mỹ (USD)	983.302.729	270.182.851

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư cổ phiếu, và nhận thấy ngoài khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) thì không có cổ phiếu nào suy giảm giá trị, do vậy Tổng Công ty chỉ thực hiện trích dự phòng giảm giá đầu tư cho các khoản đầu tư nêu trên với số tiền 335.870.286 đồng.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty có một số khoản rủi ro tín dụng bao gồm: Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) về ủy thác vốn đầu tư và lãi ủy thác dự thu với số tiền 110.143.267.289 đồng; phải thu Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Lan tiền ứng trước mua hàng hóa với số tiền 9.153.800.000 đồng và phải thu Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Cần Thơ với số tiền 2.294.640.000 đồng. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi các khoản phải thu này là rất thấp. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ đối với toàn bộ các khoản phải thu này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.078.299.954.021	-	5.078.299.954.021
Phải thu khách hàng và phải thu khác	315.556.282.671	-	315.556.282.671
Đầu tư ngắn hạn	76.245.382.915	-	76.245.382.915
Đầu tư dài hạn khác	-	21.839.894.808	21.839.894.808
Tài sản tài chính khác	48.000.000	952.902.000	1.000.902.000
Tổng cộng	5.470.149.619.607	22.792.796.808	5.492.942.416.415
31/12/2014			
Các khoản vay	93.520.912.889	1.125.866.779	94.646.779.668
Phải trả người bán và phải trả khác	431.030.994.513	-	431.030.994.513
Chi phí phải trả	281.235.390.729	-	281.235.390.729
Tổng cộng	805.787.298.131	1.125.866.779	806.913.164.910
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.664.362.321.476	21.666.930.029	4.686.029.251.505

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.032.386.358.314	-	4.032.386.358.314
Phải thu khách hàng và phải thu khác	171.818.864.808	-	171.818.864.808
Đầu tư ngắn hạn	1.734.861.214.549	-	1.734.861.214.549
Đầu tư dài hạn khác	-	77.445.764.314	77.445.764.314
Tài sản tài chính khác	42.000.000	1.032.179.400	1.074.179.400
Tổng cộng	5.939.108.437.671	78.477.943.714	6.017.586.381.385
31/12/2013			
Các khoản vay	65.405.536.332	3.053.298.732	68.458.835.064
Phải trả người bán và phải trả khác	668.495.853.812	-	668.495.853.812
Chi phí phải trả	160.664.901.010	-	160.664.901.010
Tổng cộng	894.566.291.154	3.053.298.732	897.619.589.886
Chênh lệch thanh khoản thuần	5.044.542.146.517	75.424.644.982	5.119.966.791.499

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Mối quan hệ

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Công ty mẹ

Các công ty con, các đơn vị thành viên và các đơn vị liên kết của Tập đoàn

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	2014 VND	2013 VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	971.385.707.473	1.086.913.797.776
<i>Cổ tức trả Tập đoàn</i>	<i>932.817.012.000</i>	<i>1.049.419.138.500</i>
Phí Quản lý nộp Tập đoàn	38.568.695.473	37.494.659.276
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	149.609.588.343	199.921.344.519
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (DMC)	58.222.097.606	62.791.699.995
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí (Petrosetco)	37.250.000	6.361.904.762
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	53.571.853.658	71.009.436.905
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	4.930.623.863	19.520.214.800
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	8.950.009.524	14.497.214.286
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIENDONGPOC)	19.652.376.961	19.770.303.213
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	4.245.376.731	1.164.794.134
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	3.002.896.859.715	2.788.210.950.691
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	307.760.541.483	469.994.146.315
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Petrosetco)	12.265.617.541	52.771.424.059
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP (EIC)	29.064.546.643	44.494.944.824
Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI)	76.595.931.867	113.543.371.316
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	4.256.136.075	1.983.744.700
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	52.688.745.829	5.055.021.027
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	10.710.672.552	10.892.889.669
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC Mekong)	45.059.393.790	5.566.759.700
Viện Dầu khí Việt Nam (VPI)	13.163.032.566	28.457.895.695

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	200.708.559.394	281.533.038.085
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	11.979.477.462	17.077.966.511
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	13.246.125.090	6.190.393.397
Trả trước cho nhà cung cấp		
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	-	19.172.400.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC Mekong)	5.022.403.817	-
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	110.143.267.289	110.143.267.289
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	12.792.091.037	-

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.



Trần Xuân Thảo
Người lập biểu





Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tòng
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ
Được đăng tải tại website của Tổng Công ty tại địa chỉ:
www.dpm.vn





PHÂN BÓN **PHÚ MỸ**

Cho mùa bội thu



SẢN PHẨM CỦA
TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. HCM
Tel: (84.8) 3825 6258 Fax: (84.8) 3825 6269

www.dpm.vn